

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập nhị niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Tập San
THẾ ĐẠO



- * - Tâm Thư ngày 5-11-2016 của Cao Đài TTTN tại Hải Ngoại (Cao Đài Hải Ngoại).
- * - Thông báo số 01/VP/CĐHN ngày 28-9-2016 của Cao Đài Hải Ngoại.
- * - Thư Giáo Hữu Thượng Màng Thanh gửi Ban Thế Đạo Hải Ngoại ngày 21-2-2000.
- * - Bạch Thư năm 2004 và Bạch Thư năm 2013 của HTDP Dương Văn Nghĩa.

Tập Mới
Số 70
2-2017

Tạp San Thế Đạo
Magazine - Issue # 70
(Dec 2016 - Jan-Feb 2017)



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ

(Cửu thập nhị niên)

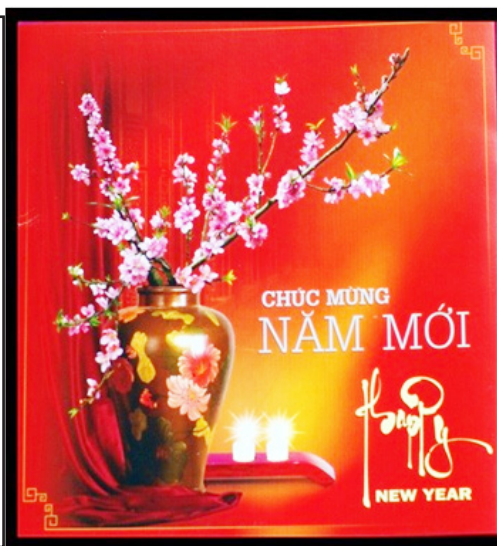
Tòa Thánh Tây Ninh

CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

Đôi liễn

Tân Xuân Đinh Dậu 2017 Mừng Xuân

CAO
ĐÀI
HIỆP
NHẤT
KHAI
TÂM
CHUYÊN
PHÁP
GÌN
ĐẠI
ĐẠO



HẢI
NGOẠI
CHUNG
LÒNG
MẠNH
TRÍ
BỀN
TU
ĐỘ
NHÂN
SANH

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Cửu Thập Nhị Niên)
TÒA THÀNH TÂY NINH

Cao Đài Hải Ngoại
Chúc Xuân Đinh Dậu 2017

Kính Gửi:

- *- Chư Vị Lãnh Đạo Tinh Thần Các Tôn Giáo Quốc Nội & Hải Ngoại
- *- Chư Vị Lãnh Đạo Cộng Đồng, Hiệp Hội, Đoàn Thể Việt Nam tại Hải Ngoại
- *- Chư Chức Sắc, Chức Việc và Quý Đồng Đạo Quốc Nội và Hải Ngoại
- *- Chư Vị Đồng Hương, Thân Hữu, Truyền Thông, Truyền Hình Báo Chí

Xuân Đinh Dậu 2017 đang về với chúng ta mang theo người ân điển của Đấng Cha Trời sưởi ấm lòng nhân thế. Tinh xuân mở rộng, ý xuân nồng nàn, tâm xuân định tĩnh, đánh thức TÂM CỐ, TÂM ÁI, TÂM HÒA rạng rỡ khắp non loài bền độ chúng sanh về bến giác.

Trong bầu không khí đầy ân sủng của ngày đầu Xuân Đinh Dậu, chúng tôi thay mặt thành viên Cao Đài Hải Ngoại thân kính tặng quý liệt vị bài thơ Xuân Tâm Chúc Mừng:

Xuân đến dịu dàng cho thể nhân!
Tinh xuân mở rộng ý cao dâng,
Vạn loài là một cùng chung mạch
Vạn chủng đệ huynh gốc Đại Đồng.
Thượng Đế giáng trần khai Đại Đạo,
Con người phẩm chất vốn thiên lương,
Trở về bản sắc Trời ban tặng
“Phục Nhất Qui Nguyên” sáng Đạo Thường!

Nhân dịp đầu Xuân, ngày thiêng liêng truyền thống của Dân Tộc Việt, một lần nữa chúng tôi đại diện Cao Đài Hải Ngoại kính chúc quý liệt vị “Vạn Sự Như Ý Nguyên”, thân tâm thường an lạc, cùng chung hưởng ĐẠI HỒNG ÁN của THƯỢNG ĐẾ trong mùa Tân Xuân Đinh Dậu.

Mó Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

Houston Ngày 1 Tháng 1 Năm 2017



Quốc Sư Trưởng CTĐ-HN

Quốc Sư Tịnh Quốc Thế

Trinh Quốc Thế



Quốc Sư Trưởng HTĐ-HN

Quốc Sư Nguyễn Ngọc Dũ

Nguyễn Ngọc Dũ

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập nhứt niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Cao Đài Hải Ngoại
8415 S. Breeze Dr, Houston TX 77071

TÂM THƯ

Houston Ngày 5 Tháng 11 Năm 2016

Kính gửi:

Quý Chức Sắc, Quý Chức việc, BTS các Cơ sở Đạo,
Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ đồng đạo hải ngoại và quốc nội,

Kính thưa quý Hiền Huynh Hiền Tỷ,

Từ đây nòi giống chẳng chia ba,

Thầy hiệp các con lại một nhà,

Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,

Chủ quyền chơn đạo một mình ta.

Đức Chí Tôn.

Thiên ý đã đưa những người con Cao Đài ra hải ngoại. Hơn bốn mươi năm qua, những tín hữu Cao Đài nhiệt tâm đã thành lập cơ sở Đạo khắp nơi, và đã xây dựng được nhiều Thánh Thất.

Nhưng những sinh hoạt của các đơn vị đạo này không được gắn bó chặt chẽ. Trước nguy cơ các Chức sắc Thiên phong và các bậc đàn anh lần lượt qua đời, và thế hệ trẻ chưa sẵn sàng tiếp nối sự nghiệp Đạo, cơ đạo đang cần có một tổ chức đạo hải ngoại để thể hiện thiên ý của Đức Chí Tôn khi đưa những người con Cao Đài ra ngoại quốc.

Tuân theo các Huấn Lệnh (Thánh Lệnh, Huấn Lệnh, Thuyết Đạo . . .) của Đức Hộ Pháp đặc biệt là Thánh lệnh số 257/HP/HN ngày 23-3-1957 của Đức Hộ Pháp Chương Quản Nhị hữu hình Đài Hiệp Thiên và Cứu Trùng, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại đã hội họp tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas vào ngày 3 tháng chín năm 2016 để thành lập cơ cấu hành chánh tạo một tổ chức hoà hiệp đoàn kết giữa các tổ chức Đạo tại hải ngoại.

Buổi Đại Hội này đã qui tụ nhiều đồng đạo từ Úc, Canada, Pháp, Đức, và nhiều tiểu bang Hoa Kỳ từ California, Georgia, Louisiana, Texas, Ohio, Kentucky, Oregon. Vì không đủ túc số thành viên để bầu lại Hội Đồng Chủ Trưởng của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại nên Đại Hội đã bị bế tắc. Cơ Quan Đại Diện có nguy cơ bị giải tán và kéo theo sự tồn vong của Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Để cứu vãn tình trạng này Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ và Hiền Tài Trịnh Quốc Thế đã kêu gọi các tổ chức Đạo hiện diện trong Đại Hội cùng ngồi lại tìm phương giải quyết bế tắc này. Sau nhiều giờ thảo luận, Đại Hội biểu quyết với số phiếu tuyệt đại đa số trên 95% đồng ý tái phối trí Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại thành Hệ Thống Cao Đài Hải Ngoại và bầu lại Hội Đồng Chủ Trưởng Hệ Thống Cao Đài Hải Ngoại với nhiệm vụ vận động các cơ sở Đạo tại hải ngoại thành lập Hệ Thống Cao Đài Hải Ngoại gồm 4 cấp Hương đạo, Tộc đạo, Châu đạo, và Trấn đạo. Hệ thống này theo đúng Hệ Thống Hành Chánh Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh trước năm 1975.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại trong Đại Hội ngày hôm sau cũng đã biểu quyết hợp thức hoá các Hiền Tài Dự Phong có đầy đủ tiêu chuẩn thành Hiền Tài trong hệ thống phẩm vị 4 cấp trong Ban Thế Đạo. Sau đó, các Hiền Tài hiện diện gồm 42

vị đã đề cử và bỏ phiếu bầu lên mười vị Quốc Sĩ (tất cả có 72 phiếu bầu từ 42 Hiền Tài hiện diện và 30 phiếu do uỷ quyền). Và sau đó các Ban Pháp Chánh, Ban Thế Đạo, Ban Phước Thiện, Cơ quan Truyền Giáo và Ban Khảo Cứu Vụ được thành lập.

Chúng tôi xin xác nhận, Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài lần Thứ Ba và Đại Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại lần Thứ 8 tổ chức tại Houston **không** hề thành lập **Hội Thánh** mà là tổ chức Cao Đài Hải Ngoại **theo** Hệ Thống Cửu Trùng Đài Và Hệ Thống Hiệp Thiên Đài.

Trong tình hình đạo sự hiện nay Hội Thánh hữu hình Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh đã bị giải thể, cơ bút không còn được sử dụng, vì thế cho nên để phát triển Đạo tại hải ngoại Đại hội ngày 3 và 4 tháng 9 năm 2016 tại Houston TX đành phải quyền biến theo lời dạy của Ôn trên và của Đức Hộ Pháp nên đã khẩn cấp thành lập Cao Đài Hải Ngoại theo Hệ thống Cửu Trùng Đài và Hệ thống Hiệp Thiên Đài, “cầu hiền giúp đạo” hầu vượt qua hoàn cảnh khó khăn này. Những Quốc Sĩ đã được bầu chọn bởi đa số các Hiền Tài hiện diện và đều là những nhân vật xứng đáng đủ tiêu chuẩn tài đức và tâm huyết để phục vụ Đạo. Ngoài ra chúng tôi cũng hiểu rõ hiện còn có nhiều Hiền Tài trong đó có nhiều vị có những công trạng xứng đáng với phẩm vị Quốc Sĩ, nhưng đã không tham gia đại hội vừa qua, và do đó chúng tôi mong mỗi quý vị này mạnh dạn tham gia hoạt động cùng chúng tôi trong Cao Đài Hải Ngoại để chúng ta cùng phục vụ và phát triển Đạo tại hải ngoại.

Trong thời gian qua, có nhiều ý kiến đóng góp xây dựng tán đồng cũng có và chỉ trích cũng có. Trên thực tế, Cao Đài Hải Ngoại cũng như tất cả các cơ sở đạo ở trong nước cũng như ở ngoài nước đã không có được ân phước nhận được mạng

lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Toà Thánh Tây Ninh để thành lập tổ chức đạo, và những ý kiến chỉ trích này chỉ là sự ngộ nhận do suy đoán, không hiểu rõ nội tình của 2 Đại Hội ngày 3 và ngày 4 tháng 9 năm 2016.

Các chức vụ cần thiết đều đã được đề cử và biểu quyết với sự đồng thuận của đa số trong Đại hội. Nếu chờ đợi có quyền Thiêng Liêng hoặc quyết định của Hội Thánh, thì ngay cả mười hoặc hai mươi năm hoặc hơn nữa Cao Đài Hải Ngoại cũng sẽ không bao giờ thành lập được. Tạm thời trong tổ chức Cao Đài Hải Ngoại, các chức vụ cần thiết gồm có Quyền Chủ Trưởng Hiệp Thiên Đài, Quyền Chủ Trưởng Cửu Trùng Đài, Quyền Tổng Quản Ban Pháp Chánh, Quyền Tổng Quản Ban Thế Đạo, Quyền Tổng Quản Ban Phước Thiện, Quyền Tổng Quản Cơ quan Truyền Giáo, Trưởng Ban Khảo Cứu Vụ.

Trong giai đoạn này, để phát triển đạo một cách mạnh mẽ về lãnh vực truyền giáo và phước thiện chúng tôi vô cùng mong mỏi quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ mạnh dạn đứng lên san sẻ với chúng tôi các nhiệm vụ nói trên. Chúng tôi cũng rất mong mỏi tất cả Cơ Sở Đạo Hải Ngoại cùng ngồi lại với nhau tìm người tài đức xứng đáng thực hiện một Hệ thống Cửu Trùng Đài vững mạnh từ cấp Hương Đạo, Tộc Đạo, Châu Đạo đến Trấn Đạo.

Hiện tại, Cao Đài Hải Ngoại tiếp tục cầu hiền mời thêm những người tài đức có tinh thần phụng sự giúp đạo. Chúng tôi sẽ chuyên chú thực hiện các khoá hội thảo giáo lý để tạo kiến thức Cao Đài cần thiết cho giới trẻ, giao lưu với các tôn giáo bản xứ để đưa Cao Đài vào cộng đồng tôn giáo thế giới. Song song ý tưởng trên, chúng tôi cũng khuyến khích các cơ sở đạo địa phương tham gia các chương trình phước thiện với các dự án thực tế và khả thi để phục vụ cộng đồng.

Với niềm mơ ước trên, chúng tôi mong mọi quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ cùng ngồi lại với chúng tôi, đặt quyền lợi chung của Đạo trên hết, để chúng ta có được một tổ chức Cao Đài Hải Ngoại đoàn kết, vững mạnh để cùng hoà nhịp với các tôn giáo bạn trong những sinh hoạt tích cực phục vụ cộng đồng nhân loại trong thương yêu và hoà hiệp thể hiện được mục đích Qui Tam Giáo Hiệp Ngũ Chi của đạo Cao Đài.

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Trong niềm tin Đạo Cao Đài sẽ được phát triển mạnh chúng tôi trông chờ sự thông cảm và hiểu biết của quý Hiền Huynh Hiền Tỷ về thiện tâm của chúng tôi trong việc phục vụ Đạo và luôn luôn dù trong bất cứ lúc nào và hoàn cảnh nào chúng tôi cũng sẽ tuân theo mọi Quyết Định của Hội Thánh về phẩm tước (phẩm vị và chức tước) của chúng tôi một khi Hội Thánh được tái lập quyền đúng theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và các Luật Lệ Đạo.

Chúng ta hãy thành tâm thực hành lời dạy của Đức Chí Tôn (TN sưu tập trang 16 Q4):

“Thương nhau phải lúc chung vai gánh

Danh giá đừng quên ĐẠO đứng đầu”.

Trân trọng kính chào quý Hiền Huynh Hiền Tỷ và kính chúc quý Hiền Huynh Hiền Tỷ thân tâm thường an lạc.

Nay kính,

TM. Cao Đài Hải Ngoại

Đồng Chủ Trưởng,

Qu. Chủ Trưởng CTĐ/HN

(ấn ký)

Quốc sĩ Trịnh Quốc Thế

Qu. Chủ Trưởng HTĐ/HN

(ấn ký)

Quốc sĩ Nguyễn Ngọc Dũ

**Hộ Pháp, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng**

THÁNH LỆNH

Gởi cho Hiến Pháp HTĐ thay mặt Hộ Pháp và Ba vị Chánh Phối Sư Cửu Trùng Đài

Chư Hiền Huynh và Hiền Hữu,

Theo chơn truyền Luật Pháp của Đạo thì Thánh thể Đức Chí Tôn từ tín đồ dĩ chí tới Giáo Tông và Hộ Pháp thì nó chỉ làm một với nhau. Các bạn đã ngó thấy, trên thì có Giáo Tông, Hộ Pháp và Đầu sư, còn dưới thì Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông sự là Giáo Tông, Hộ Pháp và Đầu sư em thì dầu cho cội Đạo bị cốt từ trên tới gốc đi nữa, thì nó vẫn nảy chồi, biến thành năm bảy cây khác. Đó đã chỉ rõ rằng Hội Thánh của Cao Đài chẳng hề dứt tuyệt.

Ấy vậy, chiếu theo khuôn luật trên, hễ quyền trên ai đã bị quý quyền truất phế, thì dưới phải tiếp tục cầm quyền Thiêng Liêng của Đạo.

Có lẽ chánh quyền Ngô Đình Diệm sẽ bắt những Chức sắc yếu trọng của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Phước Thiện, thì tốc cập giờ này phải công cử người thay thế để sẵn đặng đương đầu cùng thời cuộc. Nói cho cùng nước, Chức Sắc Thiên Phong mà bị bắt hết đi nữa thì dưới này các Bàn Trị Sự và tín đồ cùng công cử người thay thế cho họ.

Chức sắc Thiên Phong đang cầm quyền của hai Hội Thành phải dự định sẵn người thay thế cho mình trước khi bị bắt. Phải triệt để tuân y và thi hành Thánh Lệnh này

Kiên Biên, ngày mùng 9 tháng 2 Đinh Dậu
(10-3-1957)

Hộ Pháp (ký tên & đóng dấu)

SAO Y bản chính

Tòa Thánh, ngày 10 tháng 3 Giáp Thìn (29-4-1964)

Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh

Hiển Pháp

(Ký tên và đóng dấu)

Trương Hữu Đức

IN SÁCH

**“LỜI THUYẾT ĐẠO của ĐỨC HỘ PHÁP”
Năm Bính Tuất - Đinh Hợi (1946-1947)**

sẽ được Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành vào tháng
3-2017.

Xin thông báo quý đồng đạo, quý thân hữu đón đọc
và yểm trợ.

Trân trọng thông báo

San Jose, tháng 1-2017

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

HỌ-PHÁP-BUÔNG
Văn-phòng
-:~:-
Số: 257/HP-EN

Đ A I - Đ A O T A M - K Y P H O - Đ O
(Tam-thập nhị niên)
T O A T H A N H T A Y N I N H

HỌ-PHÁP-CHƯƠNG-QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI
HIỆP-THIỆN và CỬU-TRÙNG

T H Á N H - L I N H

Gửi cho HIỆN-PHÁP H.T.B. thay mặt **HỌ-PHÁP**
và ba vị **CHÍNH-PHỐI-SU** Cửu-Trùng-Đài.

Chư Hiền-Huynh và Hiền-Hữu,

Theo Chơn-Truyền luật-pháp của Đạo thi Thánh-thế ĐỨC,
CHỈ-TON từ tín-đồ dĩ chí tới Giáo-Tông và Họ-Pháp thì nó chỉ
làm một với nhau. Các bạn đa ngộ thấy, trên thì có Giáo-Tông,
Họ-Pháp và Đâu-Su, còn dưới thì Chánh-trị-sự, Phó-trị-sự và
Thông-sự là Giáo-Tông, Họ-Pháp và Đâu-Su em, thì đầu cho cội
Đạo bị cắt đứt trên tới gốc đi nữa, thì nó vẫn nhảy choội, biến
thành năm bảy cây khác. Đó đa chỉ rõ rằng Hội-Thánh của Cao-
Đài chẳng hề dứt tuyệt.

Xy vậy, chiểu theo khuôn luật trên, hề quyền trên ai đã
bị quý quyền truất-phế, thì dưới phải tiếp-tục cầm quyền Thiêng-
liêng của Đạo.

Có lẽ chánh-quyền Ngô-Đĩnh-Điện sẽ bắt những Chức-Sắc
yêu-trọng của Hội-Thánh Cửu-Trùng-Đài và Phước-Hiệu, thì tức-
cấp giơ nẩy phải công-cử người thay thế để sản nững đương đầu
cùng thời-cuộc. Nói cho cùng nước, Chức-Sắc Thiên-phong mà bị
bắt hết đi nữa thì dưới nầy các Ban-Tri-Sự và Tín-Đồ cũng công-
cử người thay thế cho họ.

Chức-Sắc Thiên-phong đang cầm quyền của hai Hội-Thánh
phải dự-định sẵn người thay thế cho mình trước khi bị bắt.

Phải triệt-đề tuân y và thi-hành **T H Á N H - L I N H** nầy./-

H Kim-Biên, ngày mùng 9 tháng 2 Đ.Đậu
(10 - 3 - 1957)
H O - P H Á P
(Ký tên đồng ần)

Sao y bản chính
T O A T H A N H, ngày 18 tháng 3 Giáp-Thìn
(29 - 4 - 1964)
Chưởng-Quan **BỘ-PHÁP-CHÍNH**
HIỆN-PHÁP


TRUNG-HỮU-ĐỨC

TRÍCH ĐOẠN

Thánh Thất California, ngày 23 tháng 2 năm 2000

Gởi Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dữ
Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Hiền Hữu thân mến,

Được thư Hiền Hữu gởi 3 vị Giáo Hữu đề nghị cho biết ý kiến v/v Ban Tổng Quản Nhiệm Thế Đạo Hải Ngoại định tổ chức tuyển dụng tân Hiền Tài để đào tạo lớp kế thừa. Tệ Huynh đã để tâm suy nghĩ nhiều đêm định viết thư phúc đáp, nhưng khi ngồi vào bàn viết, Tệ Huynh cảm thấy vấn đề này rất tế nhị, cần phải cẩn trọng, không khéo "há miệng mắc quai", gây ảnh hưởng không hay, vì lời thật sẽ mất lòng, nên phải đành gác lại.

Đêm hôm rồi, qua cuộc tiếp xúc điện đàm với HH, nay xin trả lời vấn đề sau đây :

a). Việc tuyển chọn tân Hiền Tài tại Hải Ngoại để có người phục vụ cho Đạo là việc tốt. Việc này Ngài cố Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Nguyễn Văn Hội, Chương Quân Bộ Pháp Chánh, trước năm 75 đã từng đặc trách Ban Thế Đạo, thay mặt Ngài Bảo Thế, Chương Quân BTD, trực tiếp điều hành BTD, khoảng năm 1990, Ngài có dịp xuất ngoại, khi đến thăm con ở New Orleans, tại đây Ngài đã giúp Hội Tín Hữu thành lập Hành Chánh Đạo và thu nhận hồ sơ tạm phong 5 vị Hiền Tài, chờ ngày cơ Đạo phục hưng trình Hội Thánh cầu phong chánh vị. Việc này thiết nghĩ đây là một cơ hội giúp cho các Bạn đổ theo.

b). Trước 75, Hội Thánh HTĐ qua 5 đợt tuyển chọn đã phong trên 800 vị Hiền Tài; khóa thứ 6 đã chấp thuận hồ sơ trên 400 vị nữa, nhưng chưa kịp ra Thánh Lịnh kế việc biến cố xảy ra, nên các vị nói trên chưa được phong chính thức. Theo chỗ Tệ Huynh hiểu biết, các vị này hiện có mặt tại Hải Ngoại khá đông; đề nghị Ban Tổng Quản Nhiệm ra thông cáo mời những vị này tham dự Ban Thế Đạo là điều rất hợp lý.

c). Ban Quản Nhiệm Thế Đạo cần lưu tâm nhắc nhở chư vị Hiền Tài đã thọ phong cố gắng đem tài an bang tế thế ra "giúp Đạo trợ Đời" trong thời buổi cơ Đời loạn lạc, thế Đạo nhân tâm ly tán đến mức cùng cực như hiện nay, mà quý vị ấy trước kia đã hằng hái ghi danh đảm nhận vai tống với các Đấng, trước Hội Thánh và Nhơn sanh.

Đã mang trọng trách nơi mình mà cơ thờ-ơ, xem mình là người ngoại cuộc, vô sự, thẳng nhiên đứng dựa lề đường mặc cho thế cuộc dần xoay, thái độ thờ-ơ này chẳng những làm phần nộ các Đấng Thiêng Liêng mà còn làm phụ lòng hoài vọng của Hội Thánh và Nhơn sanh, thật là đáng tiếc lắm vậy !!!

.....
.....

Đề nghị Ban Tổng Quản Nhiệm triệu tập chư vị Hiền Tài cùng cứu xét xem ai là người làm mất danh giá Hiền Tài, khuyến lơn những vị ấy sớm giác ngộ trở về vị trí của mình để cứu danh dự cho Ban Thế Đạo, tạo điều kiện lập lại uy tín với Nhơn sanh. Vì Nhơn sanh là thành phần nòng cốt của Đại nghiệp Đạo. Không được Nhơn sanh tín nhiệm giao phó thì nướng nơi đâu làm hậu thuẫn mà cử đồ đại sự?

On Trên có dạy : "Cổ đức, có Tài giềng Đạo trọng. Không tài, không đức hóa không thời". Từ ngữ dân gian cũng thường nói " Tài đi đôi với Hạnh thì tài kia mới có ảnh hưởng to tác. Nếu chữ Tài đứng cỏi một mình thì Tài sẽ tiền với chữ Tai một vắn".

Và lại, Ban Thế Đạo là một trong 5 cơ quan nòng cốt của nền Chánh Trị Đạo CAO ĐÀI, một con ốc của một cơ quan bị lỏng, nếu không kịp thời sửa chữa thay thế, dẫn dần sẽ làm đổ nát cả guồng máy lớn Đại Đạo, thì tội tình ấy đâu lấy hết nước tát cả Đại Dương cũng khó mong rửa sạch cho được.

Ngày xưa, chỉ có một Hiền Tài Tiết Nhơn Quì mà đã cứu thoát được Lý Thế Dân dưới lưỡi gươm thô bạo của Cáp Tô Văn, giúp Lý Thế Dân dựng nên nghiệp Đế; một Hiền Tài Hàn Tín sáng suốt từ bỏ Sở Bá Vương Hạng Vũ hùng lực ra đi giúp việc cho Lưu Bang dựng nghiệp nhà Hán mấy trăm năm, còn lưu lại muôn đời với tài thao lược phá Sở Đại Nguyên Soái.

Ngày nay, trong Đạo CAO ĐÀI hiện đã qui tụ được con số rất đông đảo Hiền Tài, nếu tuyển dụng được thêm một số tán Hiền Tài ở hải ngoại nữa thì lực lượng này rất hùng hậu, đủ sức đảm đương vai trò "Tạo thời, cải thế". Rất mong được vậy.

Có điều xét thấy cũng nên nói : Nền tảng tổ chức BTD đã được Luật Pháp Đạo qui định, có làm hay không là do chư vị Hiền Tài, xin đừng vu oan cho người khác là quá e-dè, bảo thủ, bế môn tỏa cảng thì rất tội nghiệp. Đường ta, ta cứ đi, ai cản trở, đắp mố làm gì?

Chính các vị Hiền Tài đã biết rõ mình là Chức Sắc của Ban Thế Đạo, trực thuộc Chi Thế HTĐ, chứ không phải Chức Sắc HTĐ. Hai tiếng Thế Đạo đã nói rõ : người có giữ Đạo nhưng còn bận làm việc ngoài Đời, tùy tiện và thời gian giúp hay cho Đạo, không bị ràng buộc bởi Luật Pháp Đạo và các Đạo Nghị Định như các Chức Sắc của 4 cơ quan kia, nên Hội Thánh cũng không có quyền bổ dụng Hiền Tài làm việc gì, nếu vị Hiền Tài ấy không khứng tình nguyện.

Viết thư này trong lúc sức khỏe không được tốt, có lời nào sơ suất xin vui lòng thông cảm. -

Thân ái kính chào,

Phó bản kính gửi :

- HH. Giáo Hữu Thái Cẩm Thanh.
- HH. Giáo Hữu Thượng Ngọc Thanh
- " để kính tường "


Gian Hữu Thượng Mang Thanh

BẠCH THƯ (2004)

PHẦN THỨ NHỨT:

Kính gửi: Ban Thế Đạo Hải Ngoại,

- - - - -
- - - - -
- - - - -

Nay kính,

Sanjose ngày 11-11-2004

DƯƠNG VĂN NGŨA

PHẦN THỨ HAI :

Kính gửi Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhiệm kỳ IV cùng toàn thể chư quý vị Hiền Tài hiện cư ngụ tại Hải Ngoại.

Kính thưa quý liệt vị, theo Thánh Lệnh của Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp, Hội Thánh thành lập BTĐ gồm có bốn cấp :

Phu tử
Đại phu
Quốc sĩ
Hiền tài

Như vậy Hiền Tài là một trong bốn cấp của BTĐ. Nói một cách khác là có BTĐ mới có Hiền tài, nghĩa là Hiền tài phải nằm trong BTĐ, ngoài BTĐ là không có Hiền tài. Cho nên không có vị nào xưng mình là Hiền tài mà không nằm trong BTĐ. Theo tôi biết thì ở Hải ngoại có nhiều vị mặc phẩm

phục Hiền tài(áo tràng trắng, áo dài 9 nút) mà không nằm trong BTĐ/HN. Như vậy vô tình làm nhẹ thể BTĐ/HN. Thiết nghĩ BTĐ nên có biện pháp làm thế nào cho tất cả những vị Hiền tài ở Hải ngoại ý thức được rằng hễ mang danh hai tiếng Hiền Tài ở hải Ngoại này là phải nằm trong BTĐ/HN. Nếu không từng phục BTĐ/HN thì BTĐ/ HN không nhận họ là Hiền tài của BTĐ/HN thuộc TTTN.

Khi cần có ý kiến chung thì chỉ cần xin ý kiến của những vị nằm trong BTĐ/HN mà thôi. BTĐ/ HN không cần xin ý kiến của những HT nằm ngoài BTĐ/HN.

Tổ chức HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI;

HỘ PHÁP nắm Chi PHÁP: Có một cơ quan trực thuộc là Bộ Pháp Chánh.

THƯỢNG PHẨM nắm Chi ĐẠO : Có Phước Thiện (HT/ PT)

THƯỢNG SANH NẮM Chi THẾ: Có Ban Thế Đạo

Ngoài ba vị Tam đầu chế: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh còn có Thập nhị Thời Quân thừa hành nhiệm vụ Chi mình và điều hành các cơ quan trực thuộc.

Tất cả 15 vị: HP, TP, TS và 12 TQ gọi chung là Tướng soái của THẦY, nên dù có khác Chi, đều có đủ quyền năng nắm giữ các Chi khác.

Như ta thấy khi Hộ Pháp còn tại thế thì nắm quyền Chưởng Quản HTĐ.

Khi Hộ Pháp qui Tiên thì Thượng Sanh nắm quyền Chưởng Quản HTĐ.

Khi Thượng Sanh qui Tiên thì Hộ Pháp nắm quyền Chưởng

Quản HTĐ.

Khi Hiến Pháp qui tiên thì Khai Đạo cầm quyền Q. CQ/HTĐ.

Khi Khai Đạo qui tiên thì Bảo Đạo cầm quyền Q. CQ/HTĐ (cuối cùng)

Nghĩa là vị Thời Quân thuộc bất cứ Chi nào cũng có thể nắm CQ/HTĐ hay Q.CQ/HTĐ.

Nhiệm vụ của HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI

1./ Làm trung gian giữa Thiên Thượng và Thiên Hạ (Trời và Người hay Hồn với Xác)

2./ Giữ gìn luật pháp chơn truyền của Đạo.

Đường lối của Đạo Cao Đài là dùng “Nho Tông chuyển thế” Trong Nho Tông có câu “ Quyền huynh thế phụ” nghĩa là cha chết thì Anh phải thay cha nắm quyền gia đình.

Nay 15 vị Tướng Soái của Thầy đều trở về thiêng liêng vị, thì ba cơ quan trực thuộc ba chi Pháp, Đạo, Thế của Hiệp Thiên Đài phải hợp lại nhau để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp Thiên Đài lo bảo thủ Chơn truyền Luật pháp của Đạo. Như thế là danh chánh ngôn thuận (Chánh danh).

Đặc biệt nơi Hải ngoại, chúng ta không có Bộ Pháp chánh, cũng không có Phước thiện, mà chỉ có Ban Thế Đạo. Như vậy Ban Thế Đạo Hải ngoại bắt buộc phải gánh luôn phần vụ của 2 cơ quan kia để hoàn thành nhiệm vụ của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Bất cứ một tổ chức nào dù ngoài đời hay trong Đạo, nếu không có bộ phận giữ gìn kỷ luật, nội qui, điều lệ thì tổ chức đó sẽ loạn hành thất thứ.

Cho nên Đạo Cao Đài nơi Hải ngoại vì thiếu bộ phận bảo thủ Chơn truyền Luật pháp của Đạo, mới có cảnh trồng đánh xuôi, kèn thổi ngược, ai muốn làm thế nào thì làm và tự xem nhau như “cá mè một lứa”, làm mất danh thể Đạo, mất danh Thầy.

Thử hỏi trong hiện tình, nếu Ban Thế Đạo không đứng ra lèo lái con thuyền Đại Đạo, nắm giữ Chơn truyền Luật pháp của Đạo thì AI ? có đủ tư cách làm việc đó?.

Chư vị Hiền Tài cùng chư tín hữu Cao đài đều là môn đệ của Đức Cao Đài, chẳng khác nào một đàn cừu có lẫn lộn một số “Sư tử cừu”. Khi có người chăn dắt thì tất cả chỉ lo ăn chơi không phải lo vấn đề an nguy. Nay người chăn dắt không có mặt thì lũ sói lang tha hồ mà tàn sát đám cừu, vậy thử hỏi đám “sư tử cừu” kia có chịu cuối đầu cho lũ sói tha hồ moi gan xé thịt? Hay phải gầm thét lên, nhe nanh múa vuốt chống lại lũ sói lang, trước là để tự bảo vệ lấy mình sau là cứu vớt đám cừu bất lực? (xin xem lại bài “ TRÁCH NHIỆM CỦA HIỀN TÀI VỚI CƠ ĐẠO HIỆN TẠI, trong Tập San Thế Đạo số 2 năm 1998 trang 48-54)

Nhún nhường, ần nhủn là phương xử thế của người quân tử, đạo đức, nhưng nhún nhường không phải là chịu lệ thuộc, vâng theo dư luận để thất phạm mình .

Đàn cơ tại Giáo Tông Đường đêm 4-7-Kỷ Dậu (dl 16-8-69)

“

Hộ Pháp :- Cười....Bản đạo lấy làm buồn cứ lo về hữu hình mãi. Thượng Sanh phải rán sức phi phạm mới chịu nổi các luồng giông tố bão bùng, nó còn đeo đuổi theo hoài.

Chúng ta cần phải đủ nghị lực.

-Thượng Sanh nghĩ sao?

Đức Thượng Sanh bạch: Việc đạo rất khó nên tiêu độ phải ân nhân trong mọi việc để giữ cho điều hòa trong nội bộ đối với các cơ quan Đạo, tiêu độ phải tùy theo trường hợp mà xoay trở và cố ân nhân mới làm phận sự được.

- Đáng khen, nhưng phải có giới hạn.

Đức Thượng Sanh bạch: Hội Thánh Cửu Trùng Đài còn thiếu chức sắc cao cấp đầy đủ khả năng điều khiển, nên giường máy Hành Chánh Đạo không tiến triển khả quan.

..... “ Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bàn đạo về việc tuyển chọn chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài, thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến. Nếu được thì Đức Lý sẽ đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn.

- Các bạn có đồng ý chăng?”

Đoạn Thánh giáo trên có hai điều cần chú ý:

Điều thứ nhất: - Cần phải đủ nghị lực; Đáng khen; phải có giới hạn.

a/ Nếu không đủ nghị lực thì không thực hành đến nơi đến chốn.

b/ Đáng khen: Đức Hộ Pháp khen Thượng Sanh biết nhún nhường, ân nhân để mưu cầu sự điều hòa trong các cơ quan Đạo..

c/ Nhưng phải có giới hạn . Đó cũng là lời cảnh cáo đừng quá nhún nhường mà làm mất đi nhiệm vụ cầm cương nầy mực của một vị chủ soái HTĐ. Đồng thời cũng là lời cảnh cáo chung cho tất cả chúng ta.

Điều thứ hai: Đức Lý và Đức Hộ Pháp coi **BTĐ là nơi có nhiều nhân tài** (Đám cừu có lẫn lộn một số sư tử cừu trong đó).

Do đó mới có đợt tuyển chọn những vị trong BTĐ, tại Cung Đạo Toà Thánh đêm 15-11-Tân Hợi—dl 1-1-72 lúc 21 giờ 30 phút. Gồm :

- 1 vị Thượng Chánh Phối Sư
- 1 vị Phối Sư phái Ngọc
- 3 vị Giáo sư cho ba phái Thái, Thượng, Ngọc
- 16 vị giáo Hữu cho ba Phái
- 1 vị Nữ Giáo Sư
- 4 vị Nữ Giáo Hữu

Tổng cộng là 26 vị, không lẽ trong hơn 700 vị Hiền Tài chỉ có 26 người có đủ tài đức thôi sao? Theo chúng tôi thấy hơn 100 vị Hiền Tài nơi Hải Ngoại có nhiều người không kém khả năng hơn 26 vị đã được đặc phong !.

Nhưng nhìn lại BTĐ/HN thiếu người làm việc cũng như thiếu phương tiện sinh hoạt. Xin đề nghị trong kỳ Đại Hội tới đây BTĐ/HN công bố số lượng Hiền Tài tại Hải ngoại? Bao nhiêu HTDP? Bao nhiêu người có đóng niên liễm?. Nếu HT không tham gia hoạt động trong BTĐ/HN và không đóng niên liễm thì không kể là HT trong BTĐ/HN, Những vị này không được có ý kiến trong mọi sự sinh hoạt của BTĐ/HN. Nếu HTDP mà không đóng niên liễm hai năm liền cũng nên loại bỏ ra khỏi danh sách của BTĐ/HN.

BTĐ/HN đã trải qua 3 nhiệm kỳ là 9 năm rồi, nay sắp đến nhiệm kỳ thứ IV. Thử nhìn lại xem có bao nhiêu người tham gia hoạt động? Làm việc dưới áp lực của biết bao sự phê phán, khiển trách?. Thử hỏi vì cái gì mà phải chịu áp lực từ

ting thần đến vật chất như thế? Nếu không phải vì Đạo, vì THẦY, vì lời minh thệ ?

Trên đất nước năng động này ai cũng phải đi làm việc, ngoại trừ những người già. Còn việc “vác ngà voi” chỉ có ban đêm và hai ngày nghỉ cuối tuần. Tại sao người ta không nghĩ tới mà cứ trách, cứ phê, cứ bắt bẻ? Làm thui chột tinh thần và sức lực của anh em? Đứng ngoài thì chỉ trích, phê phán, mời vào thì từ chối. Thế là thế nào?

Chính vì BTĐ/HN chịu quá nhiều áp lực từ nhiều phía, nhất là từ các vị HT đứng ngoài BTĐ/HN thiếu lời xây dựng mà nhiều lời phê phán, cho nên BTĐ/HN phải chịu nhún nhường cho đến nỗi thất phạm, không dám áp dụng đúng theo Qui Điều và Nội Luật của Ban Thế Đạo đã được sự chấp thuận của Đức Hộ Pháp.

Ban Thế Đạo gồm có 4 cấp : Hiền tài, Quốc sĩ, Đại phu và Phu tử. Vậy phẩm Hiền tài là phẩm thấp nhất trong BTĐ chớ đâu có cấp nào khác, mà nay có thêm một cấp nữa gọi là HTDP? Nay BTĐ/HN đã tự đặt thêm một phẩm nữa gọi là HTDP là SAI với Qui Điều Nội Luật của Ban Thế Đạo. Tại sao BTĐ/HN làm như thế ?

Phải chăng vì áp lực của một số vị Hiền tài nơi hải ngoại, vì họ hãnh diện là mình đã được Hội Thánh tấn phong, và xưng mình là Hiền tài chánh vị !. Không muốn cho những người mới tham gia vào BTĐ/HN được mang danh Hiền tài như mình, vì e rằng cái danh Hiền tài của mình bị mất giá đi chăng?. Do đó họ mới dùng cái khôn lanh quỹ quyết nặng ra cái tên là “Hiền tài dự phong” để gán cho lớp người mới. Rồi dùng lời giải thích sao cho có vẻ êm tai, hữu lý. Nhưng đó là cái lý của kẻ mạnh, quyền thế(tự cho mình), kẻ đi trước; cho nên nó có một mùi vị tanh tanh của lòng ganh tị, ích kỷ, tiểu nhân, chẳng có tí gì là mùi vị đạo đức, tình

thương nào cả.

Kể đến, không thể giải quyết được vấn đề phẩm phục. Vì HTDP nên không thể đương nhiên mặc sắc phục như các vị Hiền Tài. Rồi sẽ gặp phải sự rắc rối đối với bên Hành chánh đạo trong việc sắp đặt vị trí hành lễ Đức Chí Tôn; khi chết làm lễ theo nghi thức nào trong Đạo ? Trong hoàn cảnh hiện nay nơi Hải ngoại đa số người có ý niệm “cá mè một lứa” không tôn trọng tôn ti trật tự. Đó là cái kiêu hãnh của “Kim quang sứ”(tay thù nghịch của Thượng Đế). Cũng là bản chất Quỷ trong bản thân con người xúi giục.

Đề ung đức tinh thần những người dám hy sinh vì Đạo nghiệp, chúng tôi kêu gọi chư vị Hiền tài Hải ngoại nên bỏ chút thì giờ đến tham dự mỗi kỳ Đại Hội BTĐ/HN mỗi 3 năm một lần để chia xẻ vui buồn, thông cảm sự khó khăn của nhau, hướng lời cầu nguyện Ôn Trên ban phước lành và sự sáng suốt cho toàn thể con cái của Đức chí Tôn vững bước trên con đường thể thiên hành hóa.

Nếu vì lý do đau yếu không thể đến được thì cũng có một “Bản Tham Luận” để chứng tỏ rằng mình không quên Thầy, quên Đạo, quên lời Minh thể; cùng nhau nâng BTĐ/HN lên đúng vị trí của nó mà Ôn Trên đã lao tâm gầy dựng.

Ôn Trên vốn biết cái phàm tánh chấp nê của con người nên đã hai lần **Ám thị** cho chúng ta noi theo.

Lần thứ nhất : Đức Lý đã phong cho 26 vị Hiền hài vào các chức vụ, cao nhất là Thượng Chánh Phối Sư. Chỉ có Thượng Chánh Phối Sư mới có tư cách làm Nghị Trưởng của Hội Nhơn sanh.

Lần thứ hai : Là Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Nguyễn văn Hợi với tư cách là vị đặc trách Ban Thế Đạo Trung ương cũng là vị chức sắc cao cấp nhất của HTĐ lúc bấy giờ, nhân chuyến

sang Mỹ về việc riêng trên nguyên tắc(biết đâu đó chẳng phải là Thiên ý). Khi Ngài đi thăm nhiều cơ sở Đạo tại Mỹ nhất là tại tiểu bang Louisiana thành phố New Orleans, nơi đây chỉ có khoảng mười mấy gia đình Đạo Cao Đài nhưng thể hiện được tình thương yêu hòa ái và đã ân phong cho 5 vị đạo hữu có công vào phẩm Hiền tài. Lúc đầu có nhiều dư luận phản đối, nhưng cho đến ngày hôm nay với số môn đồ ít ỏi như thế mà chỉ dựa vào sự đồng tâm hiệp lực xây dựng Đạo nghiệp nên đã xây dựng được một ngôi Thánh Thất mà trên toàn thế giới ở hải ngoại chưa nơi nào có được. Như vậy chưa đủ gây niềm tin cho chúng ta hay sao?. Nơi nào có sự đồng tâm hiệp lực trong môn đồ thì nơi đó sẽ được Ông Trên hộ trì thì việc tạo dựng ngôi thờ của Đức Chí Tôn càng nguy nga đồ sộ, còn nơi nào dù môn đồ có đông đảo thế mấy đi nữa mà thiếu sự thương yêu hòa thuận thì khó có thể thực hiện được một ngôi Thánh Thất cho ra hồn .

Qua hai lần **ám thị** trên, nếu ai là người tâm linh nhạy cảm cũng thấy được rằng : Việc khai mở Đại Hội Nhơn Sanh trong tương lai, cũng như việc “cầu hiền giúp Đạo” đó là nhiệm vụ của Ban Thế Đạo Hải ngoại phải làm, để trưng ngọn cờ cứu khổ cho nhơn sanh trong những ngày sắp tới. Cho nên Ban Thế Đạo Hải Ngoại cần phải được tôn trọng và trở về cho đúng vị thế của nó, thì mới phát huy được cái vai trò quan trọng mà Ông Trên đã bỏ nhiều tâm huyết để gây dựng nên cho giai đoạn khó khăn này.

Trình độ tiến hóa ngày càng cao, nhất là trên các đất nước Dân Chủ, Tự do. Giới trẻ Việt Nam cùng các dân tộc văn minh khác họ khó có thể chấp nhận những lễ nghi phiền phức, mất thì giờ, mất nhân cách (theo quan điểm của họ). Do đó chúng ta khó thuyết phục họ theo con đường “Hành Chánh Đạo”, nhưng họ sẽ tích cực tham gia trên phương diện “Đạo lý và Đức tin”. Cho nên chúng ta chỉ cần đưa Đạo lý và đức tin đến cho loài người chớ không phải là những

nghi thức lễ nghi, cúng bái., phần này chỉ dành riêng cho những người thuộc “Cung Nghi thức” mà thôi.

Bởi vậy, Đức Lý Đại Tiên có nói một câu triết lý thâm sâu thể hiện một vàng hào quang phá chấp : “Không phải Cao Đài mới chính thị là Cao đài”. Cho nên việc truyền bá Đạo Cao Đài cho nhơn sanh nhất định phải dùng con đường của Ban Thế Đạo. Bởi vậy có thể nói rằng : Nhiệm vụ của Ban Thế Đạo là gạch nối liền giữa hai thời kỳ Tịch Đạo THANH HƯƠNG và Tịch Đạo ĐẠO TÂM ; khi nào vị Giáo Tông đời ĐẠO TÂM ra mặt thì cũng là nhiệm vụ của Ban Thế Đạo hoàn tất.

Kính thưa Ban Thế Đạo Hải ngoại cùng quý vị Hiền tài hải ngoại hãy nhìn lại tuổi đời của mình còn lại được bao nhiêu nữa ? Trẻ nhứt cũng trên 50 mà già thì ngày xuống lỗ chỉ còn đếm tháng, đếm ngày chẳng dám đếm năm, vậy quý vị còn tiếc cái gì nữa mà không tham dự Đại Hội BTĐ/HN nhằm ngày 25/12/04, ngày kỷ niệm Đấng Cứu thế ra đời !? Tiếc gì 60 dollar niên liêm hằng năm để giúp cho BTĐ/HN có phương tiện tạo cơ ngơi sinh hoạt ngày một hữu hiệu hơn.?

Ban Thế Đạo hải ngoại đề ra chương trình đào tạo “Thế Hệ kế thừa” với ý nghĩa là “Cầu Hiền giúp Đạo”. Người hiền không nhứt thiết chúng ta phải đào tạo, mà người hiền đã có sẵn trong nhân gian kể cả trong Đạo lẫn ngoài Đời, thời nào cũng có.

Nếu biết cách cầu thì sẽ có người hiền đến giúp, còn như không biết cách cầu thì chỉ có đám “giả hiền” mà thôi. Những bài học qua lịch sử như :

- Vua Nghiêu cầu hiền như thế nào? Chắc ai cũng biết, không cần phải lập lại.

- Hạ Tri Chương tiến dẫn Lý Bạch đời Đường như thế nào ?

- Đường Thế Dân cầu hiền Tiết Nhơn Quý thế nào?
- Lưu Bị cầu Khổng Minh như thế nào ?
- Chúa Nguyễn cầu Trạng Trình như thế nào ?
- Nguyễn Huệ cầu La Phu Tử ra sao ?

Nhìn lại cách “Cầu Hiền” giúp Đạo của BTĐ/HN thì sao ?

Những người có đủ điều nộp đơn xin gia nhập BTĐ/HN, được BTĐ/HN ban cho cái danh là **“Hiền tài Dự phong”** chứ không được mang danh hai chữ Hiền tài là phẩm chót trong Ban Thế Đạo.

Dự phong là gì? Dự là dự phòng, tham dự, tức là có trong danh sách tham dự. Phong tức là phong phẩm tước. Mà ai phong ? Trả lời là Hội Thánh phong. Hiện nay không có Hội Thánh lấy ai phong ? Trả lời là chờ khi nào có Hội Thánh đúng theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền. Ai biết được chừng nào mới có Hội Thánh đúng như ý nguyện? Đòi người biết sống được bao nhiêu năm ? mà bảo chờ với thời gian vô định !?

Vì không ai trả lời được khi nào có Hội Thánh. Cho nên danh xưng “Hiền tài dự phong” chỉ là cái bánh vẽ, một lối chơi chữ ! khác gì câu ngụ ngôn : “ Ngày mai ăn khò trả tiền”. Hỡi danh xưng HTDP đó ở đâu ra?

Đó là thành quả của cuộc trưng cầu ý kiến của BTĐ/HN với chư vị Hiền tài chánh vị đã được Hội Thánh ân ban, đang sống rải rác khắp năm Châu. Nói tóm lại danh xưng HTDP là ý kiến của đa số quý vị Hiền tài chánh vị tại hải ngoại !!!

Ngoài việc chơi chữ lừa người ra còn ghi trong điều lệ(của BTĐ/HN) là HTDP chỉ được dự vào chức phó ban của các BTĐ/ĐP. Nay BTĐ/HN lên tiếng hỏi ý kiến về việc tăng

cường quyền hạn của HTDP vào các chức vụ Đệ I , và Đệ II Phó TQN/ĐP ?

Trong câu “ Thế hệ kế thừa”, hai chữ kế thừa nó đã ẩn chứa một sự phân cách trong đó rồi. Phân biệt người cũ mới. Người cũ ở địa vị cao, kẻ mới chỉ ở địa vị thấp.

Thật là mỉa mai cho câu : “**Cầu Hiền giúp Đạo**”!? nên đổi lại là “ **Cần lon-ton để sai vật**” và để tuyên bố cho thiên hạ thấy rằng BTĐ/HN đã tuyên mô được một số người có bằng cấp làm tay chân bộ hạ – thật là oai phong lẫm liệt !!

Chúng ta không nên lẫn lộn câu “ **Đào tạo thế hệ kế thừa**” với câu : “**Cầu hiền giúp Đạo**” . Hai câu này khác nhau cả hai phương diện hình thức lẫn tinh thần.

Như trên đã nói người hiền đã có sẵn trong nhân gian, biết cầu thì có, không biết cầu thì chỉ có “ giả hiền” mà thôi. Người hiền không cần ai đào tạo cả.

Thánh Giáo của Thầy ngày Rằm-11-Bính Dần(dl 19-12-1926) :

.....Thầy đã nói đạo đức cũng như một cái thang vô ngần, bắt cho các con leo đến phẩm vị tối cao tối trọng là ngang bực cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa..... Thầy là Đức Chí Tôn Thượng Đế còn muốn hạ mình để cho các con có đạo đức leo cao hơn Thầy. Xin hỏi quý vị Hèn tài chánh vị nghĩ sao về thái độ hạ mình của Thượng Đế ? Nên bắt chước hay cho đó là lời không thật ? không nên tin?

Kính thưa quý vị, cổ nhân có dạy : “ Thuộc đấng đả tật, lời thật mịch lòng “ hay “Trung ngôn nghịch nhĩ” Sở dĩ kẻ hèn này có những lời khó nghe như trên cũng chỉ vì tấm lòng khoái khoái không yên vì cơ Đạo ngày nay như con thuyền

trong cơn phong ba bão tố giữa trùng dương bao la, rất cần những tài công giỏi đứng ra lèo lái con thuyền Đạo đến bến bờ bình yên. Theo tôi nghĩ những anh tài công đó Ông Trên đã chọn sẵn cho chúng ta rồi, tức là các vị Hiền Tài đã được Hội Thánh ân ban áo mão, có nhiệm vụ **cứu độ** Nhơn sanh để thay thế cho Hội Thánh lui về thiêng liêng vị lo phần **cứu rồi** phân hồn cho nhân loại.

Nếu quý vị cảm thấy không hài lòng thì xin bỏ qua cho, xem như đó chỉ là lời nói xàm của một lão già ăn mày nơi đầu đường xó chợ mà thôi.

Cầu xin Ông Trên ban ân lành cho tất cả quý vị, nhất là những vị đang lãnh trách nhiệm trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Cuối Thu 2004

San Jose ngày 11-11-04 (Âl 29-9-Giáp Thân)

Đạt Thông Dương văn Ngừa

Đính chánh

Nơi cước chú (footnote) trang 11 TSTĐ số 69 xin đính chánh lại là:

Đại Diện/Đại Biểu Cao Đài Center không có tham dự Đại hội.

Xin thành thật cáo lỗi cùng Cao Đài Center và bạn đọc.

Tập San Thế Đạo

BẠCH THU' 2013

Kính gởi Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong cùng toàn thể Đại hội kỳ 7 của Ban Thế Đạo Hải Ngoại sẽ tổ chức tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas ngày 30-31 tháng 8 năm 2013.

Tôi, Dương Văn Ngừa là HTDP của Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin nói lên nhận thức của mình về vai trò của Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng như HTDP sau đây:

Nghĩ vì Chủ Trương của Hội Thánh về việc “CẦU HIỀN GIÚP ĐẠO” nghĩa là kêu gọi những người có tài có đức (Hiền) phụ giúp Hội Thánh (Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài) để xây dựng cơ nghiệp Đạo do Đức Chí Tôn khai mở nơi mặt thế này sớm được thành tựu.

Trước khi Hội Thánh vâng lệnh Giáo Tông và Hộ Pháp thành lập Ban Thế Đạo thì Đức Hộ Pháp đã phong Hiền Tài cho Ông Hồ Tấn Khoa sau được ân phong là Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và sau đó còn ân phong cho 7 vị sĩ quan cao cấp của Trung Hoa Dân Quốc mà đứng đầu là Hiền Tài Hứa Văn Hiệp.

Đàn cơ đêm 3-12-Quý Ty (7-1-54) Đức Lý thêm 3 phẩm nữa là Quốc sĩ, Đại Phu và Phu Tử.

Như vậy Ban Thế Đạo có 4 phẩm Chức Sắc:

Phẩm Hiền Tài do Đức Hộ Pháp lập ra

Ba phẩm Quốc sĩ, Đại Phu, Phu Tử do Đức Lý Giáo Tông lập ra.

Theo tinh thần đạo lý thì những bậc có tài có đức thì không thể giới hạn họ phải ở chức vụ này mà không được ở cấp

chức khác. Nếu họ có đủ tài lực lãnh nhiệm vụ nào thì phải dùng họ vào chức vụ đó một cách tự nhiên.

Thí dụ: Hiền Tài Hồ Tân Khoa xứng đáng nhận lãnh chức vụ Bảo Đạo (tại thế) và qua sự tuyển chọn các vị Hiền Tài vào các phẩm vị bên Cửu Trùng Đài đêm 15-11-Tân Hợi (1-1-1972) Nam 21 vị: 1 Chánh Phối sư, 1 Phối sư, 3 Giáo sư, 16 Giáo hữu, Nữ: 5 vị: 1 Giáo sư, 4 Giáo hữu.

Đây là Thánh ý là mở đường cho các bậc Tài đức có dịp thăng tiến.

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI: Dựa theo Thánh Lệnh mà:

- Không làm theo Thánh Lệnh,
- Cải sửa chủ trương CẦU HIỀN GIÚP ĐẠO thành ra THẾ HỆ KẾ THỪA,
- Đặt ra một phẩm trật thứ năm là HIỀN TÀI DỰ PHONG
- Giới hạn nhiệm vụ của họ, không được giữ những chức vụ cao trong Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại (nói kế thừa mà không cho kế thừa).
- Bỏ qua 3 phẩm cấp bên trên Hiền Tài là Quốc sĩ, Đại Phu, Phu Tử.

Trong Quy Điều Ban Thế Đạo Bậc Quốc sĩ ở phần 3: Các Tổng Trưởng, Bộ Trưởng, Sứ Thần, Tướng Lãnh và các vị Tiến sĩ, Thạc sĩ có thiện tâm giúp Đạo.

Tại sao Ban Thế Đạo phải bỏ qua các phẩm cấp cao hơn Hiền Tài? Phải chăng Ban Thế Đạo thấy rằng hiện nay nơi hải ngoại này có quá nhiều vị Tổng, Bộ Trưởng, Tướng Lãnh nhất là một số con em nhà Đạo cũng như ngoài Đời có rất nhiều người đỗ đạt cấp bậc Tiến sĩ, Thạc sĩ. Nếu thu nhận những vị này vào Ban Thế Đạo, họ sẽ ở vị thế cao hơn Hiền

Tài rồi làm mất đi cái danh hiệu Hiền Tài Chánh vị của họ? Cho nên chỉ cần lập ra cấp gọi là Hiền Tài Dự Phong và giới hạn nhiệm vụ của đám HTDP này ở cấp thừa hành mà thôi.

Cái danh Hiền Tài Dự Phong không có trong Tân Luật và Pháp Chánh Truyền cho nên nó không được bên Hành Chánh Đạo chấp nhận, do đó Ban Thế Đạo không thể giúp đỡ gì được cho bên Hành Chánh Đạo. Rồi một hai chục năm sau đám gọi là Hiền Tài Chánh Vị chết đi thì coi như Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng bị hủy diệt luôn.

Đây là phạm ý dựng nên để dẫn Ban Thế Đạo đến con đường tự diệt.

Bức Tâm Thư 2013 hôm nay đề bổ túc cho hai bạch thư trước 2004 và 2010 để minh xác tấm lòng của tác giả là muốn Ban Thế Đạo Hải Ngoại bỏ con đường Phạm noi theo con đường Thánh mà Hội Thánh cũng như nhị vị Giáo Tông và Hộ Pháp đã dày công xây dựng.

.....
21 dòng
.....

San Jose, ngày 15-6-2013
HTDP Dương văn Ngừa

HIỆP THIÊN ĐÀI
VĂN PHÒNG
CHƯƠNG QUẢN
SỐ: 116/QCQ-HTĐ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ
(Ngũ Thập Ngũ Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

QUYỀN CHƯỞNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

Kính gửi: Hiền hữu CẢI TRẠNG

Trưởng phòng nhân sự Hiệp Thiên Đài.

Kính hiền hữu,

Nhờ Hiền hữu nhắc nhở cho tất cả anh em Chức sắc Hiệp Thiên Đài lưu tâm về phận sự mình trong giai đoạn thi đua nước rút để được Thiêng liêng chọn cho qua đời Thánh đức trong kỳ Đại Hội Long Hoa này, mà tôi có nói rõ trong bức tâm thư gửi cho Chức sắc Hiệp Thiên Đài là phải trước tiên dọn mình cho trong sạch từ thể xác đến tinh thần, không còn tánh phàm phu tục tử nữa, hầu có đủ khả năng và điều kiện làm phận sự "Chơn Thần" của Đạo, nâng đỡ thể xác của Đạo từ phàm chất cho ra Thánh chất, cùng nhau hòa mình với nhau, chung tâm hiệp sức với nhau để vun tròn sứ mạng Thiêng liêng chung của Hiệp Thiên Đài, không còn tánh cách tranh chấp quyền hành địa vị tạo cảnh bất hòa trong nội bộ.

Điều kiện tất yếu để dự cuộc thi đua nước rút này là:

- 1.-Phải ăn chay trường.
- 2.-Dẹp bỏ phàm tâm, nâng cao Thánh đức.
- 3.-Thiệt hành Cơ cứu khổ cho ra thiệt tướng, làm việc nhưn nghĩa, đạo đức và từ thiện, vị tha quên mình để phục vụ và làm nên cho người.

Người Chức sắc Hiệp Thiên Đài trong giai đoạn này phải là người gương mẫu, hòa mình với tất cả mọi người không phân biệt Cửu Trùng Đài hay Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng hay người Đạo hoặc người Đời, làm sao khai tâm mỗi người được mở Bồ Đề Tâm, mỗi người được tự giác, tự nguyện, tự mình đích thân tham gia cuộc thi đua này và chính bản thân mình cũng phải tham gia vào cuộc thi đua cho có kết quả tốt.

Nếu không khéo thì cũng bị rớt như thường trong lúc đạo hữu đầy đủ Đạo Tâm và Thánh đức được chọn.

Chừng đó có ăn năn thì quá muộn.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 2 Canh Thân

(dl: 14-4-1980)

BẢO ĐẠO

HỒ TẤN KHOA

HIỆP THIÊN ĐÀI
VAN PHÒNG
CHƯƠNG QUẢN
SỐ: 132/ QCQ.HTĐ

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỐ ĐỘ
(Ngũ Thập Ngũ Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

BẢO ĐẠO
QUYỀN CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

-Kính gửi: Quý Chức sắc Hiệp Thiên Đài.

-Kính Chư Hiền,

Trước cơ chuyển thế hiện nay, tất cả mọi người đều phải chịu trong cơ khảo duyệt thử thách nặng nề không ai tránh khỏi, chỉ nhiều hay ít là tùy theo cơ duyên hay nghiệp lực cá nhân và gia đình mình.

Ví thế chúng ta thấy có nhiều người trước kia tu hành chính chắn, Đạo tâm và hạnh đức đáng kính mà ngày nay lại phải vấp ngã.

Đây là những tai nạn xót xa của người tu, là một thực trạng đau khổ, nhưng rất tự nhiên của mỗi linh hồn đều phải trải qua để chứng nghiệm, học hỏi trên con đường hành hương trở về nguồn cội của mình.

Vậy chúng ta cần hiểu rằng tiến trình đi từ chỗ
đội tâm rối loạn đến hiện trạng bị vấp ngã của một
tá nhân thật là phức tạp, đầy ưu ẩn, tế nhị mà chỉ
có Thượng Đế mới có thể phân tích, đánh giá đúng
mức, phê phán và kết án đó thôi.

Khi hiểu rồi thì chúng ta cần phải cảm thông
tâm thương, hỗ trợ một cách tế nhị. Những người
vấp ngã ấy vươn lên, vững đức tin, tiếp tục con
đường tiến hóa đi lên trở về nguồn cội.

Chúng ta mỗi người chưa chắc ai trọn lành, nếu
ai nghe lòng mình còn tị hiềm, khinh ghét, đố kỵ,
lên án kẻ khác là chúng ta chưa đủ tiêu chuẩn để
vào Thượng Ngươn Thánh Đức nghe !

Hiểu như vậy Chư hiền hãy cố gắng thêm lên
để sống vị tha, giúp đỡ mọi người càng ngày càng
đẹp.

Tòa Thánh, ngày 18 tháng 3 Canh Thân

(dl: 2-5-1980)

BẢO ĐẠO

HỒ TẤN KHOA

NGUỒN GỐC CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI THEO GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI: TRÒI NGƯỜI KHÔNG KHÁC

Quốc sĩ Lê Văn Thêm

(Tiếp theo TSTD số 69)

2-Câu chuyện thứ hai.

Để minh chứng Đạo Cao Đài với giáo chỉ “Thầy là các con, các con là Thầy. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật” với ý nghĩa là Thiên Nhơn hiệp Nhứt, tức con người ai ai cũng có thể là Thánh, cũng có thể thành Phật, xin được kể lại tiếp theo đây câu chuyện để chứng minh được rút ra từ Kinh Pháp Hoa, Phẩm 20 với một vị Bồ Tát có hồng danh là Thường Bất Khinh.

Bồ Tát Thường Bất Khinh, theo Kinh Pháp Hoa, vốn là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Bồ Tát thường có thói quen là hay trì kinh Pháp Hoa và thay vì tụng đọc thì Ngài lại hay đi tới lui, gặp người này người nọ và bất cứ với ai Ngài cũng nói “Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.”

Bồ Tát Thường Bất Khinh cứ nói như vậy, dù ai có nghe hay không nghe tùy ý. Dù ai có khó chịu không muốn nghe nhưng bị Ngài quấy rầy nói mãi nên chửi Ngài, thậm chí rượt đánh Ngài. Ngài chỉ nín im và chạy, nhưng cũng vẫn la lớn lên rằng

“Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.”
Đây là câu chuyện của Phẩm 20 Kinh Pháp Hoa được gọi là

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

Với Phẩm này, Bồ Tát Thường Bất Khinh muốn chỉ cho chúng sinh thấy mục đích của Kinh Pháp Hoa, đó là khai thị cho chúng sinh Ngộ, Nhập, Tri Kiến Phật, tức mở bày ra và chỉ rõ cho chúng sinh thấy để giác ngộ được tánh Phật của mình sẵn có mà lo tu để thành Phật.

Nói tóm lại, việc làm của Thường Bất Khinh hay mục đích của Kinh Pháp Hoa là chỉ cho mọi người thấy rằng mình vốn có Phật tánh. Đây là một bằng chứng minh giáo lý Đạo Cao Đài cũng như giáo lý Tam Giáo hay nói rõ hơn là giáo lý Đạo Phật về điểm Thiên Thượng Thiên Hạ (Dieu et Humanité) và Thiên Nhơn Hiệp Nhứt không có gì khác nhau. Chúng sinh ai ai cũng có tánh Phật và nếu chịu tu thì ai ai cũng có thể thành Phật, thành Trời.

C- Chúng sinh bất cứ ai cũng có thể thành Phật.

Trong Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Thường Bất Khinh nói: “Các Ngài sẽ thành Phật”, và trong Kinh Niết Bàn, Đức Phật nói rõ là tất cả chúng sanh đều có Như Lai Tánh tức Pháp Thân, Pháp Tánh, Phật Tánh, Chơn Tánh hay Chơn Ngã.

Còn với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát mà cũng là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh vẫn nói: “Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con . . .”

Như vậy Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật, cả hai đều xác nhận là chúng sanh hay nhơn sanh ai ai cũng đều có Phật tánh và cũng có thể thành Phật. Chử ai ai ở đây được dùng để xác định là không hề có sự phân biệt nam nữ, lành dữ, nam bắc, trí ngu . . . v . . . v . . .

Về nam bắc trí ngu thì khi Lục Tổ Huệ Năng đến gặp Tổ Hoàng Nhãn để cầu làm Phật, được Ngũ Tổ bảo rằng “ Người là người xứ Lĩnh Nam (tức Phương Nam) lại là giống dã man (có nghĩa là ngu không có trí) thế nào làm Phật được”. Lục Tổ bèn trả lời rằng “ Con người tuy có phân Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Bắc Nam. Cái thân dã man này với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau chớ Phật tánh nào có khác.”

Câu trả lời trên đây của Lục Tổ xác nhận là với Phật thì không hề có phân biệt. Kẻ Bắc người Nam, kẻ ngu người trí, kẻ thiện người ác, kẻ nam người nữ, tất cả đều có Phật tánh và Phật tánh vẫn đồng. Thật vậy, như về trường hợp nam nữ, có một số ít người nghĩ rằng người nữ không thể hay khó có thể thành Phật vì còn có nhiều chướng. Muốn thành Phật thì nữ phải chuyển thành nam trước đã. Đây là một cách luận giải không phù hợp với giáo lý Đạo Cao Đài vì Thê Pháp của Đạo Cao Đài trước tiên đã cho thấy rõ việc này. Với Đạo Cao Đài không hề có phân biệt nam nữ. Một bằng cứ rõ rệt là trong tổ chức và nghi lễ cúng kiếng của Đạo Cao Đài thì nam nữ đều ngang nhau, chức phẩm cũng ngang nhau và chức sắc các cấp thì nữ cũng có đối phẩm như nam.

Đây là một đặc điểm trong Thê Pháp Đạo Cao Đài xác nhận nữ nam bình đẳng, không có kẻ hơn người kém và cả hai đều có thể tu để thành Phật, không cần nữ phải chuyển thành nam trước rồi mới có thể tu để thành Phật sau.

* * *

Phần giáo lý hay Thê Pháp của Đạo Cao Đài được tìm thấy sự tương đồng trong Kinh Đạo Phật. Nói rõ hơn là được xác nhận bởi Kinh Pháp Hoa.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nơi phẩm 13 được gọi là Phẩm Trì do Đức Phật Thích Ca thuyết giảng có ghi lại như sau:

“ Khi đó, dì của Phật là Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni cùng chung với bực “học” và “vô học” Tỳ Kheo Ni 6000 người đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời. Bấy giờ Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di¹: “ Có chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm bà toan cho rằng tôi chẳng nói đến tên bà, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác ư ?”

“ Kiều Đàm Di! Tôi trước tổng nói tất cả Thanh Văn đều đã được thọ ký, nay bà muốn biết thọ ký đó, đời tương lai bà sẽ ở trong pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức đức Phật làm vị đại Pháp Sư. Bà lần lần đủ đạo hạnh Bồ Tát như thế sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hi Kiến Như Lai, Ứng cúng. Chánh biến tri, Minh Hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sư, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.”

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là bà Gia Du Đà La² Tỳ Kheo Ni nghĩ rằng: “Thế Tôn ở trong Hội thọ ký riêng chẳng nói đến tôi.”

Phật bảo Gia Du Đà La: “ Ngươi ở đời sau trong Pháp Hội của trăm nghìn muôn ức đức Phật tu hạnh Bồ Tát làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật Đạo ở trong cõi thiện quốc sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai. . . . Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp.” Nghĩa là

1- Kiều Đàm Di là dì ruột mà cũng là mẹ nuôi của Phật Thích Ca.

2- Gia Du Đà La là vợ Thái Tử Tất Đạt Đa, sau Thái Tử thành Phật Thích Ca.

Phật thọ ký cho hai vị Tỳ Kheo Ni Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La được thành Phật.

Tóm lại với Đạo Cao Đài được chứng minh qua Đạo Phật thì việc tu thành Phật không hề có phân biệt nam nữ và bắt buộc nữ phải chuyển thành Nam trước khi đắc quả Phật. Vậy ai nghĩ nữ kém nam hay nữ thua nam thì nên nghĩ lại rằng nam nữ bình đẳng, đồng đẳng, đồng tu, đồng là tín đồ, đồng là chức việc, chức sắc và đồng thành Phật chẳng có gì khác biệt. Nữ chẳng khác chi nam mà bà Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La, nhất là trường hợp của nàng Long Nữ đã xác nhận lời Phật nói được ghi rõ nơi Phẩm 12 ³.

Tại phẩm 12 có trường hợp của nàng Long Nữ. Mặc dù Long Nữ mới có 8 tuổi nhưng nàng cũng được thọ ký thành Phật, mà ngay đến cả Ngài Xá Lợi Phất, một đại đệ tử của Đức Phật, trí tuệ bậc nhất cũng chưa dám tin. Câu chuyện được chính Kinh Pháp Hoa ghi lại rằng:

“ Bây giờ Ngài Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng: Người nói không bao lâu chứng được đạo Vô Thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân gái như ướm chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể được thành Vô Thượng Chánh Giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ, chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái có 5 điều chướng;

Một: chẳng được làm Phạm Thiên Vương,

Hai: chẳng được là Đế Thích.

Ba: chẳng được làm Ma Vương.

Bốn: chẳng được làm Chuyển Luân Thánh Vương.

3- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải - Hòa Thượng Thích Thanh Từ - NXB Tôn giáo - VN - 1999, Trang 452-454.

Năm: chẳng được làm Phật.

Thế nào thân gái được mau thành Phật?.

Lúc đó Long Nữ có một hột châu báu giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ Tát cùng Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi hiến châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?”

–“Rất mau” Ngài Xá Lợi Phất đáp.

–Long Nữ nói: “Tôi thành Phật lại mau hơn việc đó”

Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạng Bồ Tát, liền qua cõi vô cấu ở phương Nam, ngồi toà sen báu thành Bạc Chánh đẳng giác (Phật), đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp khắp vì chúng sanh mười phương mà diễn nói pháp mầu.

Khi ấy trong cõi Ta Bà, hàng bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, Bát Bộ, nhân cùng phi nhân ở xa đều thấy Long Nữ thành Phật.

Trí Tích Bồ Tát và Ngài Xá Lợi Phất tất cả trong chúng hội yên lặng mà tin nhận.”

Trên đây là chính văn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa được dịch ra tiếng Việt Nam ghi rõ việc nàng Long Nữ làm Phật ở Phẩm 12 với tựa đề là Phẩm Đề Bà Đạt Đa.

Cũng tại phẩm 12 Đề Bà Đạt Đa ⁴, Đức Phật Thích Ca lại còn cho biết thêm một điều quan trọng nữa để mọi người có

4- Đề Bà Đạt Đa là anh ruột của A Nan, bà con chú bác với Đức Phật Thích Ca - Kinh Diệu Pháp liên Hoa - Sđd - trang 446-447.

thể vui vẻ, bình tâm tĩnh trí lo tu hành. Đó là Đức Phật nói rõ kẻ thiện người ác, cả hai cũng đều có Phật tánh, cũng đều có thể thành Phật và đây là trường hợp của Đề Bà Đạt Đa .

Căn cứ vào Kinh A Hàm thì đương thời với Đức Phật Thích Ca, Đề Bà Đạt Đa là một người có rất nhiều tham vọng thay Phật thống lãnh tăng đoàn, nên đã chia phe lập phái, đòi sửa đổi giới luật và đã ba lần âm mưu hãm hại đức Phật, mong cho Đức Phật chết đi và Đề Bà Đạt Đa sẽ lên thay thế.

Lần thứ nhất Đề Bà Đạt Đa toa rập với Thái Tử A Xà Thế, con vua Tần Bà Xa La để giết Phật.

Đề Bà Đạt Đa mượn A Xà Thế một con voi lớn, cho uống rượu say, chờ đến khi Đức Phật đi ngang qua Hoàng cung thì thả voi ra để dầy chết Phật.

Khi Đức Phật đi đến cửa cung Vua Đề Bà Đạt Đa liền thả voi ra, nhưng thay vì đâm nát Phật thì voi lại chạy đến quì trước mặt Phật sau khi nghe Phật thét lên tiếng thét của con voi Chúa mà Phật học được từ một đàn voi rừng xuống hồ sen uống nước lúc Phật rời Cừ Thường Di và đi vào rừng ⁵.

Lần thứ hai, Đề Bà Đạt Đa mượn một bọn cướp mai phục sẵn tại một khe núi , chờ Phật đi ngang qua để giết. Khi Phật đi đến, bọn cướp xông ra, nhưng trước tâm từ của Đức Phật, chúng lại quì xuống và xin quy y Phật.

Đến lần thứ ba, Đề Bà Đạt Đa lại tự mình đứng ra thực hiện âm mưu. Đề Bà Đạt Đa mai phục trên một sườn núi và lăn đá xuống để đề cho Phật chết khi Phật đi khát thực trở về ngang qua bên dưới. May thay, khi lăn xuống đá bẻ vỡ ra và không đề Phật được mà chỉ có một miếng đá nhỏ rơi trúng

5- *Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh- NXB Lá Bối - USA- 1999 - Trang 302*

một ngón chân Phật làm cho chảy máu mà thôi.

Đã nhiều lần cố ý hãm hại toan giết Phật nên Đề Bà Đạt Đa bị tổn phước lâm bệnh trọng mà chết. Sở dĩ Đề Bà Đạt Đa cố hãm hại Phật là vì quá hám danh thống lĩnh tăng đoàn mà phạm tội, do đó phải bị hình phạt đọa vào địa ngục. Sau thời gian bị hình phạt ở địa ngục xong, nhờ trước khi phạm tội, Đề Bà Đạt Đa cũng có một thời gian tu trì, nhờ vậy mà Phật Thích Ca mới thọ ký cho Đề Bà sau này thành Phật hiệu là Thiên Vương, một vị Độc Giác Phật.

Tóm lại, với trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, Gia Du Đà La, Kiều Đàm Di, Nàng Long Nữ, chúng ta thấy rằng ai ai cũng đều có Phật tánh, ai ai cũng có thể thành Phật, không hề có sự phân biệt nữ nam, già trẻ, sang hèn hay kẻ hiền người dữ. Vấn đề quan trọng là phải thấy biết rằng mình có Phật tánh là cái nhân và việc Tu để thành Phật thì đó là cái quả.

Theo Đức Phật, qua Kinh Pháp Hoa, thì ai ai cũng đều có tánh Phật. Chỉ khác có một điều là nơi người hiền thì dễ hiển lộ, còn ở kẻ dữ thì Phật tánh lại bị lãng quên, nếu không hẳn bị chôn vùi.

Có một điều đáng tiếc và cũng là nguyên nhân gây ra thắc mắc, đó là người tu thì khá đông mà người thành Phật thì quá ít, như vậy là lý do tại sao⁶?

Có rất nhiều lý do làm cho người tu khó đạt được Đạo, khó tròn vẹn Thánh duyên hay hoàn thành Phật quả, mà nguyên nhân chánh là tại vì con người khi tu chỉ cứ thỉnh cầu chớ không chịu hay không thấy và không biết là tự mình, mình đã có sẵn Thánh Tâm, Phật tánh.

6- *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh - 31-3-1948*
- NXB Đường Sáng - Trang 46.

D- Lý do khó thấy hay khó nhận Thánh tâm, Phật tánh.

Có nhiều lý do khiến cho con người khó thể hay không thể thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh.

Lý do thứ nhất là có người không chịu tìm hiểu Đạo và đến với Đạo.

Lý do thứ hai nhiều người muốn tu nhưng chỉ lo tu tướng chứ chẳng chịu tu tâm với hậu quả tai hại nhất là người tu lại tự gạt mình mà nguyên nhân chỉ vì không đến được với chân lý là Đạo.

Người tu tự dối gạt mình bằng cách biết rõ rằng mình có Phật tánh Thánh tâm nhưng không chịu nhận hay không dám nhận và chỉ lo tu phước mà thôi. Sở dĩ không dám nhận hay không chịu nhận là do sợ tội, là vì nơi “Chốn hồng trần quen lẫn gió bụi” (Kinh Tắm Thánh), nên mình đã vô tình hay cố ý phạm lỗi lầm thì làm sao còn dám nghĩ đến việc siêu thăng giải thoát, thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, mà Kinh Giải Oan Đạo Cao Đài có nói rõ như sau:

“ Dòng khổ hải bể thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm chơn linh.
Giây oan se chặt buộc mình,
Nhớ như lục đục thất tình nhiễm thân.

* * *

Chịu ô trược chơn thần nặng trĩu
Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm.
Phong trần quen thói cung âm,
Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lầm phong đô.

* * *

Khỏi trái chủ nhặng lo vay trả,

Mới gây nên nhân quả nợ đời.
Rảnh mình đâu đặng thánh thời,
Thiên cung lỗ lỏi chơi voi cõi trần.

Với ba đoạn Kinh trên, bốn câu thứ nhất ý nói hễ con người không chịu tự cứu mình, cứ lo lặn ngụp trong vòng khổ hải, trong bể ái ân, mà : “Khổ hải thì vạn trùng ba, ái hà thì thiên xích lằng” nghĩa là trên biển khổ thì nước vùi gió đập, còn nơi sông ái ân thì sóng簸 ngập trời, vậy thì con người làm sao mà không phải khổ, không đắm chìm trong bể khổ.

“Bể khổ mênh mông sóng ngập trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Chung cuộc cùng trong bể khổ trôi !”

Bể khổ nói ở đây được rút ra từ bài Khai Kinh và Kinh Giải Oan của Đạo Cao Đài.

Bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài viết rằng “Biển trần khổ voi voi trời nước” có ý nhắc nhở nhơn sanh chớ nên chìm trong khổ hải, vì nếu cứ chìm đắm nơi đó thì “mùi đau thương sẽ thấm chơn linh” tức xác thân con người trước tiên vốn đã chịu lắm đau thương thì Chơn Thần và Chơn Linh tức linh hồn cũng phải bị ảnh hưởng, bị thấm đượm, tức cũng bị pháp trần vùi dập, phủ che làm cho ô trược.

Một khi đã bị ô trược rồi thì cứu vãng sẽ khó thể qui hồi, cũng chỉ tại con người do tham đắm tài, lộc, ái, ân mà đã tự buộc chặt mình vào vòng oan nghiệt, bình bồng nổi trôi theo lục đục thất tình làm ô nhiễm vẫn đục xác thân và chơn thần, còn chơn linh tức linh hồn cũng không tránh khỏi bụi hồng trần nhớp như mờ phủ. Đây là ý nói của hai câu : “Dây oan xe chặt buộc mình. Nhớp như lục đục thất tình nhiễm thân.” (Kinh Giải Oan).

* * *

Sau khi thất tình đã nhiễm thân tức một khi con người đã tự lặn ngụp vào vũng lầy của thất tình lục đục xác thân hoen ố luốc lem thì thử hỏi chơn thần tức hào quang bao phủ chở che đùm bọc xác thân làm sao trong sạch sáng sửa được, nghĩa là chơn thần cũng bị ô trược theo, nên nói “Chịu ô trược chơn thần nặng trĩu” là vậy.

Vì chơn thần đã bị ô trược nặng trĩu không còn linh minh, thanh tịnh, trong sáng nên không làm sao còn có thể giúp đỡ, hướng dẫn xác thân thấy rõ, biết rõ và sống với lương tâm hay chân tâm, tức là mãnh hình hải biểnng hiểu lương tâm cũng có nghĩa đã quên lương tâm hay xa rời lương tâm.

Vì đã xa rời lương tâm hay chân tâm nên con người hay xác thân sẽ chạy theo vọng tâm là tư tâm hay tà tâm.

Sống với vọng tâm hay tà tâm, con người sẽ càng mê vọng cảnh phong trần, cùng quen thói cung âm từ giọng kèn tiếng quyền, làm cho con người say đắm, ngẩn ngơ, quên hẳn đi cảnh thẳng hay con đường giải thoát. Thế thì thôi “cũng liều nhắm mắt đưa chân; thử xem con tạo xoay vần nơi nao” (Cung Oán Ngâm Khúc), vì thế mà Thánh tâm Phật tánh đành phải bị che mờ, tạo tiền đề cho cảnh Phong Đô lộ dạng, nghĩa là con người sẽ không làm sao còn thấy tâm Thánh tánh Phật của mình do “Phong trần quen thói cung âm; cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lằm phong đô” là vậy.

* * *

Về việc lạc lằm Phong Đô, còn một lý do quan trọng hơn nữa. Đó là tại vì con người thế gian nhất nhất cứ lo đeo đẳng theo trái oan, oan trái, vay trả, trả vay mà một trong 4 câu Kinh đoạn ba nói rằng “Khởi trái chủ nhặng lo vay trả”

nghĩa là nếu cứ chạy theo việc báo oán trả ân thì ân oán sẽ chất chồng vây chặt lấy thân tâm, do đó mà “mới gây nên nhân quả nợ đời”.

Nói rõ hơn nếu cứ lo trả vay, vay trả, nhân quả, quả nhân chồng chất thì thử hỏi với kiếp sống phù du ở trần thế đầy phong ba nầy, con người làm sao còn được nhân rảnh thảnh thơi (Rảnh mình đâu đặng thảnh thơi), vì thế còn thì giờ đâu mà nhớ lại mình, nhớ lại con người thật của mình, nhớ lại nguồn gốc cao quý của mình, dòng họ sang cả của mình, làm sao nhớ được mình có Thánh tâm Phật tánh để lo hồi đầu thì ngạn, hồi quang phản chiếu, vậy thì đường về Thiên cung sẽ mờ lối và mình sẽ cứ mãi trôi lặn trong lục đạo luân hồi nên câu kinh cuối cùng mới nói “ Thiên cung lờ lỏm chơi vơi cảnh trần” là vậy.

Để khỏi Thiên cung lờ lỏm chơi vơi cõi trần, giờ đây con người nên nhớ trong cái khổ còn có cái vui, trong cái họa còn có cái phước, trong cái rủi còn có cái may, như thế thì con người mới có cơ vui sống thảnh thơi thấy được đâu là cái may, cái phước của mình.

Cái may, cái phước đó là mặc dù có người vẫn không tin nơi Đạo, chẳng tưởng có Trời, có Chúa, có Phật nhưng Trời, Phật, Chúa vẫn luôn luôn chực chờ và sẵn sàng để cứu vớt mọi chúng sanh, chỉ dẫn cho chúng sanh hồi đầu hướng thiện, rửa sạch bao nhiêu tội lỗi tiền khiên và hiện kiếp bằng cách giải sạch trái oan, làm cho con người chẳng hờn, chẳng giận, không oán không thù và chỉ biết thương yêu.

Yêu thương là đức tánh đầu tiên của Phật, Chúa hay Thánh, mà con người nếu biết thực hành, năng thực hành chỉ yêu thương, từ bi, bác ái, hay nói rộng hơn là vị tha đối với người khác thì đó là cơ may để tự độ lấy mình hay tự giải cứu lấy

mình trên bước đường siêu thăng giải thoát, mà Kinh Giải Oan bốn câu kế tiếp nói rõ như sau:

“ May gặp đặng hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương.”

Đóng địa ngục, mở tầng Thiên. Khai miền Cực Lạc dẫn miền Tây Phương là hai câu kinh nói rõ mục đích và tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là tận độ chúng sanh, nhằm cứu vớt toàn thể sanh linh, tránh cảnh sa chơn địa ngục, đọa lạc luân hồi để được siêu thăng giải thoát, để “Đã quá chín tầng Trời đến vị và Thần đặng an tinh khí cũng an” (Kinh Khai cửa).

Đây là mục tiêu của một tôn giáo đến với con người. Nhưng con người nói chung, hay tín đồ của tôn giáo nói riêng, có thể “đóng được địa ngục, mở được tầng Thiên”, có thể siêu thăng giải thoát được hay không?

Câu trả lời là có thể được và chắc chắn sẽ được nếu nhơn sanh thực hành được hai chữ “Amour et Justice” tức Tình Thương và Công Chánh, với tinh thần kiên chí, kiên trì là đức tánh cuối cùng và cũng là đức tánh thứ chín của bất cứ vị Phật nào.

Như vậy, để đóng được cửa địa ngục, mở được các tầng Thiên thì người tu trước tiên phải giữ gìn giới luật và tri kiến được chân lý “Thiên Nhơn hiệp Nhứt” (Dieu et Humanité), để biết rằng mình có Phật tánh, và ai ai cũng có thể thành Phật. Kế đến là phải hành trì được Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái, Vị tha và Công Chính, Công Bằng, Không Hai, Không Phân biệt (Amour et Justice). Còn riêng việc tội phước nếu đã có tạo

ra từ tiền kiếp hay ngay tại kiếp này thì việc đó người thế gian ai ai cũng ít nhiều vấp ngã chớ chẳng phải riêng mình. Điều quan trọng là mình phải biết lo tu và tu thế nào để giải nghiệp đạt Đạo.

Có nhiều người nghĩ rằng mình đã lỡ gây nhiều tội lỗi rồi tự cho là mình không làm sao có thể đạt Đạo hay thành Phật được.

Đây là những ý nghĩ hoàn toàn sai nếu nhìn vào trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, một người đã phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục mà vẫn được Đức Phật Thích Ca thọ ký cho thành Phật sau này.

Trường hợp của Đề Bà Đạt Đa được ghi lại nơi đây là với mục đích nhắc cho người đời thấy rõ rằng con người sống giữa bụi trần, chen chân vào thế sự, mấy ai tránh khỏi lỗi lầm, không làm điều sai quấy. Những lỗi lầm sai quấy là do bản chất của nhiều kẻ phàm phu sống giữa thế gian mà tiền thân của một vị Phật khi còn mang kiếp phàm trần cũng không làm sao tránh khỏi và cũng không ngoại lệ.

Đó là lúc con người chưa tỉnh thức, còn vô minh, chưa thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh, hoặc có thấy có biết nhưng đã quên, chỉ còn nhớ được mập mờ, còn nghi, còn ngờ, còn ngại ngùng nên không dám nhận mà ngày nay Kinh Cơ Đạo Cao Đài nhắc lại về Luật Nhân Quả và Cửa Luân hồi nhằm mục đích với “Luật Nhân Quả để răn Thánh đức, cửa Luân Hồi nhắc bực cao siêu” (Kinh Giải Oan-Cao Đài) mà những bậc cao siêu và thánh đức ở đây là mọi người, là nhân sanh đều có sẵn Thánh tâm hay Phật tánh, để tất cả nhớ mà hồi tâm phản tỉnh nhớ lại coi mình là ai, biết rõ mình chính là ai? Phải chăng mình vốn có sẵn Phật tánh Thánh tâm nhưng đã bị bụi trần hoàn bao phủ nên mình

muốn quên hẳn đi hay không còn dám nhớ mà Kinh Pháp Hoa của Đạo Phật đã kể lại qua 2 phẩm 3 và 4 là phẩm Tín Giải và Dược Thảo Vụ.

Xin được trình bày kế tiếp sau đây phần Ngũ Lục và Luận Giải của Đạo Cao Đài để hiển dương Chánh Pháp Thánh Tâm Phật Tánh cũng như Thiên Nhân Tương Dữ hay Thiên Nhân hiệp Nhất

3- Ngũ Lục

Không khác thiên kinh vạn điển Phật giáo nhằm hướng dẫn chúng sanh Tri Kiến Phật, Kinh Cơ Luật Luận của Đạo Cao Đài cũng có mục đích chỉ cho toàn thể nhơn sanh thấy rõ là mỗi người chúng ta ai ai cũng có Thánh Tâm hay Phật Tánh, với Nhân Thiên Tương Dữ cũng có nghĩa là Thiên Nhân hiệp Nhất.

Thật vậy, sau hơn 3 năm từ năm 1947 đến năm 1949 thuyết pháp tại Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài đã nói rõ về thân phận thật sự của mỗi con người, được ghi qua quyển Thuyết Đạo năm Mậu Tý (1948) và Bí Pháp (1949) như sau:

“ Chúng ta đến làm người cốt yếu để đạt được cơ Tạo Đoan, trở nên Chí Linh Chí Thánh, mỗi một kiếp học thêm một bực, để ngày kia mong mỏi làm Trời” (Thuyết Đạo đêm 15 tháng 2 Đinh Hợi 1947).

“Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có Thần có Thú, vì thế cho nên triết lý thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm thú thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó. Bây giờ trong thân thể của chúng ta vẫn thường chiến đấu. Phật chiến đấu với thú, thú chiến đấu với Phật. Muốn Phật được Phật, muốn Thú được Thú.” (Thuyết Đạo đêm 18

tháng 6 Kỷ Sửu 1949) ⁷.

Nói rõ hơn, theo như những lời thuyết Đạo trên đây thì Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài trước tiên muốn chỉ cho nhơn sanh thấy rằng trong mỗi nhơn sanh ai ai cũng có Thần có Thú, có Thánh có phàm tức có Nhơn có Phật để rồi kế tiếp theo đó Ngài lại hướng dẫn hai con đường cho nhơn sanh tự mình quyết định và chọn lựa. Đó là phàm phu thú chất vật hình hay là Phật Tánh, Thánh Tâm, Chí Linh Chí Diệu.

* * *

Để giải thích thật tận tường cho mọi người thấy được sự thật hầu dễ bề lựa chọn, Đức Hộ Pháp Đạo Cao Đài đã không còn dấu diếm và nói thẳng ra trường hợp thân phận của Ngài như sau: “ Trong thi hài của Phạm Công Tắc còn có một vị làm chủ nó nữa, đó là Hộ Pháp. Quyền của Hộ Pháp mạnh mẽ hơn và Phạm Công Tắc chỉ là một con ngựa để cỡi mà thôi, còn Hộ Pháp là người cỡi nên con ngựa không thể không tuân mạng lệnh của chủ nó được. Hộ Pháp có một phần mà Phạm Công Tắc cũng có một phần. Phạm Công Tắc là tôi, còn Hộ Pháp là quyền năng của Đức Chí Tôn” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948- Nhà XB Đường Sáng, CA USA 1996 trang 1).

Nói Phạm Công Tắc ở đây, ý của Đức Hộ Pháp muốn chỉ cái báo thân tức cái thân nhục thể của Ngài. Còn nói Hộ Pháp là nhằm nhắc đến Thiên Mạng mà cái thân tứ đại Phạm Công Tắc thụ lãnh để cứu nhân độ thế. Nói khác hơn Hộ Pháp Phạm Công Tắc không phải là một, mà trong cái một hữu hình hữu tướng này lại có đến hai, đó là báo thân Phạm Công Tắc và Pháp Thân hay Thiên Mạng Hộ Pháp, nghĩa là

7- *Bí Pháp - Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết Đạo - NXB Ban Thế Đạo Hải Ngoại - USA - Năm 2012 - Trang 207.*

ngoài cái thể xác còn có Thánh Tâm Phật Tánh hay Thiên Mạng Chí Linh.

Thiên Mạng là nhiệm vụ thiêng liêng mà một nguyên nhân hay Bồ Tát khi nhập thể mang theo để độ Đời nâng Đạo.

Theo giáo lý Đạo Cao Đài thì mỗi hoá nhân khi tái trần hay mỗi nguyên nhân khi nhập thể phải mang theo ít nhất là một trong năm bốn phận hay nhiệm vụ mà ba bốn phận hay nhiệm vụ chính là thực hành Luật nhân quả, Du học và Thiên mệnh.

Thực hành Luật Nhân Quả, Du Học và Thiên Mạng là nói theo Đạo Cao Đài. Còn với Đạo Phật thì thực hành Luật nhân quả là hành hạnh Báo Oán, Du học là tu trì và Thiên Mạng là Bồ Tát Đạo. Đây là ba Hạnh Nhập cộng thêm với Lý Nhập tức Lý Hạnh.

Lý Hạnh cần đạt đến đó là Lý Tánh Thanh Tịnh tức Xứng Pháp Hạnh mà bất cứ Phật tử hay tín đồ Cao Đài nào nếu muốn nhập Đạo tức đạt Đạo thì cũng phải hoàn thành Lý Nhập và Hạnh Nhập này thì mới có thể hiển dương được Thánh Tâm hay Phật tánh đã có tự nơi mình để rồi đạt cơ giải thoát, tức là đạt Đạo.

* * *

Nói hiển dương hay trở về với Thánh tâm Phật tánh lại một lần nữa muốn nhắc nhở với tất cả mọi người rằng chúng ta ai ai cũng đều có Thánh Tâm Phật Tánh hay Thiên Mạng.

Khổ một điều là kể từ khi tái nhập hồng trần đầy luyến lưu mê đắm, đầy đục lặc ái ân, đầy gió bụi mịt mù, chúng ta lại quên mất đi cái nguồn gốc sang cả, cái nhiệm vụ thiêng liêng cao quý của mình, và cứ ngày lại ngày qua kiếp này sang

kiếp khác ta càng xa rời xa diệu vợi, để làm khách phong trần dần thân vào khổ hải vạn trùng ba, ái hà thiêu xích hủy nên quên cả cội nguồn mà vua Trần Thái Tông, vị Thiền sư Yên Tử Trúc Lâm đã thân mến diễn tả như sau:

“ Vinh vi lãng đảng phong trần khách,
Nhật viễn xa xăm vạn lý trình”

Được diễn dịch một cách rất dễ thương là:

“ Áo trần con đã mặc vào,
Nợ trần con biết ngày nào cởi ra.
Cũng như đứa trẻ xa nhà,
Lạc loài càng bước càng xa xa vời.”

Càng bước càng xa, để chúng ta làm khách phong trần vinh vi lãng đảng. Càng dần thân, càng mê đắm lại càng lạc loài, vì thế mà ta đã quên đi hầu như tất cả, nhất là quên hẳn rằng mỗi người chúng ta ai ai cũng đều có cội căn, một bản chất, một tâm tánh rất dễ thương dễ mến, một nguồn gốc sang cả, một nhiệm vụ cao quý và đó là cái Đại Nghiệp, một Đại Nghiệp cho mỗi chúng ta mà trong lần thuyết pháp đêm 19 tháng 2 năm Mậu Tý (29-3-1948) tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp bảo rằng:

“Đức Chí Tôn nói của mỗi đứa con Ông còn giữ một Đại Nghiệp. Đại Nghiệp ấy không phải của Ông cho, mà là của tự mình chúng ta đã đào tạo” nhưng chúng ta lỡ quên phứt nó đi, để cho thân thể ra hèn tiện, khổ não truân chuyên và cái đại nghiệp kia ta lại không thể nào bảo trọng được. Nếu đương đầu với mạng sống mà ta không Tự Tỉnh, kiếm phương pháp sống cho Chí Thành, rồi ta lén lút tìm cái sống theo qui pháp thử hỏi Đức Chí Tôn sẽ phải đau đớn như thế nào?

“Thầy đã nói: gia tài của các con Thầy không bao giờ lấy cho kẻ khác, kỳ dư kẻ nào chê bỏ” Nếu chúng ta làm thất thoát tất cả của cải phụ âm ấy và không hưởng được là tại nơi ta từ chối, hay tại ta đã quên mình mà từ bỏ cái đại nghiệp ấy. Như vậy thì thử hỏi ta sống một trăm tuổi có nghĩa gì đâu? Ví như mỗi phen có một đám xác đi qua thì dường như người quá cố nhắc nhở chúng ta một điều gì? Người chết nói với chúng ta rằng “Tôi đi đây là đến cảnh thiết, còn quý Ngài ở lại đó là cảnh giả đa nghe”! “Phải sáng suốt, phải biết thiết giả, mới bền vững cơ nghiệp Thiêng Liêng, chớ đời sống phàm gian là một khổ hải đa nghe!” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948, NXB Đường Sáng, San Jose, CA-USA-1996, trang 42-43).

Chúng ta được cho biết đời sống phàm gian là một khổ hải, là một cảnh giả chớ không phải thiết và chúng ta cũng được nhắc nhở cần phải sáng suốt để phân biệt thiết giả, hầu gìn giữ cho bền vững cơ nghiệp thiêng liêng, đó là cái Đại Nghiệp mà chúng ta đã gây tạo và Đức Chí Tôn đang giữ cho chúng ta, không cho bất cứ một kẻ nào khác, chỉ chờ chúng ta quay trở về để nhận, để vun đắp và xây dựng cho vững bền.

Lời Thuyết Đạo trên đây của Đức Hộ Pháp cho thấy mỗi phàm nhân tại thế gian này ai ai cũng có một cơ nghiệp thiêng liêng và đó là một Đại Nghiệp.

Nói khác hơn là giữa lòng vũ trụ biến thiên luôn luôn tiềm ẩn Bản Thể Bất Biến, đó là Chân Tâm, là Phật Tánh của thiên hạ, của tất cả các con Trời, có nghĩa rằng Trời chẳng phải xa xôi đâu cả, mà lại ở ngay trong tự đáy tâm hồn của mỗi chúng sanh, mà nếu chúng sanh chịu hồi đầu thị ngạn, phản quan tự kỷ như nói theo đạo Phật, hay Hồi quang Phản Chiếu như nói theo Đạo Cao Đài thì chúng sanh sẽ tìm lại

được ngay cái huyền diệu sang cả, cái Chân Ngã Vĩnh Hằng, cái Thật Tướng ngôn ngữ niêm tuyệt của mình và tri kiến được rằng mình vốn dĩ sẵn có cái Phật tánh Chân Tâm, cái Thiên Mệnh siêu tuyệt, cái Định Mệnh Thiêng Liêng được Đạo Cao Đài gọi đó là Đại Nghiệp.

QS. Lê Văn Thêm

(còn tiếp một kỳ)

Quốc sĩ Lê Văn Thêm

Sách đã xuất bản:



1*- Bí Pháp Dâng Tam bửu - Bí Pháp giải thoát (Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2013).

2*- Giới (Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2009) (Bản Việt Ngữ và bản Anh Ngữ)

3*-Tu thân (Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành năm 2010).

4*- Thiên Nhân Hiệp Nhứt (Quyển 1) (Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành (năm 2016).

Một nền Giáo dục Nhân bản? NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO

Nguyễn Văn Trường

Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, không mấy ai nghĩ: phải đúng theo văn phạm. Thế nhưng, trong tựa đề “NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO”, thiết nghĩ phải nói rõ sự liên quan văn phạm của hai từ kép này: chúng tôi dùng ‘thầy-giáo’ làm tính từ để bổ nghĩa cho danh từ ‘nhân-bản’. Bổ túc cái nghĩa, nhưng là chánh, là chủ đạo. Chúng tôi không giải trình một nhân bản chung chung, trừu tượng của các triết gia, của các nhà thần học, hay các chuyên gia nghiên cứu về cái chất người. Ngay trong phần đầu, NHÂN BẢN chung chung, cũng ở trong giới hạn tầm nhìn của một thầy giáo, của một thời cụ thể: Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Phần đầu, chỉ là rao, hay đạo. Rao đạo cho quen với ý niệm NHÂN BẢN, rồi mới vào chánh đề: NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO

Phần Một

NHÂN-BẢN

Nhân bản, 人本, là bản chất con người. Ý nói cái gốc ban đầu, cái tính chất người, cái tinh chất người, thực chất con người.

*- Nhà Phật dạy: Chân tâm. Người tu Phật tin rằng có một chân tâm hằng tồn, bất biến, bị che lấp; cái màng vô minh che lấp là vọng ngã; vọng ngã mất, vô minh rơi, chân tâm hiện tiền, kiến tánh-thấy được chân tâm - thì... thành Phật.

*- Với người theo Đạo Chúa thì Chúa tạo con người theo hình ảnh của Chúa; con người vì ăn trái cấm, mà phải bị đọa

xuống trần gian,... Cái tinh chất của con người là trái cảm, trái của sự hiểu biết thiện và ác.

Thế nên, nói nhân bản, đi vào nguồn gốc, ta thường lạc vào lãnh vực đức tin, tín ngưỡng. Tin mà không nghi. Không thể nghi bàn.

*- Mạnh Tử viết: “Con người sinh ra vốn là thiện” .

Tuân Tử lại bảo: “Con người vốn ác” . Nghĩ cho cùng, nếu bản chất con người đã là thiện thì cần gì phải dạy dỗ. Vì con người vốn ác, nên cần phải giáo dục mới thành người tốt? Thầy Mạnh và thầy Tuân, thánh hiền của Nho gia, mà người nói thiên đàng, người bảo địa ngục. Theo ai đây?

*- Xưa và nay, vẫn có người than: “Làm người? Khó! Làm người? Khó!” Khó hơn nữa, có lẽ là xác định cái “chất người

Không là một nhà thần học, không là một triết gia, cũng không là một chuyên viên bản thể học (ontology), cái bản chất cốt lõi của con người nằm ngoài tầm khả năng nghiên cứu của người thầy giáo, và riêng của chúng tôi.

Cho nên, để cùng trao đổi trên đề tài “nhân bản”, giới hạn cho học đường, chúng tôi xin thưa trình đôi nét về nội dung cụm từ ‘Nhân- Bản’ như sau đây:

Một : Nhị Nguyên

Chữ ‘nhân’ 人 có hai nét: Một nét bên trái (dài), một nét bên phải (ngắn hơn). Nhân gợi ý hai bên: phải và trái.

Ngoài chữ nhân 人 là người, Hán Việt còn một chữ nhân thứ hai, cũng liên quan với con người, đó là: 仁 . Thí dụ: Nhân ái. Theo Hán Việt Từ Điển của Cụ Thiệu Chửu, thì cái nghĩa đầu tiên của chữ nhân “ 仁” này là: Đạo-lý làm người; yêu người. Chúng ta hiểu “nhân” trong cái nghĩa này: Đạo lý và

tình thương.

Nhân, 仁, bên trái là bộ nhân (chữ nhân, 人, mà viết ‘đứng’, nghĩa là người), bên mặt là chữ ‘nhị’, 二, nghĩa là hai. Cái đạo lý làm người, tối thiểu là hai, và thương yêu thì phải tối thiểu cũng phải: hai.

Ý như muốn nói:

*- Không có con người đơn độc.

*- Con ngựa hoang, đơn độc trong rừng vẫn là ngựa. Con người đơn độc từ lúc sơ sinh, không tiếp cận với xã hội loài người, thì không biết tiếng người, ý người, tình người, nên không là người. Vậy, cá nhân phải ‘thuộc’ hay sống cùng với một tập thể người mới là người.

Tập thể ấy là gia tộc, bộ tộc, dân tộc, quốc gia,..hay loài người nói chung.

Là người, tối thiểu phải là hai: cá thể với cá thể, hoặc cá thể với tập thể, hay nói rộng hơn, cá thể với môi trường; môi trường hàm ý có cả thiên nhiên, vạn vật. Đạo lý làm người nằm trong sự thông lưu qua lại, đối đáp giữa đôi bên. Thương ghét của con người cũng sinh ra từ cái đạo lý giao lưu này.

*- Nói theo ngôn ngữ Phật gia:

a/ Con người – cá thể - hiện hữu trong một quan hệ nhân quả đồng thời với môi trường sống của nó, tương khắc mà cũng là tương sinh, cái này khác hẳn cái kia, nhưng xác định lẫn nhau. Cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu, cái này mất thì cái kia mất. Cá thể và môi trường, đồng thời hiện hữu và dị biệt.

b/ Ngoài ra, còn có quan hệ nhân quả dị thời. Gieo và gặt. Tác động qua lại, trong một khoảng thời gian nhất định, của những con người đồng thời hiện hữu.

*- Thực tế, con người thì có nam có nữ.

Ông Tô loài người, có giỏi như Bà Nữ Oa, đội đá vá trời, hay như Ông Tề Thiên, đại náo Thiên Cung, cũng không sinh sản được. Phải có Bà Eva, mà chỉ có Bà mà không có Ông..Adam, thì cũng chịu phép không sinh sản được cái giống người.

Và cả hai phải ăn trái kiến thức, trái biết phân biệt thiện ác —the fruit of knowing good from evil . Thế nên mắc tội, bị đọa thành người trần thế. Đó là hình ảnh cái tội tổ tông, mà cũng là phước tội. Nói là phước vì không mang cái tội ấy thì không có loài người, không có chúng ta hôm nay.

Vậy, nam nữ, phước tội, âm dương là tiên thiên. Trời sanh: làm người thì là như vậy.

Nhưng sau đó là hậu thiên, chuyện của con người. Có lắm chuyện. Xin ghi qua đôi điều:

*- Kinh Thánh cũng có ghi: Không có “free lunch” . Theo đó trong xã hội loài người, mọi sự việc đều có cái giá của nó.

*- Giá cả thì có mắc rẻ, cao thấp, hời hay không hời,..., dùng trong thị trường.

Ngoài giá cả, còn có giá trị.

Giá trị thuộc lãnh vực tính người, tình người. Thiện ác, tốt xấu, hay dở, thương ghét, nhân và bất nhân, nghĩa và bất nghĩa,

Nói chung, giá cả và giá trị đều có hai cực âm dương, dị biệt nhưng xác định lẫn nhau, tương khắc, tương sinh. Giữa hai cực và ngoài hai cực, có vô số biến thái đa dạng.

Vậy, có cả một vùng để chọn giá cả trong thương thảo, hay giá trị trong giao lưu. Vì đó mà chúng ta thường được khuyên: giữa người với nhau, phải biết cư xử tử tế. ‘Tử’ nói

: ‘kỹ lưỡng’, ‘cẩn thận’; tế nói: tinh vi, tinh tế. Tử tế hàm ý: cẩn trọng, chu đáo, ý thức trách nhiệm, ý thức về quan hệ, về cái đang xảy ra và những hệ quả của nó.

3. Thiết nghĩ, với chúng ta, người Việt Nam, cần nhấn mạnh: phải tử tế với thiên nhiên.

Việt Nam, rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu, thiên nhiên ưu đãi, nhưng giờ đây, biển thì có người ngại không muốn tắm, vì dơ bẩn; cá tôm thì nhiễm độc; đất đai thì có nơi hạn hán, có nơi lụt lội, nước mặn tràn vào đồng ruộng; ở thành phố ra đường phải mang khẩu trang... Đó là do con người bạc đãi thiên nhiên, phá rừng, xây cát bừa bãi, lạm dụng hóa chất, xả rác vô tội vạ...

4. Muốn nói thế nào là sống tử tế, con người tạo nên một thang giá trị, để nói phải trái, chánh tà, thiện ác, thị phi, âm dương hai ngã.

5. Ngày xưa, ‘âm’ được ghi một gạch đứt đoạn: -- , ‘dương’ được ghi bằng một gạch liền:— Âm Dương còn được gọi là lưỡng nghi. Lưỡng nghi, chấp chập hai, sinh tứ tượng , chấp chập ba, cho bát quái, chấp chập sáu cho 64 quẻ của Kinh Dịch.

Dịch là thay đổi, biến đổi. Vì cuộc sống luôn tự nhiên biến đổi, không ai chắc ở tương lai, nên dùng quẻ Dịch để đoán việc sắp đến, lành dữ, rủi may,... Đó là chuyện của người xưa.

6. Người nay, đọc Kinh Dịch, có khi học quẻ Dịch, và cả Hà Đồ, Lạc Thư , cũng chơi cái trò bói toán, phỏng đoán vị lai.

Thế nhưng lại ghi Âm Dương bằng 0 và 1, và thay vì sắp chập 6, như trong Kinh Dịch, thì sắp chập 8 , và vì dốt chữ Hán, nên gọi là bytes; mỗi byte cho một quẻ; mỗi quẻ, khi

thì gọi là tự mẫu, khi thì gọi là số, khi thì gọi là dấu,... Kết hợp tự mẫu với nhau thì được các từ (words). Kết hợp các từ với nhau thì được các cụm từ, hoặc câu văn. Có những qui định gọi là văn phạm hay ngữ pháp. Các từ, cụm từ, câu văn đáp ứng thỏa đáng những qui tắc ngữ pháp thì mới có nghĩa. Thế rồi, phát sinh những ngôn ngữ mới, không giống ai, danh xưng quái đản: Pascal, Cobolt, Algol, Fortran, Basic, Jawa, C, C++,...

Đó là các phần mềm của điện toán.

Muốn sử dụng phải có phần cứng, tức là những máy điện toán.

Thế rồi tin học ra đời.

Ngày nay, Google và Yahoo là những nguồn vô tận kiến thức; người ta hỏi nhau qua Facebook, Twitter,.. Hỏi bất cứ cái gì, và nhờ vậy mà thông thường giao lưu trên địa bàn thế giới. Quan hệ thầy trò vẫn đáp trình độ middle school, có thể đã qua ipad hay tablets, và từ nhiều năm nay, có người ở VN điện đàm với thân nhân ở Mỹ và thấy hình ảnh của nhau.

Người nay, có những bước tiến vượt bậc, như một phép lạ, trong nhiều lãnh vực.

Người nay, dùng điện toán, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, tính xác suất, và căn cứ trên khả năng xảy ra của một sự kiện, và với ước lượng độ sai có thể chấp nhận được, mà hành sự. Kinh tế, thương mại, xã hội, khoa học, tâm lý,..., đâu đâu cũng dùng thống kê và xác suất.

Có thể nói: thế giới hôm nay là thế giới của thống kê và xác suất, cũng là thế giới của những ngẫu nhiên, và phiêu lưu có tính toán, tính toán đến một độ sai khả chấp.

Hai: Nhất Nguyên

Nhị-nguyên cho quẻ Dịch, sinh điện toán. Dịch truyền đạt sự huyền diệu của những đổi thay phức tạp của duyên phận. Điện toán sinh ra khoa học của những ngẫu nhiên của đời sống. Xưa thì đoán mà không lường trước được, nay thì ước lượng được cái ngẫu nhiên có thể xảy ra với một độ chính xác, sai số khả chấp.

Dẫu vậy, con người, giàu nghèo, sang hèn, mọi tầng lớp xã hội, đều như nhau: lăn trôi trong đổi thay, khổ và lạc. Thế nên, ai ai cũng mong một sự ổn định bền vững: an cư lạc nghiệp.

An cư, nhưng nếu buộc đổi thay thì cái mới phải an ổn hơn, bền vững hơn. Lạc nghiệp, ‘có vui, thì cuộc vui phải kéo dài mãi, mà như thế, thì nhàm chán, nên phải vui hơn, vui hơn mãi’.

Đó là thường tình.

Vậy nên, khi có một thánh hiền, một tổ, một vị khai đạo, ca bài trường ca ‘đời là biển khổ’, rồi dạy “hãy theo ta”, ta chỉ cho con đường thoát khổ, một pháp môn chắc như bấp rang, lời của ta là “chân thật bất hư”, thì đông đảo vợi vã nghe theo; chỉ vì nó đúng tâm nguyện từ lâu của mình, nên nó đúng quá. Thí dụ như cái logic sau đây:

“Khởi điểm của vũ trụ là Thái Cực, Thái cực sinh lưỡng nghi, và từ đó phát sinh cái chuỗi vô tận ‘sinh-tử tử-sinh, luân hồi sáu bảy nẻo’, con người mới chìm đắm trong đục lạc, điên đảo, đảo điên. Khổ! Khổ sinh khổ! Khổ chòng thêm khổ! Không bao giờ dứt. Muốn nội tâm an lạc, hãy trở về Thái Cực, thì lưỡng cực mất, sinh tử luân hồi mất; tức nhiên, và tức thời “viễn ly điên đảo”. Chỉ cần ‘quay đầu lại là thấy bờ’ kiến tánh, trực ngộ cái chân thật tuyệt đối là Thái

Cực thì mọi việc được an vui.

Thật logic. Rời bỏ lưỡng cực, nguồn của điên đảo giòng đời, trở về cái trạng thái chỉ còn một cực, không nhân không quả, không khác biệt, không va chạm, không xung đột, thì tất phải là một trạng thái an lạc vĩnh hằng, bất biến. Lành thay! Đúng như ta hằng mong đợi; nhất là trong lúc ta đang thật tình trong điên đảo, mất hướng đi, trong tuyệt vọng.

Nhưng nghĩ lại, đó chỉ là suy luận, theo một đường, một cách tuyến tính (linear), một trò chơi trí tuệ hay tâm linh mà con người thường dùng, để biện minh cho một con đường, một lời giải, một lý giải tất yếu, tuyệt đối đúng, có khả năng giải quyết mọi mâu thuẫn, mọi xung đột...

Và như thế :

- hoặc để khai đạo, lập giáo, tổ chức giáo phái hay đảng phái, lấy giáo dân hay đảng viên làm công cụ cho quyền lực, và cho việc.. tiến thân, hoặc ‘đề’ viết trang sử oai hùng bằng máu và nước mắt củakẻ khác.

- hoặc vì nhẹ dạ, mất mình trong một lý tưởng, chủ nghĩa, một tổ chức tôn giáo, đảng phái..

- hoặc hòa theo giòng người tín hữu để kinh doanh trục lợi.

Và còn nhiều động cơ khác nữa.

Cũng có người trung thực với hình ảnh mà mình có về Đạo, về chủ nghĩa, lý tưởng, “tu hành” rất mực, hay “dám hy sinh vì đại nghĩa”. Họ là bậc chân tu, tự mình thật thà chạy theo tham vọng—tham vọng thành đạo, đạt đạo, đạt “đỉnh cao trí tuệ”, hay ‘tử vì đạo’... Họ trung thành với logic của sự suy diễn và với vọng tưởng của mình. Bên họ, đông đảo xem việc tu hành là một phương cách kinh doanh, lấy thị hiếu quần chúng làm duyên, lấy lợi nhuận hay quyền lực làm cứu

cánh. Một bên, thật thà theo ảo ảnh? Một bên, xem mình là thông minh, chí thú kinh doanh?

Trong lịch sử loài người, phương Tây có những Thập Tự Chinh, Thánh Chiến; phương Đông, nhan nhản những ‘guồng’ “ ‘chết’ hoặc ‘khóc’ vì một hôn quân vô đạo” . Hai thập kỷ gần đây, có những chủ nghĩa Phát Xít, Quốc Xã, Mác-xít-Lêninít, với những tên tuổi vĩ-đại Franco, Mussoloni, Hitler, Stalin, Mao, Kim, Hồ. Riêng nạn nhân của họ Sít ước tính: 7 triệu; của họ Mao: từ 49 đến 78 triệu; riêng Bước Đại Nhảy Vọt 1958-1962 của họ Mao: 30 triệu người chết đói, chỉ lấy một vài số liệu, và ‘danh nhân’ trên Internet. Tất cả những tang thương, bi thảm, khốc hận thấu tận trời xanh ấy, cũng vì ‘ngàn ngàn cánh tay giơ lên’, ‘hồ hởi’, xung phong, làm củi đốt cho một ngày Khai Đạo; thí dụ họ Sít, Đạo Xã Nghĩa.

* * *

Nhất nguyên, nhị nguyên, thái cực, âm dương, quỷ dịch, điện toán, huyền học, khoa học, xử lý dữ liệu, tính xác suất của những ngẫu nhiên,.. là ngôn ngữ, vũ trụ quan và thành quả của con người. Thập tự chinh, thánh chiến, chiến tranh nói chung là những ấn tích trong lịch sử loài người. Torquémada, Stalin, Mao, Hít,...là những hung thần ...vĩ đại của một thời. Họ là ấn tượng của chết chóc, đói nghèo, đổ nát điêu tàn; họ cũng biểu hiện cảnh ‘người là con sói đối với đồng loại’. Bên họ, có những bậc thánh, Không, Mạnh, Lão, Trang, Đức Phật, Chúa Ky Tô, Socrates, Plato, Aristotle, ...mà lời nói và việc làm gieo ánh sáng cho nhân loại.

Thiện ác đều là người.

Xưa trong các chùa, luôn có thờ Ông Thiện và Ông Ác. Hai Ông luôn đi chung nhau: hoặc sát cánh bên nhau trên một

bàn thờ; hoặc ngay bên trong hoặc ngoài cổng chùa, Ông bên mặt, Ông bên trái. Ý như nhắc nhở rằng: trong mỗi chúng sanh, có Thiện, có Ác.

Đó là tóm lược cái chất người, tiêu biểu trong những con người cụ thể, trong những bối cảnh lịch sử cụ thể của nhân loại.

Dù ở thời của điện toán, của sự toàn cầu hóa ngôn ngữ, thông tin, kinh tế, thương mại,..., thế giới như thu hẹp, chúng ta chưa ra khỏi những tính đặc thù nêu trên. Với những nét sơ khởi chung chung ấy, thì cái nhìn hạn hẹp của người thầy giáo, và nói riêng cho người thầy giáo Việt Nam có thể như thế nào?

Phần Hai

NHÂN BẢN THẦY GIÁO

Ngày nay, thầy cô giáo, thọ lãnh cái di sản của người xưa, nghĩ về ‘nhân-bản’, thường hay “pha”. Pha là pha chế, pha trộn: pha trộn xưa với nay, pha trộn Đông với Tây. Nói riêng, pha thêm cái chất thầy-giáo.

Nhìn chung, thầy cô giáo nhìn con người qua tuổi trẻ thơ dại, trong sáng và sinh động. Thơ ngây, dại dột, vì chưa thực sự tiếp cận với những thử thách lớn nhỏ của cuộc sống, nên chưa bị ô nhiễm bởi đúng sai, phải trái hay buồn vui hờn giận, của bụi đời. Sinh là sống, đối nghĩa với chết. Sinh hàm ý ‘sinh sôi nảy nở’. Sinh cũng hàm ý là ‘chưa có kinh nghiệm’, ẩn tàng trong người học sinh; chưa kinh nghiệm nên phải học. Động nói di chuyển, không đứng chết một chỗ, không bám trụ ở một nơi. Sinh động nói sức sống của tuổi trẻ đang lên, đang phát triển, đang hình thành, nảy nở, luôn trở nên giàu mạnh—giàu ở tiềm năng đóng góp, giàu ở trí tuệ, ở tính người, tình người, giàu trong tiến trình phát

triển. Sinh động nói lên một hoài vọng ở tương lai. Cái tánh vốn thiện của thuở còn thơ dại, chẳng lợi ích gì cho ai, ngoài việc làm vui nhà vui cửa; phải học, trau dồi khả năng, tính tình, mới thành người. Đó là màu áo thầy-cô-giáo khoác lên cái nhân-bản sơ thảo bên trên. Cái màu ấy có thể tóm lược trong một số định đề, ghi sau đây, để luận bàn, xin ý, với lòng mong được học hỏi.

Đó là:

1. **Định đề tiên quyết:** Dạy là vì nó, cho nó, bởi nó. Nó là đứa học trò. Không trò, làm gì có thầy. Vì nó mà có cái giống làm thầy.. Nó là duyên và là cứu cánh của công việc làm thầy. Nội dung cái dạy là nhằm cho nó, phù hợp với lứa tuổi và khả năng của nó. Động cơ của cái dạy nằm trong cái học, trong cái lòng muốn học, ham học của nó. Tất tất đều do ở nó.

Xưa, ‘học thi phú văn chương’, thuộc lòng tứ thư, ngũ kinh, để làm quan, ‘phụ mẫu chi dân’. Giờ thì cái học, nhìn gần, thì có thể để làm ‘công chức’ hay ‘cán bộ’, hay ‘có công ăn việc làm’; mà nhìn xa và sâu thì học là để trang bị cho mình một cá tính, để mình thành ‘một người’; nói riêng, một người có khả năng tích cực đóng góp cho lợi ích chung, một vốn quý của xã hội.

2. Hệ quả là:

Không có việc: ‘Xưa bầy nay làm’; ‘người ta sao thì mình cũng vậy.’

Xưa: Quân Chủ chuyên chế, vua là con Trời—Thiên Tử. Cái học tập trung vào một chữ ‘Trung’. Xưa, có người xưng: ‘Chế độ nào, giáo dục nấy, chế độ quân chủ, giáo dục quân chủ; chế độ dân chủ, giáo dục dân chủ.’ Theo cái logic này, ngày nay, ở các nước xã-nghĩa, giáo dục nhằm đào tạo con

người xã nghĩa, ‘học đường là máy chánh, thầy cô giáo là những kỹ sư tâm hồn và là cán bộ tuyên huấn của Đảng’; và khi ‘người người nhất trí, nhà nhà nhất trí’, thì ta cũng nhất trí; người sao thì ta cũng vậy, an toàn nhắm mắt qua sông.

Người thầy hẳn phải nói: ‘không’ với cách suy nghĩ này. ‘Ngàn con số không cộng lại vẫn bằng không’, không có lý do để mình là con số không thứ 1001, hay con cừ Panurge thứ 1001. Càng không có lý do để người-thầy đồng lõa trong việc sản xuất nô lệ.

Xưa, ‘trung với vua’, được chết vì vua, thì được ‘sắc phong’ là ‘thần’, được thờ ở các đình miếu, danh thơm muôn thuở, một cổ tục thời vua Văn, vua Võ bên Tàu, rất là Tàu.

Ngày nay, ngoại trừ một vài nơi như ở Cộng Hòa Xã Nghĩa Triều Tiên, ông Kim cha qua đời, khi ông Kim con chuẩn bị đăng quan, thì thần dân xã nghĩa phải khóc ông Kim cha, còn hơn mất cha mất mẹ. Ông Sít mất, ông Tố khóc Ông Sít:

‘Thương cha thương mẹ, thương chồng,

Thương mình thương một thương ông thương mười.’

Dạy học không là đơn thuần theo gót người xưa. Cái di sản của tiền nhân phải được khai thác, mở rộng, đào sâu, sáng tạo, tạo một môi trường thích hợp cho sự phát triển, cho mình và cho mỗi thành viên của xã hội. Không phải vì một số cường tín mà ta phải điên theo. Đừng để cổ tục thành ngục tù trí tuệ. Đừng để học đường trở thành công xưởng sản xuất nô lệ.

3. Tiên đề 2: Dạy là khai phóng. Khai là mở, như trong khai thông, khai trí, khai phá, khai triển,.. Phóng là buông, thả như trong phóng tích, giải phóng, phóng sinh. Khai phóng là ‘mở rộng và buông thả’. Khai phóng hàm ý một thái độ cởi

mở, mở trí, mở lòng mình, và buông bỏ vị kỷ, thành kiến, thoát khỏi các xiềng xích trí tuệ hay tâm linh, để rộng đón, tiếp cận và tìm hiểu cái mới.

4. Đó là biểu hiện của tinh thần khai phá, tiên phong, chịu khó, kiên trì, chấp nhận hiểm nguy—một hiểm nguy có tính toán, có ước lượng thiệt hơn, trong cuộc phiêu lưu Nam Tiến của cha ông ta.

5. Đó cũng là tinh thần buông xả, vô trụ của nhà Phật, để tránh cái nhìn lệch lạc, ít nhiều không chính xác của giác quan, của một tâm tư nhiều cảm xúc và định kiến. Xả là xả bỏ, không dính mắc, tức cảm nhận có dính mắc, cần xả bỏ. Vô trụ là không bám víu vào cái sẵn có, nói riêng không bám víu tiên kiến. Xả bỏ, vô trụ, để thấy, biết hiểu để tiếp thu cái mới, trong mức độ tối đa mà ta có được. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, là rời bỏ cái vị trí chủ quan để tiến đến một cái nhìn thật sự khách quan.

Phần ba:

DẠY HỌC LÀ KHÔNG NHỒI SỢ

Nhồi sợ là ‘ban pháp’: Thầy, ở trên, người nắm vững kiến thức, cái đúng, cái lẽ phải, cái tốt, cái chân thật bất hư, ban bố cho trò, ở dưới, còn thơ dại, chưa biết, còn dốt, phải tin, nghe, nhập tâm, và thi hành lời thầy dạy. ‘Nhồi sợ’ buộc người học tin mà không nghi. Nếu có vấn hỏi, thì sự vấn hỏi lắm khi là hình thức nhằm củng cố lòng tin ‘sắt đá’ của tự thân.

‘Nhồi sợ’ cũng buộc người học ‘nương tựa, vâng lời, và phục tùng’, nếu không tin hẳn ở người dạy, thì tin ở trí tuệ tập thể, ở tổ chức Đảng, ở tổ chức tôn giáo, hoặc rập khuôn theo người xưa: Nghiêu, Thuấn, Khổng, Lão,..., đông đảo thánh hiền.

Ban pháp là một từ mà có một thời, thường nghe ở các chùa. Quý sư sãi, thường được mời ‘quang lâm và thí pháp hay ban pháp’ cho tín đồ. ‘Sư-quy-y’ là “nuông tựa, vâng lời, và phục tùng’ tam bảo mà người ban pháp là đại diện. Sư sãi ban pháp, nhưng không ‘nhồi sọ’: người tín đồ thường lớn tuổi, tự nguyện tìm đến quy y học đạo, tin ở lời sư giảng, tin mà không nghi. Nếu có nghi vấn, và sư thấy có chút khó khăn, thì sư lấy một lời của Đức Phật, hoặc của một tổ—căn cứ theo kinh này, kinh khác, mà giải đáp. Lời Đức Phật, của tổ ắt phải đúng thôi. Lấy lời của Phật, của tổ mà trám miệng người, là một thái độ... thiếu lương thiện, mà ít ai không vấp phải.

Ngoài ra, Sư Sãi còn có cái áo vàng, chuông mõ, hương trầm, có được cái không khí cho người học buông xả thành kiến, buông xả những lo âu, phiền não hằng ngày, để chú tâm nghe pháp, và để pháp nhập tâm.

Công việc của Sư tương tựa như ‘tẩy não’, nhưng không là tẩy não, theo cái nghĩa thông thường. Người bị tẩy não bị bắt buộc, bị đe dọa, và luôn lo sợ, còn tín đồ đến sư với lòng mong muốn, muốn được trang bị một tinh thần mới; thí dụ: tìm an tịnh thân tâm.

‘Tẩy não’-洗腦- bắt nguồn từ những trại cải tạo do Đảng Cộng Sản Trung Quốc thành lập năm 1949, sau nội chiến chấm dứt. Nó có nghĩa là cải tạo tư tưởng. Trong thực tế, đó là một bạo hành tâm linh, buộc người bị cải tạo phải từ bỏ mọi quan niệm, ý riêng của mình, để chỉ theo tiếng nói của Đảng.” Tẩy não, cải tạo có bao hàm cái ý răn đe, dọa dẫm, hoặc đối xử người bị cải tạo như với một kẻ bắt lương hay có mang trọng tội.

Người-thầy không làm công việc của người cán bộ coi tù cải tạo. Công việc người thầy là trang bị cho trẻ những kiến

thức cần thiết cho cuộc sống, giúp trẻ thấu hiểu quyền hạn và nghĩa vụ công dân, ý thức cấu trúc luật pháp, chánh quyền, kinh tế, thị trường, xã hội,.. cảm nhận những giới hạn của tự do và trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận, là trang bị cho nó các thói quen siêng năng, cần mẫn, kiên nhẫn, chịu khó, để học, hỏi, để chín chắn trong suy tư, trung thực trong luận bàn và hành sự. Và nhờ vậy, nó có khả năng đối thoại được với môi trường, và hội nhập vào môi trường mà nó đang sống, nói riêng vào cái nếp sống văn hóa đương thời. Hội nhập là vào trong, nhập cuộc, có người có mình. Hội nhập không có nghĩa: mình là của cải của xã hội, là nô lệ một tổ chức, hay là kết quả của một sự vong thân.

Trong diễn trình học tập và hội nhập, nó tự tạo một cá tính đặc thù, không ngừng hình thành, hiểu việc, hiểu đời, hiểu mình, hiểu người, một tiến trình hiểu biết. Nó là nó. Nó không là cái ảnh của người-thầy, hay bất cứ của một ai, càng không là ảnh hay công cụ của một tổ chức. Nó không khép kín trong tự ti, không cứng ngắc, tự mãn trong một cái đúng tuyệt đối, để không hiểu bất cứ cái chi về tính người, tình người, để thành ‘trơ’, vô cảm trước những đổi thay của môi trường chung quanh.. Nó là nó trong những dị biệt với đồng loại, chấp nhận dị biệt để tìm hiểu, tương giao, học hỏi, và cảm thông. Nó là nó trong những bối cảnh thuận nghịch; thuận thì biết vui, biết sướng; nghịch là thử thách phải vượt qua, để trưởng thành, thế nên, không trốn chạy; mà lắm khi muốn tránh né cũng không được.

Vậy, hội nhập không có nghĩa là rập khuôn, là bị hay chịu cho người nhồi sọ hay tẩy não.

Nhìn lại thời học đường VN Đê Nhất và Đê Nhị Cộng Hòa, không phải mọi việc đều hoàn hảo, trơn tru như đi trên thảm đỏ. Thế nhưng, ở các trường sư phạm, các khóa tu nghiệp, trong các công văn, luôn có ân tặng hay trực tiếp, nêu lên cái ý: tôn trọng con người trong mỗi đứa trẻ, tôn trọng cái con

người mong manh đang hình thành trong đứa trẻ.

Về chương trình dạy, trong cái tuổi mẫu giáo, tuổi của chuyện ‘Tám Cám’, Thạch Sanh Lý Thông, Bạch Viên Tôn Các..., người thầy có dùng huyền thoại, huyền thoại An Dương Vương, Phù Đổng Thiên Vương,... Nhưng, cũng ngay ở cái tuổi này, đã bắt đầu dạy vệ sinh thường thức, vệ sinh cá nhân, nhất là ở thôn quê, chưa có nước máy, và trẻ con là mồi ngon cho các bệnh sốt rét, tiêu chảy, dịch tả, phong đòn gánh.... Sang tiểu học thì sớm xây dựng ngôn ngữ, nói và viết, quan sát, tả cảnh, thuật chuyện. Đến tuổi 13-15, tạm gọi là làm chủ được ngôn ngữ, thì đến giai đoạn khai tâm vào lý luận: đúng sai, hay dở, đẹp xấu, qua những bài phân tích và bình luận văn chương hay nghĩ suy về luân lý, về một số ca dao tục ngữ. Vào Trung Học đệ nhị cấp là nghĩ đến chuẩn bị vào Đại Học, mà thầy trò có thể trao đổi với nhau, nói riêng trong các lãnh vực văn chương, luân lý, triết học.

Song song với việc rèn luyện trí tuệ và tính tình, là cái học để trở thành một thành viên sản xuất—của cái vật chất hay dịch vụ. Cái cảm giác mình có lợi ích, mình có đóng góp, đem lại cho con người lòng tự tin, và là động cơ thúc đẩy con người tiến bước, tìm tòi, mở rộng, đào sâu và cứ như thế mãi mà học hỏi.

Đó là chuyện xưa. Việt Nam Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa.

Ngày nay, ‘tất cả vì chủ nghĩa xã hội.’

Nói cách khác, dạy và học nhằm để vong thân trong một chủ nghĩa: xã nghĩa. Có lẽ vì vậy mà ‘xã nghĩa’ luôn là môn chánh. “Chánh” trong cả hai nghĩa: hệ số cao nhất, điều kiện tiên quyết cho việc đồ đạt và thành đạt.

Nghĩ cho cùng, ‘xã nghĩa’ là một đạo giáo, có Kinh Thánh, có tổ chức giáo phẩm, có tòa án thẩm tra kẻ lạc giáo hay dị

giáo, như thời Trung Cổ. Thật không ngoa khi gọi là Xích Giáo 赤教, Giáo Hội Đỏ; hoặc nói theo ngôn ngữ xã nghĩa là Sít Giáo, tưởng nhớ đến ông Giáo Hoàng đầu tiên họ Sít, ở Thánh Địa Mát-xcơ-va, và theo ngôn ngữ của văn chương ‘phản động’: Đạo Sít 盜 Xít, cái tặc-đạo của họ Sít.

Thế nên, làm thầy cô giáo, thời xã nghĩa, khó lắm. Sống cơ cực, đồng lương eo hẹp, ngày càng eo hẹp. Mà ai ai chẳng như vậy! Nhưng có những thầy cô giáo còn phải uốn cong lương tri chức nghiệp, để làm một bộ phận, một mắc xích, cho cái máy đào tạo hàng loạt những rô-bô xã nghĩa, tung hô, nhất trí,...Nhượng bộ với hoàn cảnh, đồng lõa với ma vương, làm cây sậy của La Fontaine, nép theo sức gió: Khó! Thật quá khó! Nhưng vẫn không khó bằng sông phẳng với chính mình.

Tiên đề 4: Dạy là truyền đạt kiến thức. Truyền đạt những giá trị. Kiến thức, giá trị là phương tiện, tạo duyên cho đối thoại, đổi trao, cứu cánh nằm ở con người

- Kiến thức phải cô điển, phải có những giá trị vững chắc mới được chọn và ghi trong chương trình và viết thành sách giáo khoa. Kiến thức—cũ rích, trơ, chết, bất động, vô hồn trong sách vở, người-thầy lấy đó làm duyên cho những buổi gặp gỡ thầy trò, làm đề tài cho giờ học. Học thì có hỏi; hỏi chưa thấu đáo chưa thôi; phải suy tư, đem ra bàn luận, mà chưa thấu đáo vẫn chưa thôi, phải đưa thử nghiệm, Thế nên, kiến thức cũng là duyên cho thầy trò tôi luyện quan sát, nhận xét, phê phán, phân tích, tổng hợp, suy đoán, dự trù, làm dự án,.., và thực thi; vì vậy mà cũng giúp cho sự tôi luyện tính kiên nhẫn, chịu khó, bền lòng, bền chí,... Cũng là duyên cho đổi trao thông tin, duyên cho thông cảm, giao lưu giữa thầy trò và giữa bạn bè trong lớp học. Duyên nào cũng có thuận, có nghịch. Nghịch duyên là thử thách. Thử thách cho việc tôi luyện trí, tính, và tình người, trước nghịch cảnh.

Cho nên, không có cái học ‘bị học’, ‘được truyền giảng’ một chiều: thầy cô, bên trên—trên bục, ‘một bề kinh sử’—‘độc quyền’ thí pháp cho cái đám tín đồ dốt nát cần được dẫn dắt ở phía dưới; không bị nhồi sọ, mà là cái học năng động, cái học sống.

(Phải ghi nhận ở đây, cái phương cách truyền giảng rất thuận cho người dạy và người học, trong cái nghĩa là; cả hai bên đều yên ổn, người học không bị động, không bị hỏi, không phải động não để trả lời, và về phía người dạy, thì tất tất đều có trong sách vở, mọi việc đều gói gọn trong cái không có vấn đề, không một sự rủi may rắc rối xảy ra. Điều này thường được các thầy, cô ở cấp Đại Học áp dụng; ở Đại Học, người học được xem là có đủ khả năng tìm hiểu, tự vấn về mọi vấn đề khác biệt ở mọi lãnh vực, văn chương, triết học, khoa học,...)

- Như vậy, ‘truyền đạt’ là một cách nói thiếu may mắn. Dạy, trong bất cứ bối cảnh nào, không chỉ là một sự truyền đạt đơn thuần kiến thức hay giá trị.

Nói đúng sai, phải trái, người-thầy ắt phải nêu rõ là trong bối cảnh nào, với những giả thiết nào, ở hệ thống tiên đề nào, qui về thang giá trị nào. Có những cái xưa đúng mà nay sai; thí dụ: xưa ‘trung với vua’ và chết vì chữ ‘trung’, như Nhạc Phi thì ‘đúng quá đi thôi’; nay thì, ngoại trừ những người cuồng tín, không ai muốn chết hay làm nô lệ cho một ông lãnh đạo, hay vì một chữ ‘trung’—thí dụ: ‘Trung với Đảng’, hay trung thành với một chủ thuyết, một chủ nghĩa, hay tử vì đạo. Cái đúng ở Tây Phương có thể sai ở Đông Phương. Anh và Pháp cách nhau một eo biển nhỏ, The English Channel, mà ở Anh, xe chạy bên trái, ở Pháp xe chạy bên mặt. Người thầy có thể ‘giảng’—đặt vấn đề nhất nguyên, nhị nguyên, tiên thiên, hậu thiên, chân lý,..., nhưng không gói, không chốt, không giam, không nô lệ hóa học trò mình hay tự thân mình

trong cái huyền diệu nhất nguyên, hay trong chuyên chính nhị nguyên, hay bất cứ một chủ thuyết, một chủ nghĩa, hay một tổ chức, dù hoàn hảo tuyệt luân.. Theo đó, người thầy hành xử theo ‘duyên nghiệp’, gieo nhân, gặt quả, lấy quả làm nhân, quay cuồng trong luân hồi trăm ngã’. Có vui, có khổ. Có thành, có bại.

Thành đạt, người học có thể là đồ trạng nguyên, tiến sĩ, nhưng không vì đó chết ở bằng cấp, càng không chết ở miếng đỉnh chung, trong tranh đua quyền lực; nói cách khác, không chết vì ham muốn hay vì tự mãn. Thành đạt có thể là một khám phá lớn cho nhân loại, nhưng không vì đó mà nghỉ ngơi, mệt người, mai một trong hào quang. Thành đạt phải là cơ duyên mở một con đường mới, một giai đoạn mới; cái mới, cái chưa biết nào cũng có những phiêu lưu, vừa hấp dẫn, vừa làm lòng người e ngại, e ngại những hiểm nguy, ngẫu nhiên xảy ra, không lường trước được, e ngại va chạm, e ngại gieo nghiệp, e ngại thất bại.

Cái mới nào cũng có những vắn nạn, nan giải, và là thách đố, là cơ duyên tôi luyện tài năng và tính tình. Thế nên, ‘không có cái gì thay thế được ‘sự cật lực làm việc’.’ Cô Priyanka Chopra, ca sĩ, minh tinh màn ảnh, ý thức sâu sắc điều này, khi Cô nói: ‘Hãy khoác cái áo thành công như mặc T-Shirt, không như mặc tuxedo.’

Nói cách khác,

Học là thường xuyên, suốt giòng đời.

Thế giới học và dạy của các thầy và cô giáo, nhân bản thầy giáo, có thể là như thế đó. Nhìn ngoài, nó là cái Đạo, vì như mọi đạo giáo, nó có một rừng kinh điển, có lễ nghi, văn tự tu đầy đủ,..; Đạo mà không là đạo vì không gói, nhốt, giam, hay nô lệ hóa con người vào một chủ nghĩa, chủ thuyết, pháp môn, một hệ thống giáo lý, giáo điều, một tổ chức đạo giáo; cũng không bỏ đời, tìm một sự an ổn cho tự

thân. Người thầy trọn vẹn với cuộc sống thế tục, chấp nhận nghiệp-báo; trong cái rừng kinh sách, mượn kiến thức làm duyên để mong và nhờ tuổi trẻ mở rộng và đào sâu, với hi vọng một tương lai phong phú.

Đó là cái chất của giao lưu, của đối thoại, của hợp tác, của học hỏi, giữa những thế hệ, mà lớn nhỏ tôn trọng nhau, để cùng vun bón tình người, tính người. Có dính, có mắc; dính trong kiến thức, mắc trong lý tình, nhưng có buông, có xả. Buông xả, không nhằm để phiền não trôi đi, để tâm an, mà là để buông bỏ thành kiến, tiên kiến, định kiến, để thấy, hiểu, cảm thông, hiểu mình, hiểu người, hiểu vấn đề, hiểu quan hệ, và như vậy, thầy và trò luôn trọn vẹn trong những bun xun, lẫn xả, phức tạp, thuận nghịch của duyên phận, tiến bước trong một cuộc sống thật là người. Buông xả để trưởng thành.

Đó là nhân bản thầy giáo.

Thay lời kết:

Công việc thầy cô giáo là một công việc đồng đội: theo chiều ngang, văn chương, luân lý, sử, địa, vạn vật, lý hóa, toán, kinh tế gia đình, nhạc, hội họa,...đều nhằm một cứu cánh: giúp giới trẻ xây dựng trí tuệ, tính tình, một cá tính cho tự thân. Và cũng là một công việc đồng đội theo chiều dọc, thầy cô giáo lớp học năm trước nghĩ đến người dạy năm sau. Ngang hay dọc đều cùng nhằm giúp giới trẻ xây dựng diễn trình những cái ‘Tôi’ luôn hình thành và khác biệt.

Trên thực tế, thầy cô giáo dạy kiến thức, buộc phải dạy những kiến thức ghi rõ trong chương trình, và viết thành bài bản trong nhiều sách giáo khoa. Thế nhưng, kiến thức, với người dạy chỉ là phương tiện, và với người học, còn có thể là phương tiện tiến thân, có được một cái nghề, để cống hiến, đóng góp tích cực cho sự giàu mạnh chung. Cứu cánh vẫn là con người, con người đang hình thành trong mỗi đứa

học sinh.

Nhắc lại điều này, để nhấn mạnh: Làm thầy không lúc nào có nghĩa là nhồi sọ, là tẩy não, là biến trẻ thơ thành những con rối, làm nô lệ cho quan trên tùy tiện sai bảo, hay mê ngủ trong một chân lý, mà ‘sông có cạn, núi có mòn, chẳng bao giờ thay đổi’

Người thầy nhìn công việc của mình như là ‘nhuộm mây, nẩy trắng’, vẽ mây vì trắng. Dạy kiến thức, lấy kiến thức làm phương tiện, để giúp trẻ trưởng thành, để nó thành người, một người hiểu biết cộng đồng và môi trường mình đang sống. Nhưng cũng nhìn nhận rằng lắm khi phải chịu nhân nhượng với thị hiếu quần chúng, chạy theo bán chữ, bán kiến thức, dạy cho thi cử, cấp bằng, học vị.

Trong cái thói quen cố hữu nói trắng thì phải thêm đen, để trắng thêm trắng, chúng tôi có sử dụng ngôn ngữ đạo giáo, chân lý tuyệt đối, ‘chân thật bất hư’, dính mắc và xả bỏ, trụ và vô trụ,..., chẳng qua là chúng tôi muốn dùng mây vẽ trắng, để làm sáng cái nhân bản thầy giáo.. Mọi ý tưởng chiêm biếm, xoi bói, chỉ trích đều ngoài ý muốn của chúng tôi.

Chúng tôi chân thành cảm ơn

-Nhà văn Trần Bang Thạch, đã đọc, góp ý, và giúp chúng tôi chỉnh đốn cấu trúc của bài cho dễ đọc hơn.

- Ông đồ nhà Đỗ Chiêu Đức đã xem lại việc sử dụng Hán Văn của chúng tôi.

Houston, Texas December 17, 2016

Nguyễn Văn Trường
Cựu Tổng Trưởng Giáo Dục VNCH



Nho Giáo

(Nguyễn Hoài Vân)

TÂM VẬT HỢP NHẤT

Khi bước vào Nho Giáo, đây là điều đầu tiên cần chú ý. Xin đề nghị vài góp ý để phần nào tiếp cận quan điểm nền tảng này :

Ta chỉ biết được sự vật qua những ý niệm mà sự vật ấy gọi lên trong tâm của ta. Thấy cái bàn, ta có ý niệm cái bàn. Mỗi người có ý niệm cái bàn khác nhau, mỗi người “thấy” những khía cạnh, những đặc điểm khác nhau, dù có nhiều chỗ tương đồng. Chính nhờ những tương đồng ấy mà chúng ta thoả thuận gọi cái ấy là cái bàn.



Như vậy, điều quan trọng đối với ta là những ý niệm về sự vật, chứ sự vật thật sự, có quá nhiều khía cạnh ta không thể nắm hết nổi. Ý niệm ấy có được là nhờ ta có TÂM. Vương Thủ Nhân bảo nếu không có Tâm của ta thì ngay cả Trời đất, cũng nào ai biết đến? Tuy thế Tâm không thể hoạt động khơi khơi mà phải có Vật ảnh hưởng vào thì ý niệm mới phát sinh được. Như vậy, ngoại giới, tức Vật, ảnh hưởng vào nội giới, tức Tâm, và nội giới cũng quy định, sắp xếp những cảm nhận tiếp thu được từ ngoại giới, theo những mô hình sẵn có, để làm thành ý niệm. Ý niệm hình thành không phải do vật, cũng không phải do Tâm mà do cả hai.

Nói cách khác, vẫn với thí dụ cái bàn, ta có thể phân

ra: Cái bàn “vật lý” có thể được miêu tả bởi những tiêu chuẩn như khối lượng, kích thước, màu sắc . . vv. .Và cái bàn “tâm lý” không thể mô tả được theo cái “lý” của vật mà phải được “nhìn” với cái “lý” của tâm, tức là những tiên nghiệm, định kiến, những xúc động, kỷ niệm, mộng mơ, tư tưởng mà cái bàn ấy có thể gọi lên trong Tâm ta.

Thuyết Tâm Vật hợp nhứt cho rằng không có cái bàn vật lý, cũng không có cái bàn tâm lý tách rời khỏi thế giới hiện thực, mà chỉ có cái bàn vừa vật lý vừa tâm lý, qua đó “lý” của cả vật lẫn tâm hoà hợp trong ý niệm “cái bàn”

Quan điểm này tiềm tàng trong nhiều kinh sách, xưa nhất có lẽ là Hồng Phạm Cửu Trù, đoạn nói về ngũ hành và ngũ sự.

Rất gần với đề tài Tâm Vật hợp nhứt, là vấn đề về Tinh Thần và Vật Chất trong phạm vi một cá nhân:

Thật vậy, trong mỗi con người có phần tinh thần và phần vật chất. Hai phần đó phải kết hợp lại mới ra con người. Bỏ bớt một thì hết là con người. Thậm chí hoạt động của một trong hai phần này mà kém sút thì hoạt động của toàn thể con người cũng kém đi. Thí dụ khi đau yếu mệt mỏi đói khát... thì tinh thần cũng suy kém, ý thức thành ra mơ hồ, tư tưởng có thể trở nên lộn xộn. Ngược lại, khi tinh thần bạc nhược, thân thể cũng bại hoại, tinh thần có bệnh lâu dần cơ thể cũng sanh bệnh, điều mà y khoa hiện đại ngày càng ngày càng nhận thức rõ

Ý thức được điều này, người ta buộc phải có một cái nhìn toàn diện mỗi khi bàn đến những gì liên quan đến con người.

Thiên Nhân hiệp Nhất

Là điều thứ hai cần nắm vững khi bàn đến Nho Giáo. “Thiên” có thể được hiểu theo nhiều cách. Sau đây là hai cách chính:

“Thiên” tức Trời, là Đấng Tối Cao, Vị Thần trên hết các vị Thần. Ở thời thái cổ, người ta nhận thấy dân nhà Thương hay dùng chữ Thượng Đế, còn dân nhà Chu lại hay dùng chữ Thiên, sau mới pha lẫn coi Thiên như Thượng Đế. Cần nhận rõ: cách hiểu này gán cho Trời một nhân cách chủ quan

“Thiên” cũng có thể chỉ nguyên lý điều hành Vũ Trụ vạn vật. Ở đây Trời không có nhân cách mà chỉ là một động lực khách quan.

Nhà Nho nghiêng về lối nhìn thứ hai, tuy đôi lúc vẫn thích gọi Trời là Cha, Đất là Mẹ, cho bớt vẻ trừu tượng. Thật ra ra khi gọi Trời là Cha Đất là Mẹ, Nho Gia diễn dịch một tư tưởng cổ xưa cho rằng nguyên lý tự nhiên điều hành Vũ Trụ Vạn Vật cũng là cái đã SINH RA Vũ Trụ Vạn Vật. Ngoài ra họ cũng phát biểu niềm tin rằng thế lực tự nhiên ấy TỐT cho muôn vật nói chung và cho con người nói riêng, như hình ảnh cha mẹ bao bọc nuôi dạy con thơ, với cái lý duy nhất là làm sao cho con cái triển nở tốt đẹp. Một điều khác cần nói rõ là, theo Nho Gia, nguyên lý tự nhiên điều hành vạn vật cũng tiềm tàng trong vạn vật và đương nhiên là hiện hữu trong con người. Vạn vật chỉ là những hình thức phát biểu khác nhau của nguyên lý ấy. Nguyên lý ấy là BẢN THỂ của vạn vật. Nếu ta tạm gọi Bản Thể này là THIÊN TÍNH, thì ta có thể nói như sau:

Vì có Thiên Tính tức Tính Trời nên con người hoà hợp được với Trời tức hoà hợp được với thế lực tự nhiên điều hành vũ trụ vạn vật. Vì cùng mang Thiên Tính như vạn vật, nên con người cũng hoà hợp được với vũ trụ vạn vật, ví như anh em có cùng cha mẹ là Trời Đất. Hoà hợp với Trời và hoà hợp với Vạn Vật, nghĩ cho cùng thì cũng chỉ là một việc, suy từ sự chấp nhận có Thiên Tính trong con người cũng như trong vạn vật.

Ở đoạn trước ta đã nói Tâm Vật hợp nhất là hoà hợp nội giới với ngoại cảnh. Ý tưởng này càng rõ hơn với thuyết Thiên Nhân hợp nhất, con người, tức nội giới, hoà hợp với Trời đất Vũ Trụ Vạn Vật, tức ngoại cảnh. Ta có thể nói Thiên Nhân hợp nhất khai triển và biện minh cho Tâm Vật hợp nhất.

Tri Hành Hợp Nhất

Là điều có thể gây nhiều thắc mắc nhất trong các lý thuyết của Nho Giáo:

Thường nhà Nho dựa vào một câu trong Đại Học mà cắt nghĩa Tri Hành Hợp Nhất đại ý như sau:

Thấy cái đẹp liền ham, ngửi mùi thối liền ghét, thấy cái đẹp và ham cái đẹp là một, cũng như ngửi mùi thối và xa ghét cái thối. Nếu thấy cái đẹp mà không ham thích thì tại không biết cái ấy đẹp, gặp mùi thối mà không xa ghét thì tại chưa nhận ra mùi ấy thối, chứ nếu nhận ra cái đẹp hay mùi thối thì sự ham ghét đương nhiên gắn liền với cảm nhận không thể phân ra được. Mặc dầu những lời giải thích kiểu này, nhiều người vẫn không chấp nhận được một cách thành thật ý tưởng Tri Hành hợp nhất. Chúng ta có thể lấy câu của Vương Dương Minh: “*Biết mà không làm là không biết đến nơi đến chốn*”, để tự xét thấy nhiều khi mình biết rành rẽ chuyện gì tốt, chuyện gì phải làm, nhưng vì trăm ngàn lý do vẫn không chịu làm chuyện ấy. Ngược lại, biết rõ chuyện xấu, chuyện không nên làm, nhưng cũng vì trăm ngàn lý do vẫn cứ làm nó. Trong những trường hợp này ý tưởng “biết dễ làm khó” (tri dị hành nan) có vẻ đúng hơn là “biết, làm, là một” (tri hành hợp nhất).

Ngược lại, cũng có người cho là làm dễ, biết mới khó. Xin thuật vắn tắt câu chuyện một anh cán bộ của ông Phan Xích Long Hoàng Đế. Ông Phan khởi nghĩa chống thực dân Pháp và mưu đánh Khâm Lớn Sài Gòn. Một người cán bộ của ông

được lệnh đến đó đặt trái nổ. Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, ông Phan và một số nghĩa quân được “mời” ra Toà. Toà hỏi anh cán bộ: “*Trái phá anh đặt có nổ chăng?*” Ông Phan trả lời thay: “*Tôi dạy nó phải đốt ngòi nổ. Nó sợ đốt cháy ngòi, lính canh sẽ nhìn thấy, nên lạng lẽ đặt trái phá rồi bỏ chạy, nếu quan Toà muốn biết có nổ hay không, thì xin cứ đốt thử !*” Thì ra anh cán bộ có gan đi đặt chất nổ nhưng không nghĩ được là cần phải đốt ngòi. Làm thì dễ, mà biết mới khó là vậy (tri nan hành dị). Giữa “biết dễ làm khó”, và “biết khó, làm dễ” làm sao biện minh được cho “biết, làm, là một?. Xin đề nghị vài suy nghĩ.

Ở trình độ của một “*phàm phu tục tử*” thì đương nhiên là Tri Hành không hợp nhất. Mình kiêu căng tự cho là biết tới nơi tới chốn, chứ thật ra cái biết của mình vẫn chỉ là phiến diện mà thôi chứ đã ăn thua gì đâu. Muốn cho biết với làm là một thì phải đi xa hơn cái biết thông thường mà soi thấu đến chỗ căn bản nhất của sự vật, đến bản thể của chúng. Nói cách khác là phải thấy được Thiên Tính trong mọi vật, như đã nói ở đoạn trước. Ở trình độ này, biết là làm, không còn trở ngại. Cái Trí cực cao này gần với cái mà Vương Thủ Nhân gọi là Trí Lương Tri. Khi dùng chữ này thầy Vương nâng cao ý tưởng “Trí tri” của Đại Học lên đến trình độ đạt đạo, giác ngộ.

Thật ra lập luận ấy mang không ít ảnh hưởng Phật Giáo. Thầy Vương Thủ Nhân cũng có một thời tu Thiền, không phải ngẫu nhiên vậy. Nếu Thiên Nhân hợp nhất khai triển và biện minh cho Tâm Vật hợp nhất như đã nói, thì Tri Hành hợp nhất, hiểu theo ý nghĩa phải thấu suốt Thiên Tính trong mọi sự vật, chính là điều kiện của Thiên Nhân hợp nhất và của Tâm vật hợp nhất. Không thấu được Thiên Tính trong chính mình tức trong con người, và trong vạn vật, thì không thể Tri Hành hợp nhất đã đành, mà cũng khó hoà hợp được

với Trời đất vạn vật, tức khó quan niệm được Thiên Nhân hợp nhất, đồng thời khó hoà hợp nội giới và ngoại cảnh, tức khó mà chứng nổi Tâm Vật hợp nhất.

ĐẠO NHÂN

Những cái “hợp nhất” vừa được trình bày chung quy cũng chỉ để xác định tư thế của con người đối với Trời Đất Vũ Trụ Vạn Vật. Khi đã thành thật chứng nghiệm được tư thế ấy, tự trong thâm tâm chứ không phải chỉ trên đầu môi chót lưỡi hay qua luận giải thông thái trên giấy tờ, thì con người không còn có thể nghi ngờ gì nữa đối với công việc mình phải làm, đối với bổn phận của mình trong Trời Đất. Tri hành hợp nhất mà ! Tổng hợp bổn phận của con người trong Trời Đất được Nho Gia gọi là Đạo Nhân.

Đầu tiên, NHÂN là đạo xử thế giữa người với người. Chiết tự chữ Nhân gồm bộ Nhân đứng và chữ Nhị để chỉ số nhiều. Với ý nghĩa đó, nhà Nho đặt ra nhiều phạm vi “chuyên môn” cho đạo Nhân, thí dụ Nghĩa là Nhân trong sự ghét điều quấy ưa điều phải, Lễ là Nhân trong sự nhường nhịn, Trí là Nhân của sự sáng suốt phân biệt tốt xấu, hay dở, Tín là Nhân trong sự giao kết thành thật không xảo trá v.v...

Kinh sách cũng đề nghị những giai đoạn, những phương cách để con người có thể phát huy được đạo Nhân: Phát huy đạo Nhân nơi mình, gọi là Tu Thân, trong gia đình mình gọi là Tề Gia, trong nước mình gọi là Trị Quốc, và sau cùng là đem Đạo Nhân đến khắp mọi nơi, gọi là Bình Thiên Hạ

Rốt ráo thì Đạo Nhân được nói rộng ra tới Vũ Trụ Vạn Vật. Vì Vạn Vật với ta cùng một thể (Vạn Vật dữ ngã nhất thể già - Trình Minh Đạo) nên Nhân cũng là bảo bọc, từ ái, với muôn vật, với thiên nhiên, hoà hợp nhu cầu sống của mình

với nhu cầu sống của thiên nhiên, không vì dục vọng của mình mà tàn phá sát hại thiên nhiên.

VẤN ĐỀ NHÂN CHỦ

Sách Trung Dung nói:

“Thiên Mệnh chi vị Tính; suất Tính chi vị Đạo; tu Đạo chi vị Giáo”.

Nghĩa là:

Cái lý tự nhiên trong Vũ Trụ đem đề vào con người thì gọi là cái Tính. Theo đúng Tính ấy mà sống thì gọi là Đạo.

Chăm lo tu sửa cho mọi việc luôn được đúng với Đạo thì gọi là Giáo (theo Phan Bội Châu - chữ Giáo ở đây bao gồm cả chính trị lẫn giáo dục).

Theo câu này ta có thể nói: sống thuận đạo Nhân là sống thuận với tính người, và đồng thời cũng là sống thuận Mệnh Trời. Ta gặp lại Thiên Nhân hợp nhất...

Câu của sách Trung Dung vừa trích dẫn cũng hàm chứa một ý tưởng quan trọng là: con người có thể làm chủ việc thực thi Thiên Mệnh. Thật vậy, Thiên Mệnh gửi nơi con người gọi là Tính, nhưng con người có thể quyết định sống thuận theo Tính ấy hay không, tức là làm chủ sự “suất Tính” và việc “tu Đạo”.

Quan niệm Nhân Chủ gần đây thường được nói tới. Ta cần đề ý hiểu Nhân Chủ theo ý nghĩa vừa trình bày, chứ không nên nghĩ Nhân Chủ là con người làm chủ Thiên Nhiên, thống trị vạn vật.

CHÍNH DANH

Tuy nói rằng ta với mọi người mọi vật đều cùng một Thể (Dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã - Trương Tái) nhưng nhà Nho cũng ý thức cái “Thể” ấy khi phát sinh ra trong

cuộc sống thì lại mỗi người, mỗi vật một khác, thiên hình vạn trạng. Vì thế, ta không thể đối xử với mọi người, mọi vật, như nhau (như trong thuyết kiêm ái) mà phải áp dụng Đạo Nhân một cách thích nghi với từng trường hợp:

Thích nghi với địa vị của người thi hành Đạo Nhân, đưa đến phân biệt Đạo làm vua, Đạo làm dân, Đạo làm cha, làm con, đạo của nhà giáo dục, của kẻ đắc thời, người thất thế, kẻ giàu có, người nghèo khổ, kẻ khoẻ mạnh, người đau yếu tật nguyền v.v...

Thích nghi với đối tượng của Đạo Nhân, như Nhân với cha mẹ, gọi là Hiếu, có chỗ khác với Nhân với anh em gọi là Đễ, Nhân với người trưởng thượng thì thiên về tôn kính, Nhân với người nhỏ hơn mình thì lại nặng phần từ ái v.v...

Ngoài ra, người Nhân còn phải cư xử với những phần tử tệ hại, xấu xa. Đức Nhân lúc ấy đương nhiên là cũng phải thích nghi để đôi khi trở thành nghiêm khắc.

Làm cho Nhân được thích nghi với từng địa vị, từng đối tượng, đó là chủ đích của thuyết CHÍNH DANH trong Nho học.

DỊCH LÝ

Ở trên đã nói nhiều tới việc sống hợp với định luật tự nhiên trong Trời Đất. Nhưng định luật ấy dựa vào đâu mà tìm ra được ? Có thể nói : dựa vào quan sát, cảm nghiệm thiên nhiên, hòa với xét suy, luận giải.

Một trong những lý thuyết có thể giúp ích được trong công cuộc tìm kiếm này là Dịch Lý.

Vì có quá nhiều hiện tượng trong trời đất, mỗi hiện tượng lại biến hoá không ngừng (Dịch đã biến đã), nên việc nghiên cứu chúng cho rành rẽ, vô cùng phức tạp, muôn ngàn thể hệ chưa

chắc đã xong được một phần nhỏ. Vì thế, người xưa mới nghĩ ra Dịch Lý như một sự đơn giản hóa, với những cái “khung” để đặt vào đó những chuyện có cùng chung một số tính chất nhất định, để giảm thiểu số đối tượng cần được xem xét.

Đầu tiên, người ta chỉ đặt ra hai “khung” lớn, đó là ÂM và DƯƠNG. Âm được tượng trưng bằng một gạch đứt - - và Dương, một gạch liền -

Rồi người ta chia Âm Dương thành Tứ Tượng, mỗi “tượng” có hai gạch gọi là “hào” chồng lên nhau: thái dương hai gạch liền, thái âm hai gạch đứt, thiếu âm với thiếu dương một gạch liền với một gạch đứt.

Khi xếp 3 hào lên nhau thành một “quẻ” thì người ta có 8 quẻ gọi là Bát Quái. Rồi xếp 6 hào vào chung trong một loại quẻ khác (hay sắp hai quẻ ba hào của bát quái chồng lên nhau) thì có 64 quẻ của kinh Chu Dịch.

Rồi cứ như thế, người ta lý luận trên những biểu tượng thay vì trên thực tế, và từ thế hệ này sang thế hệ khác nghiên ngẫm những biến hoá của các hào, các quẻ, tượng trưng cho mọi việc trong trời đất. Những suy nghĩ trải dài trong thời gian ấy, được ghi lại trong Kinh Dịch.

Sách Hệ Từ, thuộc Dịch Kinh, nói:

“Phù Dịch, Thánh Nhân chi sở dĩ cực thâm nhi nghiên cơ dã”.

Ý nói Đạo Dịch là kết quả của việc Thánh Nhân tìm đến chỗ cực sâu mà nghiên cứu động cơ tinh vi của mọi việc. “Cơ” là cơ chế của sự biến hoá trong vũ trụ. Biết được “cơ” thì cũng chọn được THỜI thuận tiện cho một công việc nhất định, hay ngược lại, trong một thời điểm nhất định, chọn được công việc thích nghi nhất đối với thời điểm ấy. Đến đây ta gặp lại

đạo Nhân với thêm một yếu tố, đó là yếu tố THỜI GIAN.

Thật vậy, nếu Đạo Nhân cho ta biết việc ta phải làm, thuyết chính danh nhắc ta phải thích nghi công việc ấy với địa vị của ta và với từng đối tượng, thì đây, Dịch Lý cho ta biết lúc nào là lúc thuận tiện nhất để làm một công việc.

TRUNG DUNG

Trung dung là cái thẳng để tránh sự quá khích, và là địa bàn giúp người tu Nhân sửa chữa những sai lầm của mình.

Thật vậy, chân lý luôn nằm trong sự dung hoà những đối nghịch, nhờ hiểu thấu thực chất của những đối nghịch ấy. Sự sai lạc thường do nghiêng về bên này hay bên kia thái quá làm cho mất quân bình, lỗi Trung Dung. Trở về với Trung Dung là trở về với Đạo, là noi theo lẽ tự nhiên của Trời Đất, tức “suất tính”, tức thuận Thiên mệnh, như câu “Thiên Mệnh chi vị Tính, suất Tính chi vị Đạo” đã được trích dẫn ở trên.

Người sống đạo Nhân, nắm lấy “chính danh”, để thích nghi với VIỆC, tìm về Dịch Lý để thích nghi với THỜI, nhưng vẫn luôn giữ TRUNG DUNG để không mất cái cội rễ, cái cuống rốn nối liền mình với Đạo, với Tính, với Thiên Mệnh, với cái nguyên lý cấu thành vạn vật.

NHẤT QUÁN

Đa số những lý thuyết vừa được trình bày, nào Trung Dung Dịch Lý, cũng như các tư tưởng Thiên Nhân, Tâm Vật, Tri Hành hợp nhất, chẳng qua đều chỉ là những cách phát biểu đặc biệt của nguyên lý ÂM DƯƠNG, tức định luật hoà hợp những đối nghịch. Làm sao những đối nghịch có thể hoà hợp được với nhau? Là vì chúng đều có chung một bản thể, tuy Bản Thể ấy, khi thị hiện ra, thì có muôn ngàn khác biệt, mang thiên hình vạn trạng. Nếu Âm Dương biểu tượng cho sự Iối

Nghịch thì cái gì biểu tượng cho sự đồng nhất giữa muôn vật?

Đó là nguồn của ÂM DƯƠNG, có khi gọi là Đạo.

Đạo hay Thiên Tính hay Thiên Mệnh v.v... đều là những khái niệm gắn với nhau. Sở dĩ có nhiều cách nói để diễn tả Đạo là vì không có cách nào đúng cả. Đạo là cái không thể nói ra được (Đạo bất khả ngôn dã - Vương Dương Minh).

Xin thuật lại một đoạn của sách Luận Ngữ: “Đức Khổng Tử nói với Tăng Tử (tên thầy là Sâm): Anh Sâm à, Đạo của ta chỉ cần một điều thôi là đủ bao quát hết. Tăng Tử trả lời:

Dạ ...!”

(Tử viết: Sâm hồ, ngô đạo nhất dĩ quán chi. Tăng Tử viết: Dụ!) Ta nhận thấy Tăng Tử không cần hỏi lại coi cái bao quát hết Đạo của thầy mình là cái gì? Chỉ dạ Đức Khổng, sau khi thầy Tăng trả lời dạ, cũng bỏ đi ra, không cần giảng giải cái nhất quán ấy như thế nào!

Nhu cầu giảm bớt tiêu chuẩn

Đến đây, có lẽ bạn đọc cũng đồng ý với người viết là Đạo Nho như vừa được trình bày quả là cực cao, cực khó. Nghiệm được Thiên Tính, đạt được Đạo, hoà hợp được với Trời, với Vạn Vật v.v... đều là những chuyện dành cho bậc Thánh. Đám “ăn tục nói phét” chúng ta chỉ bàn chơi cho vui thôi chứ nào dám dự vào trong muôn một?

Có lẽ người xưa cũng đã nghĩ tới điều ấy. Vì thế họ buộc phải “giảm tiêu chuẩn”, bằng cách bày ra những lý tưởng thấp hơn cái mẫu mực dành cho Thánh Nhân kia, để người thường dễ noi theo. Thí dụ họ đặt ra một mẫu người ở giữa phàm phu và bậc Thánh, gọi là Quân

Tử, với những đức tính như hoà nhi bất đồng, căng nhi bất tranh, quân nhi bất đảng, thái nhi bất kiêu, cư vô cầu an, thực vô cầu báo (ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no - Nguyễn Công Trứ) v.v...

Nhiều khi lý tưởng quân tử cũng vẫn còn cao quá, cần bớt thêm chút nữa. Xin kể một đoạn đối thoại giữa Đức Không và Thầy Tử Lộ:

“Thầy Tử Lộ hỏi làm sao cho nên người? Đức Không trả lời: phải có trí khôn như Tang Võ Trọng, phải có lòng đạo đức, dẹp dục vọng như Công Xước, phải hùng dũng can đảm như Biện Trang Tử, phải có tài nghệ khéo léo về ngành nghề chuyên môn như Nhiệm Cầu, rồi lại phải thông thạo văn chương lễ nhạc, đủ hết tất cả những thứ ấy mới gọi được là nên người.

Thầy Tử Lộ nghe qua phát ngán, mới trả lời Thầy mình như sau: “Ở thời đại bây giờ muốn nên người cần gì phải lười thôi dữ vậy! Thấy chuyện có lợi thì nghĩ ngay tới nghĩa, trái nghĩa thì không làm, thấy việc nguy hiểm mà khi cần thiết vẫn dám nhào vô, đã nói điều chi thì giữ lấy lời, không thất hứa với anh em, đại khái vậy cũng có thể nên người được rồi”. (Tử Lộ vấn thành nhân. Tử viết: Nhược Tang Vũ Trọng chi trí, Công Xước chi bất dục, Biện Trang Tử chi Dũng, Nhiệm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ nhạc, diệc khả dĩ vi thành Nhân hỹ. Tử Lộ viết: Kim chi thành nhân dã, hà tất nhiên ! Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cử yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hỹ)

KẾT

LẬP TÂM là bước đầu để vào Nho Giáo như lời Tống Nho Trương Hoàn Cừ: “Vị thiên địa lập Tâm”. Lập Tâm rất ráo thì đạt đến một quan niệm về Tâm bao trùm cả vũ trụ, trong đó Tâm và Vật, nội giới với ngoại cảnh, người

và thiên nhiên, không còn cách trở, cảm thông hoà hợp. Ích lợi của quan điểm này, ngay khi nó vừa hé lộ trong Tâm, là thay vì tự nghĩ mình như một “khối vật chất” tạm thời biết suy tư trong khi chờ đợi rửa nát, người ta có thể quan niệm rằng nếu Trời đất còn mãi thì ta cũng mãi còn với Vũ Trụ Vạn Vật. Khi ấy, sống thuận với cái lẽ Trời, mà mình chân thành cảm nhận, trở nên một lý tưởng. Người ta lấy đó làm thú vui trong mỗi giây lát của hiện tại, để rồi, vào phút lâm chung, bình thản gửi mình cho Trời Đất. Đó là chương trình sống của Nho Gia.

Đồng thời, khi đã Lập Tâm, thì người ta cũng ý thức ngay đến trách nhiệm (sứ mạng), không những với tha nhân, như ý nghĩa câu Vị nhân sinh lập mạng cũng của Trương Hoành Cừ, mà cả với toàn thể thiên nhiên, với mọi sự vật quanh mình. Lập mạng, là làm điều Nhân quanh mình một cách an lạc tự tại, là sẵn sàng gánh vác việc thiên hạ, dù việc nhỏ, việc lớn, khó hay dễ, thành công hay thất bại, vẫn chỉ lấy TẬN TÂM làm tiêu chuẩn. Từ Lập Tâm đến Tận Tâm, có lẽ là một tóm lược khá đầy đủ của lý tưởng nhà Nho vậy

Nguyễn Hoài Vân

(Nguồn: <http://www.diendantheky.net/2013/09/nguyen-hoai-van-nho-giao.html>)

Suy nghĩ về một chính sách giáo dục mới: Giáo dục nhị thể (Dual education)

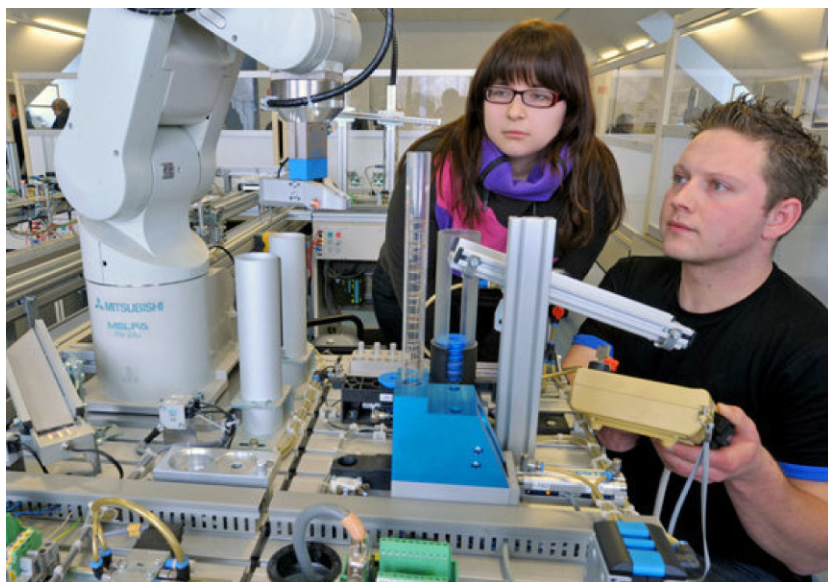
Some thoughts on a new strategy for education: Dual education



***Summary:** Dual education is something new to Vietnam. It worked perfectly in Germany. This country has solved the problem of unemployment for students after their graduation and even during their summer time very well compared to the U.S. and other countries which followed the tradition of “book-based education”. The countries which pay too much attention to academic education and theoretical studies would have problems in employment for students after their graduation. In Germany, they followed the model of “study and practice”, or “dual education”. Therefore, the newly graduated students failing to get jobs accounted for only about 8% annually. During the time of unification, the unemployment rate was around 50% for youth, but when they entered the era of stability, it fell to 8%. That was the achievement of what is called “dual education” (study and practice simultaneously). There have been 3 nations which*

have attained success based on “dual education” in the E.U: Germany, Austria, and Switzerland.

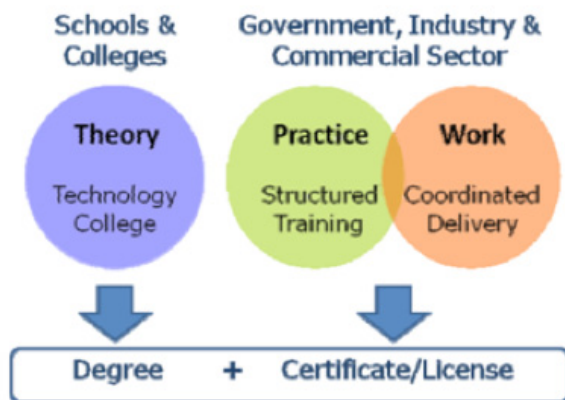
Efforts have been made right in the elementary, secondary and later higher education to provide students with apprenticeships along with with academic studies. The results have been good as the statistics showed. In VN, under the Republic of Vietnam, the Cao Thang School followed this model of education and got good results, as they did apprenticeships at such firms as Ba Son, Caric (a ship builder) and other places. After finishing their programs at Cao Thang School, they could be accepted into the Phu Tho National Centre for Technology in Phu Tho, near Saigon (engineering degrees of various branches).



Trong giai đoạn kinh tế toàn cầu đang suy trầm hiện tại, vấn đề giải quyết lao động và công ăn việc làm một vấn đề cốt lõi cho việc phát triển quốc gia, đặc biệt đối với số

lượng đông đảo của các tân khoa tốt nghiệp hằng năm. Đây là một thách thức lớn và hướng giải quyết của từng quốc gia sẽ định mức lại sức tăng trưởng xã hội của quốc gia đó. Hiện tại Hoa Kỳ vẫn lúng túng trong việc sắp xếp “việc làm” cho những sinh viên tốt nghiệp hằng năm. Và ***năm 2016 số tân khoa ra trường không kiếm được việc làm đã quá ngưỡng cửa 35%.***

Ở các quốc gia Âu Châu tình trạng càng tệ hại hơn nữa. Năm 2012 tình trạng không có việc làm của sinh viên tốt nghiệp là 56% ở Tây Ban Nha và 38% ở Ý. Mùa Hè năm 2016 này đã là một vấn nạn lớn cho các quốc gia trên vì sẽ có thêm một số lượng lớn sinh viên ra trường cần phải có việc làm.



Riêng tại Đức tỷ lệ sinh viên mới ra trường không tìm được việc làm chỉ giao động trên dưới 8% hằng năm.

Câu hỏi được đặt ra là vì sao Tây Đức phải cưu mang người anh em nghèo là Đông Đức với tỷ lệ thất nghiệp khi thống nhất hai nước Đức trên dưới 50%, mà hiện nay

nước Đức thống nhất lại ổn định mức lao động xã hội và phát triển trong chiều hướng ứng hợp với toàn cầu hoá?

Có thể trả lời ngay là nhờ *chính sách giáo dục Đức đặt nền tảng trên hai khía cạnh học và hành*, và cũng có thể nói đây là một chính sách giáo dục quốc gia mới trên thế giới. Đó là chính sách *“Dual education”, xin tạm dịch là “Giáo dục nhị thể”*. Nước Đức đã áp dụng chính sách này từ năm 1969 cho đến hôm nay.

Chính sách Giáo dục nhị thể

Trong một cuộc họp gần đây, Ursula Von Der Leyen, Bộ trưởng Lao động Đức công bố trước các thành viên của Liên hiệp Âu Châu (European Union) về tình trạng thất nghiệp ở xứ này, đặc biệt đối với giới trẻ là nhờ hệ thống giáo dục nhị thể. Có ba quốc gia Âu Châu thành công trong chính sách này là *Đức, Áo và Thụy Sĩ*.

Đây là một chính sách truyền thống phối hợp giữa *giáo dục cổ điển (trường lớp Tiểu học-Trung học-Đại học) và tập sự học nghề (apprenticeships)*. Việc phối hợp trên làm cho học viên vừa đi làm vừa hoàn tất học trình của mình. Do đó phần lớn sinh viên đều có việc làm ngay sau khi ra trường.

Dĩ nhiên chu kỳ học tập cho hệ thống này dài hơn lẽ lối học tập cổ điển, vì sinh viên phải tạm nghỉ học lý thuyết một thời gian để đi tập sự trong khi vừa học được kinh nghiệm chuyên môn và giải quyết được tình trạng tài chánh trong thời gian học.

Chính sách này cũng có thể được xem như việc thiết lập các *hệ thống giáo dục hướng nghiệp (vocational education) tại Hoa Kỳ*. Chính nhờ vậy mà nước Đức vượt qua được suy

thoái toàn cầu từ năm 2007 và có thêm khả năng giúp các quốc gia khác trong Liên hiệp Âu Châu như Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ý, Tây Ban Nha, vv...

Các học sinh ở Đức sau khi tốt nghiệp trung học nếu không muốn vào hoặc không được vào đại học có thể tham gia chương trình giáo dục này; họ ***có thể đi làm 3 hoặc 4 ngày trong một hãng xưởng để được huấn nghiệp chuyên môn và được trả lương đầy đủ***. Những ngày còn lại trong tuần họ phải đi học những lớp quy định trong chương trình giáo dục do sự tổ chức và điều hành của Phòng Thương Mại và các Hội Đoàn Kỹ Nghệ. Sau 3 niên học (không có nghỉ hè), học viên được cấp chứng chỉ và hầu hết đều được tiếp tục làm việc tại nhiệm sở mà họ đã thực tập trong những năm qua. Họ đã chính thức là nhân viên của hãng.

Đối với tuổi trẻ Đức, họ rất mến chuộng hệ thống giáo dục này, có 2 trên 3 học sinh tốt nghiệp trung học chọn lẽ lối trên và họ đóng góp không nhỏ vào khoảng 350 ngành nghề đang hoạt động tại Đức, từ công việc của người thợ chuyên môn hoặc trong những dịch vụ thương mại, từ kế toán qua dược khoa, y khoa và nông nghiệp, v.v...

Chính sự thành công của chính sách này khiến cho nước Đức có một lực lượng chuyên môn có tay nghề cao, cung ứng và điều hòa được mức thất nghiệp thấp cùng duy trì sức phát triển đều đặn của quốc gia. Thêm một điểm son của chính sách giáo dục trên là nhân viên sau một thời gian làm việc có thể được tiếp tục học thêm để có những nhiệm vụ và địa vị cao hơn.

Nhìn lại Việt Nam

Với chính sách chuyên chính vô sản hiện tại, có thể nói

chính sách giáo dục Việt Nam hoàn toàn đi đến bế tắc. Số trường đại học, cao đẳng tăng gấp vài chục lần so với miền Nam trước đây. Nhưng đó chỉ là số lượng, thật sự về **phẩm chất, chương trình và đạo đức giáo dục bằng hoại làm cho tuổi trẻ Việt Nam ngày nay không còn định hướng về quốc gia và dân tộc.**

Từ đó, đưa đến sự thờ ơ đối với công việc phát triển quốc gia. Phần lớn chạy theo việc làm giàu dù lương thiện hay bất chính, sống không biết ngày mai, sống thâu đêm suốt sáng bên cạnh những thú tiêu khiển truy lạc sa đọa. Một số khác không có điều kiện thì sống vất vưởng bên lề xã hội. Những người cầm quyền hiện tại hoặc vì **bận lo bảo vệ quyền lực và quyền lợi**, vì vậy đất nước ngày càng đi xuống.

Câu chuyện “hàng ngày ở Huyện” xảy ra trong suốt 41 năm qua trong mỗi kỳ thi tốt nghiệp trung học vào tháng 6 hằng năm. CS Bắc Việt không thể bung bít được những hình ảnh tiêu cực xảy ra từ Bắc chí Nam như: đánh bùa (phao) trao đổi với giám thị; giáo sư chỉ bài cho thí sinh trước khi thi và trong ngày thi. Việc buôn bán bài giải là một dịch vụ béo bở cho một số người. Từ đó, nhìn lại **chính sách giáo dục miền Nam trước kia là một chính sách quốc gia đặt căn bản Dân tộc-Nhân bản-Khoa học-Khai phóng làm trọng tâm cho việc phát triển quốc gia.**

Và cũng có thể nói hệ thống giáo dục nhị thể nêu trên cũng đã manh nha ở giai đoạn của bậc trung học miền Nam thời bấy giờ. Vào năm 1958, một Đại Hội nghị giáo dục toàn quốc (miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào) đã nghiên cứu và chấp nhận 3 nguyên tắc căn bản định hướng cho nền giáo dục Việt Nam là **nhân bản, dân tộc, khai phóng.**

- a. Nền giáo dục Việt Nam phải là một nền giáo dục nhân bản, tôn trọng giá trị thiêng liêng của con người, **lấy chính con người làm cứu cánh**, và như vậy nhằm mục đích phát triển toàn diện con người;
- b. Nền giáo dục Việt Nam phải là một **nền giáo dục dân tộc, tôn trọng giá trị truyền thống**, mật thiết liên quan đến những cảnh huống sinh hoạt như gia đình, nghề nghiệp, đất nước và bảo đảm hữu hiệu cho sự sinh tồn và phát triển của quốc gia;
- c. Nền giáo dục Việt Nam phải có **tính cách khai phóng**, tôn trọng tinh thần khoa học, **phát huy tinh thần dân chủ xã hội, thấm thập tinh hoa các nền văn hóa thế giới**.

Đến năm 1970, trong thời điểm của Đệ nhị Cộng hòa, có thêm một nguyên tắc khác được đem vào làm chuẩn cho nền giáo dục miền Nam. Đó là lấy sự **tôn trọng tinh thần khoa học**, như các quốc gia tân tiến trên thế giới, làm nền tảng cho mọi sự tiến bộ giáo dục tại Việt Nam.

Từ đó, giáo dục miền Nam đã có những bước đi vững chắc trên nền tảng của **Nhân bản-Dân tộc-Khai phóng-Khoa học**. Đây chính là kim chỉ nam làm cho nền giáo dục miền Nam liên tục tiến bộ nâng cao phẩm chất giáo dục quốc gia, và tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên miền Nam trở thành những thành viên ưu tú của đất nước trong suốt thời kỳ 1958-1975. Một điểm cần ghi nhận nơi đây là sinh viên tốt nghiệp Tú tài II ở miền Nam đều được xem như bằng phổ thông tương đương mỗi khi đi du học sang các quốc gia Âu châu hay Hoa Kỳ, Úc, Tân Tây Lan v.v... Còn các sinh viên đã tốt nghiệp Đại học đều được ghi danh vào các lớp hậu đại học ở những nước kể trên.

Chúng ta còn nhớ trường *Trung học Kỹ thuật Cao Thắng*, được thành lập qua sắc lệnh của Tổng thống VNCH ngày 29/6/1956, tọa lạc tại đường Huỳnh Thúc Kháng, Sài Gòn, trong đó học sinh được học *ngoài chương trình phổ thông còn rất nhiều giờ dành cho việc học nghề: tiện, máy móc, hàn xì...* Và hằng năm học sinh được gửi đi thực tập ở xưởng Ba Son, hãng đóng tàu Caric, nhà máy đường Khánh Hội, và một số hãng dệt khác.



Cổng trường Cao Thắng chụp đầu năm 1974

Qua việc đào tạo trên, học sinh tốt nghiệp trung học nơi đây khi thi đậu vào *Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ* thường hội nhập và thu thập nhanh hơn các học sinh phổ thông. Họ là những kỹ sư giỏi của trường.

Vào cuối thập niên 1960, *trường Kiểu mẫu Thủ Đức cũng*

đã được thành lập dưới sự bảo trợ tài chính và kỹ thuật của USAID, Hoa Kỳ. Giảng viên phần lớn được huấn luyện ở Hoa Kỳ. Rất nhiều ngành nghề mới được giảng dạy và đào tạo nơi ngôi trường này.



Huy hiệu Kiểu Mẫu Thủ Đức

Việt Nam Cộng Hòa còn có thêm hệ thống giáo dục tổng hợp:

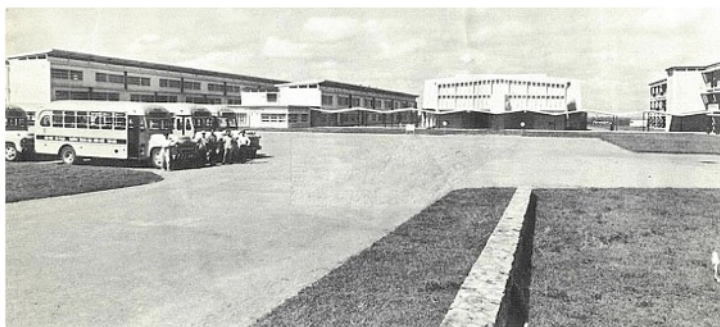
Trung học tổng hợp: Chương trình giáo dục trung học tổng hợp (comprehensive high school) là một chương trình giáo dục thực tiễn phát sinh từ quan niệm giáo dục của triết gia **John Dewey**, sau này được nhà giáo dục người Mỹ là **James B. Connant** hệ thống hóa và đem áp dụng cho các trường trung học Hoa Kỳ.

Trước đây, Việt Nam có ba trường trung học cùng mang tên Kiểu Mẫu. Cả ba trường đều trực thuộc Đại học Sư phạm tại địa phương chứ không do Ty Giáo dục quản lý như hầu hết các trường trung học khác. Kiểu Mẫu ở Huế khai giảng khoá đầu tiên năm 1964. Năm kế tiếp, 1965, Kiểu Mẫu ở Thủ Đức hình thành. Kiểu Mẫu ở Cần Thơ xuất hiện vào năm 1968.

Triết lý giáo dục của trường Trung học Kiểu Mẫu dựa trên 3 nguyên tắc và 4 phương thức. 3 nguyên tắc: nhân bản, dân tộc, khai phóng. 4 phương thức: toàn diện, thích nghi, thực dụng, tân tiến.

Đường lối giảng dạy mà Trung học Kiểu Mẫu chủ trương và áp dụng là chú trọng việc hướng dẫn từng cá nhân.

*Giáo dục trung học tổng hợp chú trọng đến khía cạnh thực tiễn và hướng nghiệp, đặt nặng vào các môn tư vấn, kinh tế gia đình, kinh doanh, công-kỹ nghệ, v.v... nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức thực tiễn, giúp họ có thể mưu sinh sau khi rời trường trung học. **Ở từng địa phương, phụ huynh học sinh và các nhà giáo có thể đề nghị những môn học đặc thù khả dĩ có thể đem ra ứng dụng ở nơi mình sinh sống.*** Dưới thời Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa chính phủ cho thử nghiệm chương trình trung học tổng hợp, nhập đệ nhất và đệ nhị cấp lại với nhau. Học trình này được áp dụng đầu tiên tại *Trường Trung học Kiểu mẫu Huế (1965), Thủ Đức và Cần Thơ (1968), sau đó mở rộng cho một số trường như Nguyễn An Ninh (cho nam sinh; 93 đường Trần Nhân Tông, Quận 10) và Sương Nguyệt Ánh (cho nữ sinh; góc đường Bà Hạt và Vĩnh Viễn, gần chùa Ấn Quang) ở Sài Gòn, và Chương Bình Lễ ở Long Xuyên. (trích trên mạng điện tử).*



TRƯỜNG TRUNG HỌC KIỂU MẪU THỦ-ĐỨC

Trường Trung học Kiểu Mẫu Thủ Đức tọa lạc trên một quả đồi thuộc xã Linh Xuân Thôn, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, trường Đại học Sư phạm Sài Gòn và Trung học Kiểu Mẫu

Thủ Đức được xây dựng trong khuôn viên 5.107m² theo đồ án cũng của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ. Trường Trung học Kiểu Mẫu Thủ Đức được thành lập theo nghị định 840GP/PC/NĐ, khai giảng niên khóa đầu tiên vào ngày 11-10-1965 với 8 lớp (cũng gồm 4 lớp đệ thất và 4 lớp đệ lục), 280 học sinh, do nhà giáo Dương Thiệu Tống làm Hiệu trưởng.

Đây là một đóng góp không nhỏ vào việc phát triển quốc gia. Chính vì vậy lợi tức trên mỗi đầu người của miền Nam năm 1960 là \$223 Mỹ kim/người, so với Nam Hàn là \$55, Thái Lan \$101, Trung Cộng \$92, Ấn Độ \$84, và CS Bắc Việt \$73.

Hiện nay, Thái Lan có tổng sản lượng nội địa (GDP) cao gấp 4 lần Việt Nam (sau 41 năm theo xã hội chủ nghĩa), Trung Cộng gấp 5 lần, Ấn Độ gấp 6 lần. Riêng Nam Hàn tăng trưởng nhanh và qua mặt hơn Việt Nam 15 lần.

*Từ những con số vô tình trên, chúng ta có thể kết luận là CS Bắc Việt đã đưa đất nước vào tận cùng của sự nghèo đói, ngoài sự thành công “vĩ đại” của họ trong quản lý kinh tế là đem lại hằng tỷ tỷ đô la cho **những nhóm “lợi ích kinh tế”** mà **những người lãnh đạo chốt bu của đảng chính là những chủ nhân ông của các tài sản kếch xù trên.***

Trương lai Việt Nam đi về đâu?

Câu hỏi trên xin dành cho tuổi trẻ Việt Nam, những người sẽ mang lại lá cờ hồng tự do, dân chủ cho Đất và Nước.

Mai Thanh Truyết

Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam

*Vietnamese American Science & Technology Society
(VASTS)*

Tháng 12, 2016



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr.,
San Jose , CA 95121-1716.

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

1*- QS Nguyễn Ngọc Dũ, ĐT: (408) 238-6547
Email: dutani@comcast.net

2*- HT Trịnh Ngọc Túy, ĐT: (281) 489-2945.
Email: tuy_nguyen66@yahoo.com

3*- HT Lý Phước Hùng ĐT: 61-3-9467-5361.
Email: batdaustralia@gmail.com

II- Ban Thế Đạo Texas:

QS Trịnh Quốc Thế, ĐT: (281) 489-1770.
Email: theqtrinh@yahoo.com

III- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT Lý Phước Hùng ĐT: 61-3-9467-5361.
Email: batdaustralia@gmail.com

IV- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Âu Châu

Trưởng Ban: HT Nguyễn Chí Hiền,
ĐT 33-1-4852-6017

Phó Trưởng Ban: HT Đào Duy Linh,
ĐT: 49-30-6646-0390

V- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Canada.

QS. Nguyễn Tấn Phát, ĐT: (519)743-8996.

Email: tphatnguyen@rogers.com

VI-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại @ LA

HT Trần Huyền Quang, ĐT: (504)347-932

* * *

Liên Lạc Tập San Thế Đạo

*- **Yểm Trợ:** Bài vở gửi đăng & Tài chánh yểm trợ
xin vui lòng liên lạc:

***- Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

3076 Oakbridge Dr, San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547. Email: dutani@comcast.net

*- **Nhận Kinh Sách:** Xin vui lòng liên lạc:

HT. Nguyễn Đăng Kích

Phone: 408-926-9186, Email: tnndk4@gmail.com

**ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG
TẬP SAN THẾ ĐẠO**

Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài

(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002)

A-Mục đích việc thành lập

*-**HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI** là một tổ chức xã hội bất vụ lợi (Non-Profit Organisation) được thành lập nhằm mục đích thể hiện tình tương thân tương ái giữa những người Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đóng góp nghĩa vụ vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ về “Hậu sự” khi có thành viên trong Hội qua đời (Chương I- Mục đích Hội)

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài:

*- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

*- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

*-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

*-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của cha mẹ hoặc của người giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Đóng một lần 40 đôla vào Quỹ Dự Trữ Phúng điếu.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (20) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (10) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu trong điều kiện cho phép.

F- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài,
3267 Moreno Ave, San Jose, CA 95127

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

1*- **Nguyễn Sam** - Phone : (408) 759-9339 (Cell)
E-mail: duyvan2011@gmail.com

2*- **Dương Văn Ngừa:** Phone (408) 772-0989 (Cell).
E-mail: datthong2005@yahoo.com

3*- **Nguyễn Đăng Khích:** Phone: 408-926-9186
E-mail: tnndk4@gmail.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI

PHÂN ƯU



Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Hiền nội của HH Mai Công Minh và cũng là Chị dâu của
HT Mai Hòa Đường là:

Đạo hữu
HUỲNH THỊ YẾN

Đã qui vị vào lúc 3 giờ 45 phút chiều ngày 26-12- 2016
(nhằm ngày 28 tháng 11 năm Bính Thân) tại Bệnh viện
Liverpool, tiểu bang NSW, Úc Châu

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huỳnh Mai
Công Minh, HT Mai Hòa Đường và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng
Thiênêng Liêng ban hồng ân độ rỗi hương linh cố đạo hữu
Huỳnh Thị Yến sớm được trở về cõi Thiênêng Liêng Hằng
Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU.

Ban Thế Đạo Úc Châu
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Cao Đài Hải Ngoại

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Tổng kết tiền THU (YẾM TRỢ) TSTĐ năm 2016

STT	Đồng Đạo - Cơ sở - Thân hữu	US\$
1	Ban Thế Đạo Nam CA	200.00
2	Ban Thế Đạo Úc Châu	929.30
3	Bank of America	3.17
4	Bùi Hiếu, W. Valley City, UT.	50.00
5	Cao Đài Tây Ninh Temple of TX	50.00
6	Thánh Thất Sydney, NSW, Úc	200.00
7	CTS Bùi Văn Quan, Irving, TX	25.00
8	CTS Hà Thị Nết, Garden Grove, CA	50.00
9	CTS Lê Quang Giai, San Diego, CA	20.00
10	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	110.00
11	CTS Lý Phước Thành, Inala, QLD, Úc	141.50
12	CTS Mai Văn Liêm, Arlington, TX	80.00
13	CTS Nguyễn Kim Thoa, Pháp (50 Euro).	53.25
14	CTS Nguyễn Văn Bé, San Jose, CA	50.00
15	CTS Nguyễn Văn Hai, Wichita, KS	60.00
16	CTS Nguyễn Văn Lợi, Anaheim, CA	20.00
17	CTS Nguyễn Văn Đăng, Sacramento, CA	50.00
18	CTS Nguyễn Văn Phé, Pháp	100.00
19	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	80.00
20	CTS Đỗ Thị Inh, Houston, TX	50.00
21	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	100.00
22	CTS Trương Ngọc Anh, Antepope, CA.	30.00
23	David Hồ, Portland, OR	100.00
24	David Độ Nguyễn, San Francisco, CA	60.00
25	DLT Collision & Service, San Jose, CA	250.00
26	Dương Minh Đức, San Jose, CA	20.00
27	Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	60.00

28	Hà Văn Hưng, Stone Mountain, GA	40.00
29	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo, CA.	100.00
30	Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI	400.00
31	Dũ Nguyễn, San Jose, CA.	60.00
32	HT Hồ Văn Trị, Carrollton, TX.	100.00
33	HT Huỳnh Văn Bót, Russellville, KY.	100.00
34	HT Lê Ngọc Biết, Houston, TX.	50.00
35	HT Lê Thành Hưng, Masidon, AL	100.00
36	HT Lê Thị Huệ Hương, Allen, TX.	20.00
37	HT Lê Văn Năm, Westminster, CA	80.00
38	HT Mai Văn Tim, Everett, WA.	100.00
39	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX.	200.00
40	HT Nguyễn Ân Hồng, Fairborn, OH.	50.00
41	HT Nguyễn Hữu Nghiệp, Houston, TX.	100.00
42	HT Nguyễn Tấn Phát, Kitchener, ON, Canada	140.00
43	HT Phạm Văn Cờ, Garden Groce, CA.	60.00
44	HT Phan Kỷ Niệm, Lawrenceville, GA.	20.00
45	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	80.00
46	HT Trịnh Quốc Trung, Houston, TX.	100.00
47	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA.	50.00
48	HT Võ Ngọc Độ, Doraville, GA.	140.00
49	HT Võ T. Bạch Tuyết, Roseville, CA.	150.00
50	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA.	90.00
51	HTDP Cao Bảo Quốc, Allen, TX.	20.00
52	HTDP Cao Văn Triết, Allen, TX.	20.00
53	HTDP HTDP Christine T. Bùi, Katy, TX.	100.00
54	HTDP Huỳnh Kim Triệu, Cypress, TX.	50.00
55	HTDP Lê Tấn Tài, Kitchener, ON, Canada.	100.00
56	HTDP Lê Tấn Tài, NSW, Úc (200 đôla Úc).	144.23

57	HTDP Lê Thị Thu Vân, Madison, AL.	100.00
58	HTDP Lý Kim Phụng, Biais, Pháp.	120.00
59	HTDP Mai Xuân Thanh, San Jose, CA.	60.00
60	HTDP Đào Duy Linh, Berlin, Đức.	160.00
61	HTDP Ngô Thiện Đức, Garden Grove, CA	20.00
62	HTDP Ngô Thị Quân, Salt Lake City, UT.	100.00
63	HTDP Ngô Tú & HTDP Thảo Trần, VA. . .	150.00
64	HTDP Nguyễn Chí Hiền, Biais, Pháp	220.00
65	HTDP Nguyễn Hiền Nhân, Pháp.	120.00
66	HTDP Nguyễn Hiền Quân, Pháp.	120.00
67	HTDP Nguyễn Thị Mỹ Lê, Kitchener, ON, Canada	60.00
68	HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	100.00
69	HTDP Nguyễn Thị Huệ, Santa Ana	100.00
70	HTDP Nguyễn Thị Như Trúc, Pháp (100 Euro + 100 đôla Mỹ)	206.50
71	HTDP Đỗ Thanh Hải, Austin, TX	100.01
72	HTDP Phạm Thị Minh Hải, Springvale, Úc (400 đôla Úc)	288.45
73	HTDP Phạm Văn Đức, Wichita, KS	50.00
74	HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA. . .	60.00
75	HTDP Sơn Nguyễn & HTDP Trang Trần, TX	20.00
76	HTDP Trần Văn Lào, Huntington Beach, CA	60.00
77	HTDP Trần Văn Điều, Houston, TX	100.00
78	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	125.00
79	HTDP Võ Ngọc Kim, Garden Grove. CA . .	20.00
80	HTDP Trần Công Bé, Fort Worth, TX	20.00

81	Giáo sư Lạp Chúc Nguyễn Huy, Quebec, PQ Canada (100 đôla Canada)	74.15
82	Huỳnh Như Mai, Byron, GA	100.00
83	Huỳnh Thị Bura, Forest Park, GA	50.00
84	Huỳnh Văn Nhứt, Renton, WA	100.00
85	Huỳnh Văn Thịnh, Chandler, AZ	20.00
86	Khiết M. Trần, DDS, San Jose, CA	600.00
87	Lâm Văn Sơn, Grand Prairie, TX	80.00
88	Lê Quan Hên, Houston, TX.	100.00
89	Lê Thiện Thành, San Jose, CA	20.00
90	Lê Thị Hiếu, Garden Grove, CA	20.00
91	Lê Thị Huyền, Toronto, Canada (50 đôla Canada)	36.43
92	Lê Thị Mừng, Norcross, GA	20.00
93	Lê Trung Trục, San Diego, CA	30.00
94	Lê Văn Bé, Arlington, TX	130.00
95	Lê Văn Lộc, Anaheim, CA	20.00
96	Lê Văn Minh, Riverside, CA	50.00
97	Lisa Lượng Nguyễn, San Jose, CA.	100.00
98	Lisa Nguyễn, Westchester, PA	100.00
99	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL.	140.00
100	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	40.00
101	Qu. Đầu Tộc Nguyễn Văn Kiém, VIC, Úc	240.00
102	Đặng Châu, Wichita, KS	50.00
103	Đặng Kim Toàn, San Jose, CA	90.00
104	Đặng Mỹ Cho, Campbell, CA	20.00
105	Đặng Thị Ngọc Phượng, Coppell, TX	50.00
106	Đặng Thị The, Harvey, LA	100.00
107	Đặng Văn Phẩm, Westminster, CO	20.00
108	Đào Thị Thu Trang, Berlin, Đức	150.00
109	Ngọc Anh, Batoon, Oakland, CA	30.00
110	Nguyễn Dinh, Houston, TX	150.00

111	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	150.00
112	Nguyễn Kim Mừng, Aurora, CO	100.00
113	Nguyễn Ngọc Sương, Ontario, CA	40.00
114	Nguyễn Ngọc Thang, Katy, TX	50.00
115	Nguyễn Nhi, San Diego, CA	20.00
116	Nguyễn Như Hương, San Diego, CA	20.00
117	Nguyễn Thảo & Giêng, Homestead, FL	20.00
118	Nguyễn Thị My, San Jose, CA	20.00
119	Nguyễn Thị Thu Trang, Etobicoke, ON, Canada 120 (100 đôla Canada)	72.85
120	Nguyễn Thị Thủy, Wichita, KS	30.00
121	Nguyễn Thị Tô Châu, Garden City, KS	100.00
122	Nguyễn Văn Tánh, Houston, TX	50.00
123	Nguyễn Văn Y, San Jose, CA	20.00
124	Phạm Văn Hôn, Fargo, ND	20.00
125	Phạm Văn Liêm, Gretna, LA	150.00
126	Phạm Văn Phải, Sacramento, CA	30.00
127	PTS Huỳnh Ngọc Hương, San Diego, CA	50.00
128	PTS Huỳnh Văn Thị, Sacramento, CA	60.00
129	PTS Ngô Quang Tuấn, San Jose, CA	40.00
130	PTS Nguyễn Kim Nhung, Richmond, VA	100.00
131	PTS Đỗ Đức Thượng, Garland, TX	75.00
132	Qs Nguyễn Thanh Bình, Midland, MA	200.00
133	Quang T. Đỗ, San Antonio, TX	100.00
134	Tăng Mỹ Thuận, Brampton, ON, Canada (100 đôla Canada)	73.00
135	Cựu TT Văn Thành Cao, Houston, TX	500.00
136	Thái Thị Thơ, Houston, TX	31.00
137	Thông sự Đặng Thị Khe, Wichita, KS	100.00
138	Thông sự Đỗ Thị Nhớ, Stone Mountain, GA	20.00

139	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA	600.00
140	Trần Hữu Phước, San Jose, CA	50.00
141	Trần Kim Anh, Chamblee, GA	50.00
142	Trần Đức Nhuận, San Jose, CA	20.00
143	Trần Quang Sang, Morrow, GA	70.00
144	Trần Thị Bảy & Nguyễn Thanh, San Diego, CA	10.00
145	Trần Thị Duyên, Canada (50 đôla Canada)	36.42
146	Trần Thị Ngọc Cang, Oakland, CA	60.00
147	Trần Văn Mỹ, Portland, OR	50.00
148	Trần Văn Sung, San Jose, CA	20.00
149	Trang Lê, Lawrenceville, GA	50.00
150	Tri Vương, Mississauga, Canada (300 đôla CAN)	209.55
151	Trương Văn Thì, Seattle, WA	20.00
152	TSự Cao Hòa Thuận, San Diego, CA	30.00
153	TSự Lê Thị Sang (Huệ), Saint Louis, MO	200.00
154	TSự Đỗ Thị Nhớ, Stone Mountain, GA	20.00
155	TSự Đỗ Văn Phải, Fort Worth, TX	20.00
156	TSự Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA	30.00
157	TSự Trương Thúc Tài, San Diego, CA	150.00
158	Van Doyler, Brandon, FL	50.00
159	Võ Hồng Danh, Wichita, KS	50.00
160	Võ Kim Hoàng & Lê Văn Hiền, Fargo, ND	200.00
161	Võ Lê Dung, Garland, TX	25.00
162	Võ T. Mục, Kent, WA	50.00
163	Võ Thành Tuấn, Montreal, Canada	80.00

164	Võ Văn Mía, San Antonio, TX	40.00
165	Võ Văn Phụng, Irving, TX.	50.00
166	Vương Vĩnh Nghi, Wichita, KS.	50.00

Tổng cộng: \$15,449.81

Tổng cộng tiền yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại thu được trong năm 2016 là *Mười lăm ngàn bốn trăm bốn mươi chín đô la tám mươi một xu (US\$ 15,449.81)*

San Jose, ngày 8-1-2017

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo **KHAI MẠC ĐẠI HỘI PHƯỚC THIỆN**

Ngày rằm tháng chạp năm Bính Tuất (6-01-47)

Ngày nay, nhóm Đại Hội Phước Thiện cũng là một Hội trong quyền Vạn Linh, Bản Đạo cần giải rõ cái nhiệm vụ rất trọng yếu của Phước Thiện cho Chức Sắc, chư Pháp Viên và Nghị Viên được hiểu.

Từ thử Thiên Phong nam, nữ Phước Thiện chỉ hiểu mấy may cái trách nhiệm tối cao, tối trọng của mình chớ chưa hiểu cùng tột. Bởi cố cho nên, nhiều người không hiểu phận sự, hành Đạo không đúng theo chơn truyền, sai hẳn giá trị của Cơ Quan Phước Thiện, việc làm của quý vị không ra gì hết, thành thử Cơ Quan Phước Thiện chưa có kết quả chi, lại còn theo lối giành nhau.

Hội Thánh có hai Cơ Quan: Hành Chánh và Phước Thiện, thường tương khắc nhau, song chưa tìm chơn lý để hòa nhau, ngày nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận sự trọng yếu cho ra thiệt tướng được..!

Mấy em cũng dư biết, Đạo Cao Đài sản xuất có một Chơn Lý tối cao, tối trọng nên buổi này, đời khao khát, đợi chờ như hạn trông mưa, những kẻ tội tình trong bể khổ, khát khao đợi giọt cam lồ của Đức Chí Tôn chan rưới cho bớt sự đau thảm. Đức Chí Tôn đến tạo Đạo giải khổ tâm hồn cả con cái của Ngài, Đức Chí Tôn lại tạo ra hình ảnh Thánh Thể của Ngài, mượn tay các em, các bạn làm hình thể của Ngài, giải khổ cho đời về phần xác.

Phước Thiện lại có nhiệm vụ tối cao, tối trọng của Đức

Chí Tôn: Giải khổ vừa xác vừa hồn. Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái của Ngài, nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ giúp đỡ cho kẻ nghèo nàn cô độc. Chừng nào cả Cơ Quan của mấy Em ôm trọn vẹn được sự tang thương, khốc hại của loài người tức là mình sẵn sàng curu mang, gánh vác hết thì mới đúng nhiệm vụ của Chí Tôn phú thác, mấy em thử tự hỏi: Hồi nào đến giờ đã làm nên những gì chưa? Chỉ lo bảo bọc anh em trong Đạo mà thôi, có đâu ngo đến ngoài đời. Các vật loại đều là con cái Chí Tôn, chớ không phải nội trong cửa Đạo mà thôi, như thế có đủ đâu? Cơ Quan giải khổ của Chí Tôn cậy nhờ mấy em lo, nuôi mấy em còn chưa rồi. Từ ban sơ Qua chịu nhọc nhằn hằm hút, ăn từ miếng tương rau hiệp cùng nhau gầy dựng lập Phạm Môn, Qua chịu khó nhọc như mấy em cho đến ngày Cơ Quan Phước Thiện ra thiệt tướng, đã tạo đủ lực lượng cho mấy em thi hành nhiệm vụ.

Tuy vậy, lúc nọ mấy em có phương thế lắm mà mấy em chỉ có tâm vị kỷ, trót năm năm, Qua đi vắng đến khi Qua trở về, Qua còn thấy có kẻ đói không ai nuôi, rách rưới không ai bảo dưỡng, thất lạc nơi này nơi khác, đoàn em, Qua gởi gắm đã xiêu lạc, thủ phạm Đạo không được, nên phải tìm đôi bạn sống theo Đời, vì nếu ở thủ phạm theo Đạo thì cũng chẳng ai nuôi..!

Ngoài nữa, Qua còn nghe, trong lúc Qua đi, đũa nào có thể thì tự vi chủ, giành lấy cam một mình để toại hưởng vậy thôi. Hỏi vậy, mấy em có nghĩa hay không? Nếu Qua cho Tòa Đạo minh tra thì không có một người nào có thể đứng trước mặt Qua mà xưng là đại công được, cái đói khổ cùng khổ của các em nó tố cáo mấy em không còn chối cãi được.

Qua nói thật, Thế Đạo chưa rồi thì có mong gì tạo thành chơn tướng của Đạo. Phải chỉ mấy em biết nghe lời, Qua

mở cửa Bát Quái Đài cho mấy em làm bạn với các Đấng Thiêng Liêng thì không đến nỗi này.

Ngày nay cửa Đạo được mở rộng đây cũng nhờ các Thánh Tử Đạo, nếu không thì vẫn còn đóng cửa. Nếu mấy em xứng đáng, thì Qua mở cửa cho các Đấng Thiêng Liêng diu đỡ mấy em.

Qua nói cho mấy em hay, ***Qua đang ngồi đây các Đấng ở Bát Quái Đài còn đợi mấy em và chính Qua sẽ diu dắt, kêu cửa Bát Quái Đài cho mấy em về làm bạn thân yêu của các Đấng Thiêng Liêng.*** Nếu mấy em làm phận sự không tròn và còn một mảy phạm tâm, thì cõi Hư Linh không đem mấy em vào bảng công nghiệp vĩ đại bao giờ. Các em có làm trọng trách đối với con cái Đức Chí Tôn, thì Bát Quái Đài mới hiệp một cùng mấy em vậy.

Mấy em chưa nắm được hoàn ngọc thì chưa đủ bảo toàn Vạn Linh con cái của Đức Chí Tôn.

Qua nói Qua sẽ mở cửa Bát Quái Đài diu dắt mấy em mà mấy em đến được cùng chẳng là do tâm lý của mấy em đó.

Ấy vậy, mấy em phải ráng sức, định tâm, lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phạm còn trong óc mấy em, thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng cho được, phải có khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần linh.

Đến đây Qua xin mở Hội, để trọn quyền Hội Thánh Phước Thiện đủ sáng suốt làm việc và Bàn Đạo để trọn tín nhiệm về việc cầu phong, thăng thưởng một cách chánh đáng và công bằng.

HẾT

**Đại gia giàu có bị chửi rủa
vì ngày nào cũng ăn cơm từ thiện
và sự thật đau lòng đằng sau đó**

21/10/2016 06:38

Ông Minh hầu như chẳng để tâm về điều đó. Cứ đều đặn mỗi ngày 12 giờ sẽ đến quán lấy một phần cơm rồi tìm một góc mà vừa ăn vừa nói chuyện cùng mọi người. Ban đầu còn có vài người miễn cưỡng nói chuyện cùng ông, sau rồi chẳng còn mấy ai, ông lại bắt chuyện với bọn trẻ con.

Quán cơm từ thiện Liên Sơn đã mở được một thời gian tại xóm trọ nghèo này. Đây thật sự là tâm huyết của một nhà hảo tâm giấu tên muốn chia sẻ cùng người nghèo những cơ cực qua bao bữa cơm giản đơn. Chưa khi nào người lao động ở đây lại thấy ấm lòng như thế. Quán dần tập nập và đông người vào giờ cơm trưa và cơm chiều. Người đến ăn luôn là dân nghèo bươn chải từng ngày để kiếm cơm. Vì vậy mà không khí quán lúc nào cũng vui vẻ thoải mái, như đại gia đình tụ họp cùng nhau.

Nhưng gần đây mọi người dần không cười giỡn nhiều nữa, mà thay vào đó là những lời chỉ trích, câu từ khó nghe. Tất cả đều hướng đến một người duy nhất, là một ông lão đã ngoài 60 tuổi, đầu đã hai thứ tóc già nua. Sẽ chẳng có chuyện gì nếu ông ấy cũng nghèo khổ như bao nhiêu người đến quán Liên Sơn này. Đằng này ông ta áo quần phẳng phiu giàu có, lại chẳng ngần ngại lấy cơm từ thiện mỗi ngày, còn nói cười vui vẻ. Ai nấy thấy vậy đều tỏ ra khinh bỉ và khó chịu vô cùng.



Ông Minh luôn tỏ ra rất vui vẻ và hào hứng, nhiều hôm ngồi đến tận 3 4 giờ chiều mới chịu về. Rồi đến một hôm, chẳng ai màng nói chuyện với ông nữa, bọn trẻ con nghe lời ba mẹ cũng không thèm đến ngồi gần ông. Ông Minh cũng không vì thế mà buồn phiền, ngồi ăn từ tốn mà nhìn ngắm mọi người rôm rả nói chuyện. Sau đó thì ai cũng bất ngờ khi có người con trai cao lớn, cũng trông giàu có như ông Minh vào quán lúi xềnh xệch ông ra xe hơi sang trọng.

Ông đi rồi đằng sau vẫn văng vẳng tiếng nói: “Con cái giàu có không biết chăm lo cho cha mẹ, lại khiến cha mẹ quần áo trắng thơm đi giành cơm từ thiện của người nghèo! Nhục không gì tả!”...

Sơn về tới nhà, giậm chân bực bội đi vào. Ông Minh mặt buồn bã đi theo sau con trai

- Ba ơi, tiền con cho ba mỗi ngày không đủ ăn sao hả ba?

- Không, nhiều lắm, nhiều đến mức...
- Vậy sao ba còn đi giành cơm từ thiện của người ta?
- Ba đâu có giành, cái đó...
- Ba làm con thấy nhục nhã với mọi người quá! Ai cũng nói con làm giám đốc mà đi để ba mình ăn cơm từ thiện! Ba làm con mất mặt quá! Mai ba ở nhà giúp con đi!



Chưa kịp nghe ông Minh trả lời thì Sơn đã hậm hực bỏ lên lầu. Ông Minh cúi mặt buồn đến mắt ngấn nước. Ông rút tấm ảnh của người vợ quá cố, là bà Liên, trong túi ra, cứ nhìn rồi ngồi thừ ra cả buổi chẳng nhúc nhích. Mấy tháng sau đó Sơn cũng không chịu nói chuyện với ông, dù ông đã rất muốn giải thích cùng con một điều.

Bị con trai la, ông Minh không còn đến quán Liên Sơn nữa, chỉ lẩn quẩn ở nhà. Một năm dài trôi qua, Sơn càng ngày càng bận rộn, có khi cả mấy tháng trời ông Minh mới gặp được con trai. Nhưng con về lấy đồ này kia rồi lại đi, bàn cơm chuẩn bị thịnh soạn cuối cùng vẫn chỉ mình ông ăn.

Một chiều mưa, Sơn trở về, sau 6 tháng công tác nước ngoài. Anh định vào lấy vài thứ đồ rồi lại đi ngay, không quên để lại tiền trên chiếc tủ trong phòng khách. Nhưng khi anh định để tiền vào tủ thì vẫn thấy số tiền cũ mấy tháng trước còn y nguyên, không thiếu một đồng. Anh thấy lạ, bèn vào phòng tìm ba mình. Nhưng khi mở cửa ra anh hốt hoảng khi thấy ba anh đã nằm im lìm trên giường. Anh sợ hãi lay ba một hồi lâu ông mới mê mẫn tỉnh giấc. Ông Minh được con trai đưa vào bệnh viện ngay sau đó. Trên đường vào viện, chỉ thấy Sơn nức nở đọc tờ giấy ông Minh đưa trước khi hôn mê. Ông Minh biết mình không thể sống được bao lâu nữa.

“Con trai của ba,

Khi con đọc được những dòng này thì chắc đã về nhà rồi phải không? Mong rằng ba có thể chờ được ngày đưa con lá thư này. Con không muốn nghe ba nói nữa thì đọc một chút, được không?

Ngày bé, con sinh không đủ tháng, yếu ớt và bệnh tật. Vì vậy mà con rất kén ăn, mỗi lần ăn ba đều phải ngồi cạnh bên ăn cùng con mới chịu. Rồi con lớn lên, chưa có buổi cơm nào con thiếu vắng ba. Ba luôn muốn ăn cơm cùng con như thế, để thấy con vui vẻ hào hứng kể ba nghe những gì đã xảy ra trong ngày. Nhưng khi con thành đạt, con bận rộn với công việc, những bữa cơm cùng ba dần thay bằng những hộp cơm vội vàng, bao bữa cơm sang trọng đầu đó. Từ lúc nào, ba nhớ quá hình ảnh con ăn cơm, nhớ cả những chuyện trò của cha con mình...

Con biết không, số tiền con đưa cho ba hàng tháng nhiều lắm, ba thiệt chẳng xài hết được. Ba cũng biết con chỉ muốn ba ở nhà mà không làm gì hết. Nhưng đây là điều ba đã từng muốn làm nhất khi tuổi đã xế chiều, ba đã mở một quán cơm

từ thiện, là Liên Sơn, gộp cả tên của con và mẹ. Ba xin lỗi vì đã giấu con.. Một phần vì ba muốn giúp người nghèo chút ít. Một phần lại là vì ba muốn...có ai đó ăn cơm cùng mình, vì ba nhớ những bữa cơm nhà mình quá. Nhà mình rộng, mẹ con lại mất rồi, mình ba với bàn ăn đủ đầy, ba...cô đơn lắm.



Ba thật xin lỗi vì điều này lại khiến mọi người xem thường con. Nhưng ba có thể nhờ con một việc được không? Sau khi ba mất, giúp ba duy trì quán Liên Sơn này, có nhiều người khổ sở, bao đứa trẻ đến cơm cũng không có mà ăn...

Cuối cùng, con trai à, ba muốn nói là con đã luôn là niềm tự hào suốt cuộc đời ba mẹ. Con phải luôn sống thật tốt. Mỗi ngày đều phải ăn thật ngon, ngay cả khi đã không còn ba bên cạnh. Như vậy thì mới có sức khỏe mà làm việc được. Đừng đau ốm, ba mẹ sẽ lo lắm!

Nhiều đây thôi con à, ba mệt rồi, nghỉ đây...

Thương con, ba lúc nào cũng đợi con về”

Son gào khóc nức nở bên linh cửu của cha. Anh đã không biết, đã vô tâm đến tàn nhẫn với chính người cha yêu thương mình hết lòng. Một bữa cơm anh cũng không thể ăn cùng ông trước khi ông mất. Ông đã đợi anh suốt những tháng ngày bệnh tật gắng gượng, có chăng cũng chỉ để có thể cùng anh ăn một bữa cơm cuối cùng...



Mọi người con à, cuộc sống này mọi điều đều có lần hai, chỉ có ba mẹ là duy nhất trên thế gian này. Vì vậy đừng vì những bận rộn tũn mủn, lật vật đời thường mà bỏ quên chính ba mẹ của mình. Vì dù họ luôn nói sẽ mãi đứng sau lưng chờ đợi bạn quay về, thì cũng đừng một mực tin, vì thời gian vốn đâu có nhân nhượng bất cứ ai. Bạn thật sự chẳng biết khi nào quay lưng lại đã không nhìn thấy họ. Đừng đến lúc như thế mới hối hận, nào có kịp nữa đâu.

Ngọc Thi

Nguồn Phụ nữ sức khỏe

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

Tỳ Khưu Thích Chân Tuệ (Nguồn Internet)

Mười điều tâm niệm trong "Luận Bảo Vương Tam Muội":

Điều 1: Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sanh. Hãy lấy bệnh khổ làm thuốc thân.

Điều 2: Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy. Hãy lấy hoạn nạn làm giải thoát.

Điều 3: Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo. Hãy lấy khúc mắc làm thú vị.

Điều 4: Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không ma chướng, vì không ma chướng thì chí nguyện không kiên cường. Hãy lấy ma quân làm bạn đạo.

Điều 5: Việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo. Hãy lấy khó khăn làm thích thú.

Điều 6: Giao tiếp thì đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa. Hãy lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ.

Điều 7: Với người thì đừng mong tất cả thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng. Hãy lấy người chống đối làm nơi giao du.

Điều 8: Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có ý mưu đồ. Hãy coi thi ân như đôi dép bỏ.

Điều 9: Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động. Hãy lấy sự xả lợi làm vinh hoa

Điều 10: Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân ngã chưa xả. Hãy lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh.

Rơi lệ vì hơn 2.000 người đến tiễn biệt người phụ nữ làm ăn thua lỗ suốt 55 năm

Thật nghẹn ngào khi hơn 2.000 người đến tiễn biệt một người phụ nữ "bình thường nhưng không hề tầm thường", vì người phụ nữ này là chủ hàng cơm làm ăn thua lỗ suốt 55 năm trời, nhưng người vẫn làm cho đến khi qua đời, vì nguyên nhân đó khiến hàng nghìn người rơi lệ tới đưa tang được người người kính cẩn gọi bà là "Bồ Tát sống", là "Thần hộ mệnh của người lao động nghèo".

Người ta thường nói "khi bạn sinh ra, tất cả mọi người xung quanh đều cười, chỉ riêng bạn là khóc; bạn hãy sống sao để khi bạn lìa đời, tất cả mọi người xung quanh đều khóc, chỉ riêng bạn mỉm cười". Quả thật, chỉ cần nhìn vào đám tang của ai đó, người ta sẽ biết họ từng đối xử với mọi người như thế nào và được người khác yêu quý bao nhiêu.





Hơn 2.000 người đã đến tiễn biệt người phụ nữ “bình thường nhưng không hề tầm thường” này.

Không phải quan chức, chẳng phải ngôi sao hay là một người có quan hệ rộng, ấy vậy mà một cụ bà thường dân ở Đài Loan, Trung Quốc đã khiến cho dư luận phải xôn xao vì vào ngày bà rời xa thế giới này, có tới hơn 2.000 người đến tiễn biệt bà trong nước mắt.

Bà Trang Chu Ngọc Nữ sinh năm 1920 tại Bành Hồ, Đài Loan, Trung Quốc. Năm 16 tuổi, bà kết hôn với một người đàn ông cùng quê rồi chuyển đến Cao Hùng, Đài Nam sinh sống.



Không lâu sau, chồng bà đi lính, để bà một mình nuôi đứa con thơ nơi thành phố xa lạ, rộng lớn. Cuộc sống khi ấy vô cùng khốn khó, người mẹ trẻ phải mưu sinh bằng công việc đánh xe bò vừa vất vả lại chẳng kiếm đủ tiền ăn, không có nơi để trú ngụ.



Đúng vào giai đoạn khó khăn nhất, hai mẹ con bà đã được những người công nhân tốt bụng cứu mang. Tuy cuộc sống của họ cũng chẳng lấy gì làm khá khẩm, phải làm việc quần quật suốt cả ngày mà chỉ kiếm được chút tiền ít ỏi, thế nhưng họ vẫn dang rộng vòng tay đùm bọc những người khổ sở hơn mình.

Khi đó, bà Ngọc Nữ mới thực sự hiểu được thế nào là tình người. Bà vô cùng trân trọng tình cảm cũng như ân nghĩa mà những người công nhân đã trao cho mình.

Sau chiến tranh, chồng bà trở về, hai vợ chồng họ chăm chỉ

làm lụng và cuộc sống dần trở nên khá giả. Bà Ngọc Nữ lúc này liền quay lại tìm những vị ân nhân năm xưa để trả ơn, thế nhưng tất cả bọn họ đều từ chối nhận sự báo đáp của bà, bởi họ cho rằng đó là những việc mình nên làm và hoàn toàn không mong đợi sự hồi báo. Suy nghĩ mãi, bà Ngọc Nữ đã quyết định nấu cơm mang đến cho họ mỗi ngày mà không nhận bất kỳ khoản chi phí nào.



Thế rồi, bà nhận thấy rằng tất cả những người công nhân ở khu lao động nghèo ấy đều đi sớm về muộn, chi tiêu cực kỳ dè sẻn và ăn uống rất khổ sở. Đồ ăn của họ vừa nguội ngắt lại vừa ít ỏi, có những người ăn chẳng bao giờ đủ no. Thậm chí có một số người trong đó còn không kiếm nổi một chỗ ở tử tế.

Trước tình cảnh này, bà Ngọc Nữ đã nghĩ cách chia ngôi nhà của mình thành nhiều căn phòng nhỏ rồi cho những người công nhân ở miễn phí. Bên cạnh đó, bà còn mở một sạp cơm tự chọn nhỏ cũng miễn phí để giúp đỡ những người nghèo khó hơn mình.



Suốt nhiều năm trời, cho dù trời nắng hay trời mưa, giá thịt tăng hay giá rau giảm, bà Ngọc Nữ vẫn đều đặn nấu cho hàng trăm công nhân sống quanh đó 3 bữa ăn nóng hổi mỗi ngày. Trước những hành động thiết thực này, nhiều người đã kính cẩn gọi bà là “Bồ Tát sống”, là “Thần hộ mệnh của

người lao động nghèo”...

Lâu dần, sạp cơm tự chọn của bà Ngọc Nữ ngày càng thu hút thêm nhiều thực khách. Mọi người kiến nghị bà thu tiền chứ không phát cơm miễn phí nữa để họ đỡ cảm thấy áy náy. Bà Ngọc Nữ đắn đo rồi đưa ra mức giá rẻ mạt chỉ 3 Đài tệ (tương đương 2 nghìn đồng), rồi tăng lên 5 Đài tệ (tương đương 3,5 nghìn đồng), và cuối cùng dừng ở con số 10 Đài tệ (tương đương 7 nghìn đồng)/suất trong nhiều năm liền. Đôi khi, bà để cho những người lao động nghèo tùy tâm trả tiền, bởi bà biết có những lúc họ chẳng có nổi 10 Đài tệ trong người để đi ăn cơm.



Thử hình dung xem, giữa thời buổi kinh tế ngày càng khó khăn, vật giá leo thang chóng mặt như hiện nay, bạn sẽ mua được gì với số tiền ít ỏi ấy? Vậy mà mỗi ngày, có ít nhất 200 người công nhân nghèo chỉ cần bỏ ra vài nghìn lẻ là có cơ hội được thưởng thức những bữa cơm nóng hổi, đầy đủ dưỡng chất do chính tay bà Ngọc Nữ nấu trong suốt nhiều năm liền.

Có lẽ chẳng có bà chủ quán ăn nào vất vả như bà Ngọc Nữ,

bà chẳng bao giờ biết tiền lãi là gì, bởi vì đến vốn bà còn chẳng bao giờ thu về đủ. Để có tiền mua nguyên liệu mỗi ngày, bà đã phải hy sinh toàn bộ khoản tiền dưỡng lão của mình, bà phải bán hết 7 gian nhà mà vợ chồng bà đã tích góp cả đời mới mua được, thậm chí bà còn phải đi nhặt rác kiếm thêm thu nhập và nợ người ta đến 500 nghìn Đài tệ (tương đương 358 triệu đồng).



Không mong hồi báo, cũng chẳng cần điều kiện, bà Trang Chu Ngọc Nữ cứ âm thầm giúp đỡ những người lao động nghèo suốt 55 năm trời. Các con bà và cả những người hàng xóm đều không thể hiểu nổi bà làm những việc đó để làm gì, bà hy sinh như vậy để đánh đổi điều gì?

Có lẽ, đối với bà lão này, giúp người là niềm vui, là lẽ sống của đời bà, như vậy là đủ rồi.

Thời gian dần trôi, bà Ngọc Nữ ngày càng già yếu, răng

cũng rụng gần hết, đi lại cũng khó khăn hơn trước rất nhiều. Thế nhưng, bà vẫn kiên quyết duy trì hàng cơm chưa bao giờ có lỗi của mình.



Đến năm 70 tuổi, khi sức khỏe đã đi xuống, bà đành phải điều chỉnh cường độ bán hàng xuống 2 bữa cơm mỗi ngày, thay vì 3 bữa như xưa.

Năm 80 tuổi, tuy nằm trên giường bệnh nhưng bà Ngọc Nữ vẫn mãi lo lắng không biết những người công nhân ăn có đủ no không, ai sẽ lo cho họ nếu bà ra đi... Chính điều này đã tiếp thêm cho bà động lực để nhanh chóng khỏi bệnh và tiếp tục duy trì quán cơm của mình.

Năm 96 tuổi, bà Trang Chu Ngọc Nữ vĩnh viễn rời xa thế giới này. Hơn 2.000 người đã đến tiễn đưa bà về nơi an nghỉ cuối cùng. Những giọt nước mắt tiếc nuối, những tiếng nấc nghẹn vì xót thương khiến cho người ta cảm nhận được lòng kính trọng và tình yêu thương vô bờ bến mà những người xung quanh dành cho bà.



Đến lúc này, các con của bà Ngọc Nữ và những người hàng xóm mới vỡ lẽ, thì ra mọi việc mà bà làm bấy lâu nay là không hề vô ích, kỳ thực thì bà vẫn luôn bận rộn vun vén

một mầm cây, một mầm cây cao lớn vô tận mang tên tình yêu thương...



Có thể, bạn chỉ là một hạt bụi trong cuộc đời này, bạn không có khả năng làm nên những điều vĩ đại hay giúp thế giới đổi thay, thế nhưng, bạn có thể dùng những hành động nhỏ nhất của mình để tô điểm thêm cho cuộc sống muôn màu. Chỉ cần là một bát cơm nóng hổi khi đói lòng, hay một ngọn lửa nhỏ sưởi ấm giữa đêm đông... chắc chắn rằng bạn sẽ góp phần khiến cho thế giới này trở nên tốt đẹp hơn rất nhiều.

Tuy cuộc sống vô cùng vất vả, nhưng bà Ngọc Nữ luôn cảm thấy mãn nguyện với những việc mình làm. ¹

1- Nguồn: Internet



Quán cơm đặc biệt của bà phục vụ ít nhất 200 người lao động nghèo mỗi ngày.





Có lẽ bạn cũng giống tôi, không thể cầm được nước mắt khi biết nguyên nhân thực sự khiến cụ bà này làm ăn thua lỗ suốt 55 năm qua...

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(**Tứ Thập Bát Niên**)
TÒA THÁNH TÂY NINH

**DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN LẬP PHÁP
CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Đề Tài Thuyết Trình của NGUYỄN LONG THÀNH Tại
Khảo Cứu Vụ Tòa Thánh Tây Ninh ngày 10-06-1973, dưới
quyền Chủ Tọa của Ngài Bảo Đạo HỒ TẤN KHOA
Hiệp Thiên Đài & Khảo Cứu Vụ

I/- GIỚI THIỆU DANH HIỆU ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới thành hình tại nước Việt Nam trong vòng tiền bán thế kỷ 20. Đây là một trong những tôn giáo lớn đang hoạt động tích cực tại Việt Nam và có một hậu thuẫn nhân dân đáng kể gồm gần ba triệu tín đồ trên tổng số 17 triệu rưỡi dân. Tôn giáo này có một hệ thống tổ chức hành chánh khá chặt chẽ, trung ương đặt tại Tỉnh Tây Ninh xưng danh là Tòa Thánh Tây Ninh. Các cấp hành chánh địa phương là Trấn Đạo (vùng gồm nhiều Tỉnh), Châu Đạo (Tỉnh), Tộc Đạo (Quận), Hương Đạo (xã). Đó là ở Quốc nội còn ở Hải ngoại thì có một Hội Thánh ngoại giáo (Mission étrangère) trung ương đặt tại Phnom-Penh (Cambodge) và các chức sắc, chức việc đại diện ở rải rác khắp các quốc gia, Nhật, Pháp, Mỹ, Congo.

Tôn giáo này xưng danh hiệu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoặc Đạo Cao Đài và người ta quen gọi danh thứ hai nhiều hơn vì ngắn và gọn.

Muốn hiểu rõ tại sao có hai danh hiệu cùng một lúc, chúng ta cần trở lại những ngày đầu tiên trong lịch sử lập giáo. Đạo Cao Đài vốn phát xuất từ một hiện tượng có tính cách thần quyền. Những môn đồ đầu tiên trong tôn giáo này là những người hiếu kỳ thuộc khuynh hướng thần bí, muốn khám phá bức màn bí mật che phủ thế giới vô hình từ ngàn xưa hầu có thể giúp họ giải quyết những vấn đề nan giải tại thế gian, chẳng hạn vận mạng tương lai của chính cá nhân và dân tộc họ.

Họ thực hiện những cuộc thông công bằng phép xây bàn và cơ bút với các chơn linh trong cõi vô hình. Họ đã thành công trong việc khám phá ra những năng lực siêu nhiên và những thực thể linh diệu đang sống động bên cạnh cuộc đời trần tục của chúng ta.

Giai đoạn đầu tiên khởi sự từ năm 1919 với quan phủ Ngô Văn Chiêu, về sau được suy tôn như một vị Giáo Chủ trong một chi phái Cao Đài.

Giai đoạn thứ hai từ năm 1925 trở đi với một nhóm nhân sĩ gồm các ông Phạm Công Tắc, Cao quỳnh Cư, Cao Hoài Sang là những nhân vật đóng vai chính yếu và một số người nữa.

Trong giai đoạn đầu, vị Giáo Chủ vô hình của Đạo Cao Đài thường xưng danh là Cao Đài Tiên Ông hoặc Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giảng cơ dạy cho các môn đệ phương pháp tu thân luyện kỹ. Tổ chức tôn giáo chưa thành hình tướng rõ rệt còn trong tình trạng phôi thai chỉ đơn thuần là khuynh hướng tu Tiên.

Trong giai đoạn thứ hai từ năm 1925 trở đi cũng Đức Cao Đài Tiên Ông này nhưng qua sự thông công của nhóm các Ông Phạm Công Tắc, Cao quỳnh Cư, Cao Hoài Sang lại

xung danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế hoặc Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát và tôn giáo có danh gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hệ thống tổ chức chặt chẽ và qui mô hơn trước.

Vì tính cách lịch sử trong hai giai đoạn phát triển kế tiếp nhau, người ta vẫn quen dùng song song hai danh xưng "Đạo Cao Đài" và "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Tuy nhiên bất kỳ một đoàn thể xã hội nào khi quyết định chọn một danh xưng hẳn phải có một lý do thúc đẩy hoặc muốn nói lên một ý nghĩa chi đó.

Danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được dùng đến trong giai đoạn thứ hai đánh dấu sự trưởng thành của một tôn giáo khởi sự truyền bá sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Chính từ đây tôn giáo Cao Đài mới đóng vai trò quan trọng trong những sinh hoạt của cộng đồng quốc gia và vì thế chúng ta sẽ đề nhiều thì giờ tìm hiểu ý nghĩa của danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Riêng về danh xưng Cao Đài với những người Pháp tò mò về việc cơ bút được giải thích :

Cao Đài là DIEU (Thượng Đế) hoặc Cao Đài là LE TRÈS HAUT (Đấng cao cả) hoặc DIEU TONT PUISSANT (Thượng Đế toàn năng). (TNHT Thánh giáo ngày 8-6-1926 và 1-10-1926)

II/- Ý NGHĨA CHỮ ĐẠO TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Trong tôn giáo Cao Đài người ta quen dùng chữ Đạo với ý nghĩa hết sức bao quát. Qua kinh điển và ngôn ngữ trong sinh hoạt hằng ngày của người tín đồ một cách đại khái chúng ta ghi nhận những nghĩa chánh sau đây:

1/ ĐẠO LÀ NGUYÊN LÝ TẠO THÀNH VŨ TRỤ

Trong trường hợp này chữ Đạo được dùng để chỉ những hiện tượng đã xảy ra liên tiếp như thế nào trong vũ trụ, kể từ khởi nguyên để đạt đến kết quả là có những vì tinh tú, thái dương hệ của chúng ta cùng những sinh vật đang sống trên địa cầu ngày nay. Ý nghĩa này giống như thuyết nói về "Dịch lý" trong triết học Trung Quốc. Đó là con đường biến hóa từ nhất nguyên đến nhị nguyên và tăng số mãi mãi tạo thành hình tượng và những sinh hoạt vô cùng phức tạp của vũ trụ như ngày nay.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển của Đạo Cao Đài có ghi lời dạy của Đức Chí Tôn như sau :

" Khi chưa có chi trong Càn Khôn thế giới thì khí hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực, Thầy phân Thái Cực ra lưỡng Nghi, lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra càn khôn thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là : vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm gọi là chúng sanh (TNHT. TG.1928).

Ở một đoạn khác cũng với ý trên đây nhưng nói rõ hơn về con người và Thần linh.

" Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một chơn thân mà biến càn khôn thế giới và cả nhân loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con mới có chư Thần Thánh Tiên Phật" (TNHT.Q1.tr 48).

Giáo lý này nói rõ sự sanh hóa từ một ra hằng hà sa số và gọi con đường ấy là Đạo. Khi giảng về sự sống chết của kiếp con người Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy :

" Tà mì cũng như hột lúa bị âm mà thúì thì thể nào mọc đặng mà sanh bông trở trái?. Còn bậc chơn tu tử như một hột giống tốt, hễ gieo xuống thì lên cây, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thân, chơn thân lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo" (TNHT.TG 22-7-1926).

Lại nữa khi giảng về nghi lễ, chấp hai tay bắt ấn tý để lạy có nghĩa gì thì Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đã dạy rằng Đạo là con đường sanh hóa do phép âm dương phối hợp :
" Tà là nhật, hữu là nguyệt, vị chi âm dương. Âm dương hiệp nhứt phát khởi càn khôn, sanh sanh hóa hóa Tức là Đạo"

Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao?

" Là nguồn cội của nhơn sanh, lưỡng hiệp âm dương mà ra. Ấy là Đạo. (TNHT.TG.25-2-1926).

Tất cả những dẫn chứng trên đây cho chúng ta thấy rằng nghĩa lý chữ Đạo là con đường sanh hóa ra muôn loài vạn vật khởi từ một gốc duy nhất là hư vô chi khí.

2/- ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG PHẢN BỒN HUỒN NGUYÊN

a)- Cá thể:

Từ nhứt nguyên sang nhị nguyên cái chơn thân của Đấng Chủ tể Càn khôn thế giới ngày nay bị phân chia manh mún để tạo hóa vạn linh và gói gắm vào trong những hình hài dị biệt cái năng lực sống của chính Ngài bàng bạc khắp mọi nơi.

" Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy, Thầy là cha của sự sống." Hoặc nói rõ hơn

" Cái mạng sống là Thầy ". (TNHT.TG1928)

Thế nhưng khi bước sang vòng nhị nguyên thì sống và chết là những giai đoạn kế tiếp nhau, và chỉ có ý nghĩa tương đối. Nói sống là để so sánh với những gì gọi chết và ngược lại nói chết là để so sánh những gì gọi sống.

Vượt lên trên thế giới nhị nguyên ấy chúng ta thấy rằng sự sống chết chẳng qua chỉ là những lần biến hóa của cái chơn thần Đấng Thượng Đế luân chuyển từ trong hình hài này qua hình hài khác, chẳng khác nào chất nước khi thì ở đồng ruộng tắm mát cỏ cây, lúc chảy ra sông nuôi loài tôm cá, khi thì ở đại dương, khi bốc thành hơi nước lúc hóa mây mưa có lúc lại chun vào thân người thành máu huyết, lúc tiết ra mồ hôi, nước tiểu.

Nước ấy vẫn là nước nhưng đã trải qua bao lần biến thể cũng như chơn thần của Thượng Đế đã tự phân chia thành muôn vạn mạng sống của vạn linh, luân chuyển qua những hình thức tử sinh của vạn loại mà khối sống ấy vẫn không hề mất.

Con đường trở về từ vạn linh đến Thượng Đế từ tiểu ngã của mỗi cá thể hòa vào cái đại ngã của vũ trụ cũng gọi là Đạo. Ấy là con đường phản bản huồn nguyên mà các nhà Đạo giáo xưa nay vẫn thường gọi.

Sự trở về với nguồn gốc nguyên thủy, sự hiệp nhất giữa Trời và Người, giữa vạn linh và chí linh cũng được những người tín đồ Cao Đài gọi là Đạo. Giáo lý Cao Đài dạy rằng nơi mỗi con người chúng ta có ba phần quý báu nhất là Tinh, Khí, Thần. Ngày nào ba món ấy hiệp một được thì người tu sẽ thành công, nghĩa là trở về cùng khối đại chơn thần của Đức Chí Tôn mà biến hóa vô cùng. Sự hiệp nhất ấy được gọi là Đạo trong lời giảng giải sau đây:

" Lạy Thần lạy Thánh ba lạy là tại sao? Là lạy Đấng vào

hàng thứ ba của Trời và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt. Ấy là Đạo. (TNHT.TG 25-2-1926)

b)- Tập Thể:

Còn nói về sự hiệp nhưt của những tập thể gồm nhiều sanh linh thì Đạo có nghĩa là con đường trở về nguồn gốc nguyên thủy. Nó được vạch ra phơi bày trước mắt, mời mọc cho người bước lên và cùng đi theo hướng đi ấy. Như một đoàn lũ hành nối đuôi nhau rảo bước mà có kẻ đến đích trước người đến sau, hoặc có kẻ ngã gục giữa đường ấy là tùy ở những bước đi của chính cá nhân họ. Con đường hay Đạo nơi đây có tính cách khách quan như một phương tiện công hiến cho con người. Trong ý nghĩa đó, chúng ta tìm thấy chữ Đạo được dùng để chỉ những tổ chức tôn giáo, các hình thức tín ngưỡng, triết thuyết Đạo giáo. Đạo được bày ra nhằm giúp cho con người biết cách sống đúng với nguyên lý sanh hóa của Trời đất từ nhưt bốn tán vạn thù rồi vạn thù qui nhưt bốn.

" Thầy khai bát quái mà tác thành càn khôn thế giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh càn khôn vạn vật, rồi mới có người nên gọi là Tăng. Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy". (TNHT.TG-24-10-1926).

Dĩ nhiên với ý nghĩa này chữ Đạo dùng để chỉ phần " vạn thù qui nhưt bốn " tức là một nửa chu kỳ của một dòng tấn hóa vì đã được nói quá rõ " Lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy "

" Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mất hết ngôi phẩm" (TNHT- TG- 1926)

Đoạn này còn chi rõ hơn, Đạo là con đường trở về cựu vị tức là nguồn gốc ban xưa, Đạo là phương pháp tu hành hay là công thức để cho nhiều người nương theo đó tìm trở lại phần tinh anh bất sanh bất diệt ngay từ trong những diễn biến hữu sanh hữu diệt của cuộc đời trần tục này, thường gọi tắt là lánh cửa luân hồi.

3)- ĐẠO LÀ NHỮNG QUAN NIỆM LUÂN LÝ XÃ HỘI

Đã bảo rằng "các con là Thầy, Thầy là các con " thì với cái nhìn đầy tính cách nhân bản, Thượng Đế chẳng qua là tập thể vạn linh. Vậy thì ý muốn của đa số con người trên hoàn vũ chính là ý muốn của Đức Chí Tôn.

Những sự cố gắng liên tục của bao thế hệ nằm trong hướng tiến đến những tiêu chuẩn tốt đẹp chi phối cuộc sống của con người dần dần hình thành những quan niệm về luân lý xã hội cũng gọi là Đạo. Ấy là những lẽ phải tương đối do xã hội qui định, có tính cách biến thiên tùy theo thời gian và không gian.

Giáo lý Cao Đài có ghi lại lời xác định của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế về một nghĩa của chữ Đạo đồng với luân lý xã hội như sau :

" Tùy theo phong hóa của nơn loại mà gây thành chánh giáo, là vì khi trước càn vô đắc khán , khôn vô đắc duyệt thì nơn loại duy có hành Đạo nơi tư phương mình mà thôi"

" Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau." (TNHT.TG-24-4-1926)

Nghiên cứu về phong tục và xã hội học chúng ta thấy quá rõ ràng "Bên này dãy núi Pyrénées là chân lý, bên kia lại là sai

lâm." (Vérité en déca des Pyrénées, erreur au delà- Pascal). Ngay cả lẽ phải trong đời sống lứa đôi gọi là đạo vợ chồng cũng thay đổi theo không gian và thời gian. Nơi đây bị kết án là vi phạm luân lý xã hội nghĩa là vô Đạo, nếu người trai kết hôn với con gái của dì ruột y, ngược lại ở xứ khác như Trung Hoa y có thể làm công việc ấy một cách tự nhiên.

Tóm tắt, chữ Đạo trong giáo lý Cao Đài được dùng để chỉ :

- 1- Nguyên lý sinh thành vũ trụ hay nguồn gốc phát sinh mọi vật và mọi việc.
- 2- Sự trở về nguồn trong đời sống của cá nhân.
- 3- Lý thuyết, phương pháp tổ chức giúp cho tập thể con người hướng về nguồn gốc nguyên thủy.
- 4- Luân lý xã hội bày ra có tính cách hướng dẫn đời sống con người đạt đến những giá trị cao hơn các loài sinh vật khác.

Bốn nghĩa chính ấy xếp liên nhau đã cho chúng ta một ý niệm khá đầy đủ về chữ Đạo trong học thuyết Cao Đài, dầu rằng còn nhiều điều chưa được giải rõ và hứa hẹn những sự khám phá mới trong tương lai.

" Đạo nghĩa lý rất sâu xa nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng." (TNHT.TG.1926).

III/- Ý NGHĨA DANH HIỆU ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Nếu xét theo nghĩa lý từng chữ chúng ta có thể hiểu rằng :

- Đại Đạo là con đường lớn.
- Tam kỳ là lần thứ ba.
- Phổ độ là bày ra cứu chúng sanh.

1/- ĐẠI ĐẠO:

Trước hết xin bàn về hai chữ Đại Đạo. Tính chất căn bản trong học thuyết Cao Đài là tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết khác, cho nên nếu không chịu đứng trên căn bản này khi tìm hiểu về lý Đạo, chúng ta sẽ thấy trăm nghìn thắc mắc mâu thuẫn ngay trong lời dạy của Đức Chí Tôn mà nguyên do là tại nơi tâm sai biệt của chúng ta, tại lý trí phân xét lẫn lộn trong vòng tương đối của nhị nguyên.

Trời là Trời, đất là đất, người là người, đâu ra đấy không thể lẫn lộn được. Đó là tính chất của nhị nguyên.

Trái lại Đức Chí Tôn có dạy :

" Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật" Hoặc nói rõ hơn " Các con là Thầy, Thầy là các con."

Và đó là tính chất vượt lên trên cả nhất và nhị nguyên hay nói một cách khác vừa nhất nguyên vừa nhị nguyên gọi là Đạo trong Cao Đài giáo.

Với cái nhìn bao quát này chúng ta xét thấy chữ Đại trong hai tiếng Đại Đạo. Vấn đề được đặt ra cho tất cả các Vị Giáo Chủ là giải quyết cuộc đời. Giải pháp của từng Giáo Chủ xưa nay cũng được gọi là Đạo, nó bao hàm ý nghĩa một thái độ tích cực, một phương pháp hoạt động, một lối sống cho con người. Hiển nhiên với danh xưng Đại Đạo, Cao Đài tự cho mình là con đường lớn.

Những người quen nhìn từ bên ngoài, từ hiện tượng đến tâm linh, vốn quen lý luận trong vòng nhị nguyên khi phê phán về học thuyết Cao Đài thường có chỗ hoài nghi về thái độ độc tôn trong danh hiệu Đại Đạo. Lớn là so sánh với cái gì nhỏ hơn như vậy các hình thức tôn giáo, triết học đã có,

hiện có, đều nhỏ hết hay sao? Nếu trở lại tánh chất căn bản của học thuyết Cao Đài là chấp nhận sự đồng nguyên tôn giáo trong ý thức và sự dung hòa tư tưởng trong cách hành động thì điều dị nghị về một thái độ tự tôn hẳn không còn đất đứng.

Chẳng phải vấn đề sai hay đúng tự căn bản, mà là vấn đề còn hiệu lực hay không của các giải pháp từ xưa được đặt ra. Nhon Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo mỗi chi đều có phương cách giải quyết vấn đề nhơn sinh theo học thuyết của mình, nay nhìn nhận tất cả đều hữu lý, hữu hiệu trong một hoàn cảnh nào đó, thời gian nào đó của các hình thức giáo thuyết vẫn là thái độ căn bản của Đạo

Cao Đài hay cái linh đài cao nhất của một Đại Đạo hay là một mối Đạo lớn. Chữ Đại vì vậy không mang một ý nghĩa nổi bật, vượt lên trên tất cả như một cá thể độc lập và ngạo nghễ mà trái lại chính là sự trải rộng ra, bao gồm tất cả để xem mình là kẻ khác, kẻ khác là mình trong một danh thể chung. Những phần tử lẻ tẻ cấu tạo thành mình, nếu mất đi thì chính mình cũng mất và ngược lại nếu không có sự ràng buộc giữa các phần tử với nhau thì những gì lẻ tẻ vẫn còn lẻ tẻ. Chữ Đại là lớn tìm thấy trong ý hướng chấp nhận sự đồng nguyên với mỗi liên hệ với nhau giữa những phần tử cấu tạo qua trung gian của một nguồn gốc duy nhất, nó từ chối sự giải thích hơn hay kém trong tinh thần hơn thua với một thái độ miệt thị và tôn trọng, nhưng nhận sự thẩm định về mức độ hữu hiệu của các giải pháp với tinh thần cần có nhiều giải pháp đóng góp vào một chương trình chung là giải quyết cuộc đời.

Hiểu như vậy thì Đại Đạo là một mối Đạo cho tất cả, một giải pháp vừa chùng cho tất cả, một đường đi chứa đựng được tất cả, nó không phải là một con đường trong số những con đường mà là cái danh hiệu chung của tất cả các con

đường ấy, nó không phải là lối giải quyết của một vị giáo chủ mà là lối giải quyết của tất cả những vị Giáo Chủ.

2/- TAM KỶ :

Với cái nhìn rộng rãi như vậy, chúng ta hãy lần qua đến chữ Tam Kỳ, nói nôm na là lần thứ ba. Học thuyết Cao Đài chia lịch trình tấn hóa của Nhơn loại làm ba thời kỳ chính. Trong mỗi thời kỳ như vậy đều có một số hình thức tôn giáo nào đó phát sinh để hướng dẫn tinh thần sanh chúng. Mỗi lần khai sinh một hay nhiều tôn giáo như vậy gọi là " kỳ phổ độ". Tam kỳ hay lần phổ độ thứ ba được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo Cao Đài.

Lịch sử nhân loại theo suốt dòng thời gian là một cuộc tranh đấu để sinh tồn và tấn hóa. Ấy là cái lý tự nhiên, nhưng ngặt càng tranh đấu lẫn lại càng ác liệt lẫn, nên đã bao phen Nhơn loại đứng bên bờ vực thẳm của một cuộc diệt vong rộng lớn. Trước nguy cơ diệt chủng ấy, nhiều vị giáo chủ xuất hiện đem lý thuyết Đạo giáo truyền bá trong dân gian mong kéo con người trở lại đời sống hiền hòa. Ảnh hưởng của các Đạo giáo phần nào đã giúp ổn định đời sống xã hội ít nữa trong một khoảng thời gian nào đó, trước khi ảnh hưởng ấy lu mờ dần để nhường chỗ cho những giáo thuyết mới phù hợp với trình độ dân trí hơn.

Song song với sự phát triển tinh thần Nhơn loại theo hai xu hướng thiện và ác, nhiều vị giáo chủ giáng trần bày ra những lối huấn luyện thích hợp đưa con người trở về hợp nhứt với Thượng Đế mà ý niệm phát sinh càng ngày càng rõ rệt. Nơi đây không còn những con số niên lịch chính xác phân định những mốc thời gian giữa các thời kỳ với nhau, vả lại cũng khó làm được như vậy vì sự tiến triển của Nhơn tâm nói chung trên dòng tấn hóa là một sự tổng hợp của nhiều cá nhân xuất sắc và tri độn.

Người ta chỉ còn nhớ lại một cách mơ hồ vào thời kỳ thời tiền sử xa xăm có xuất hiện nhiều vị giáo chủ và những nhân vật lừng danh mà công nghiệp còn được truyền tụng và suy tôn như hàng Giáo Chủ. Cũng không có ai hình dung nổi hình dáng các vị này ra sao, hoạt động đích thực của các Ngài ra sao. Những lời thuật lại trong các truyền thuyết thật là khó mà tìm được như những sự kiện hiển nhiên của những con người bằng xương bằng thịt, nhưng ít nữa nó cũng tượng trưng cho những ý nghĩa có tính cách triết học nào đó.

Sang đến thời kỳ phổ độ thứ hai lịch sử còn ghi sự xuất hiện của :

- Đức Thích Ca chấn hưng Phật Giáo.
- Đức Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo.
- Đức Khổng Phu Tử chấn hưng Nho Giáo.
- Đức Jesus-Christ khai Gia Tô Giáo.

Và bây giờ chúng ta đang ở vào thời kỳ phổ độ thứ ba gọi là Tam Kỳ Phổ Độ. Lần thứ ba là để so sánh với lần thứ nhất và thứ hai trước đây. Lần thứ ba này nói về ba Đạo giáo chính ở Đông phương người ta không tìm thấy những nhơn vật trọng đại giáng trần chấn hưng các mỗi Đạo mà chỉ thấy sự tôn sùng các chơn linh.: Quan Thế Âm Bồ Tát, Lý Thái Bạch, Quan Thánh Đế Quân. như là những vị đặc trách trông coi sự chấn hưng của Phật Giáo, Tiên giáo và Nho giáo. Điều ấy tìm thấy trong ý thức hệ của tín đồ Cao Đài và cách phổ diễn trong nghi lễ thờ phượng, còn những hoạt động của các chơn linh ấy thuộc phạm vi bán hữu hình nên khó lòng kiểm chứng được đối với những kẻ không tin.

Đây vừa kể sơ lược những nhân vật thường được nhắc đến

hiều nhưt trong học thuyết Cao Đài, thế còn những vị giáo chủ các tôn giáo khác trên khắp hoàn cầu thì sao? Xếp vào kỳ phổ độ nào?

Bất kỳ tôn giáo nào, những hình thức tín ngưỡng dù ở phương trời góc biển nào cũng có những hiện thân của Thượng Đế làm đối tượng tôn sùng cho người tin theo, như vậy thì sự liệt kê danh hiệu các vị giáo chủ qua ba kỳ phổ độ như vừa nêu trên chỉ có giá trị tượng trưng cho khuynh hướng muốn bao gồm thống hợp tất cả.

Sự tượng trưng nào lại không chỉ là tương đối nên phải hiểu rằng đằng sau bảng kê khai hãy còn nhiều dấu chấm bỏ lửng hay là một dấu ngoặc chờ đón những sự điền vào tiếp nối khi trí óc tinh thần nhân loại phát triển đến mức có thể hồi tưởng lại hết tất cả những danh hiệu của các vị giáo chủ hoặc những người ở vào cái tư thế như vậy trong xã hội cổ kim.

Như vậy sự phân chia thành ba kỳ phổ độ không có tánh cách máy móc, toán học, nghĩa là cứ sau niên lịch nào đó thì tự động xếp các vị giáo chủ, các hình thức tín ngưỡng tôn giáo nhỏ lớn vào cùng một nhóm với nhau. Trái lại, sự phân chia này có tính cách rất tổng quát, mang ý nghĩa rằng lịch sử nhân loại là một cuộc tuần hoàn hết thịnh đến suy, suy rồi lại thịnh. Cứ mỗi thời kỳ suy đồi, các Đạo giáo như những cố gắng làm phục sinh tinh thần cao thượng của con người hướng về nguồn gốc linh thiêng của mình.

Tam Kỳ phổ độ được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Đạo Cao Đài khoảng đầu thế kỷ 20, nhưng triết lý tổng hợp này đã xuất hiện từ trước và nhiều nơi khác, như ở Đạo Bahai từ năm 1863, phong trào nghiên cứu tôn giáo đối chiếu tại các quốc gia Âu Mỹ từ đầu thế kỷ 20 y như lời xác định của Đức Chí Tôn.

" Thầy chưa giảng cơ lập Đạo tại nước Nam chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng vạn quốc." (TNHT. TG.12-11-1926).

3/-PHỔ ĐỘ :

Như vừa nói trên, chữ phổ độ có nghĩa bày ra để cứu chúng sanh. Hai chữ phổ độ làm chúng ta liên tưởng đến cả một sách lược tuyên truyền, kỹ thuật quảng bá để cho một ý thức hệ đi thẳng vào tim óc của dân gian, ngự trị trong tư tưởng quần chúng để rồi tư tưởng ấy điều khiển hành động của từng cá nhân và tập thể. Đó là thái độ vô cùng tích cực nhằm đoạt đến cái đích tối hậu là độ rồi nhơn sanh thoát cái hiện tại bất toàn của họ. Thiết tưởng cần dẫn chứng điều quan hệ căn bản trong tư tưởng người đệ tử Cao Đài liên quan đến sự có mặt của họ tại thế gian này trước khi đi sâu vào nghĩa lý chữ Độ.

Một đoạn trong bài đầu tiên của quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (quyển thứ nhì) có ghi như sau :

" Cõi trần là chi? Khách trần là gì?

Sao gọi là khách?

Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi, ấy là cảnh sâu để trả xong quả hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần."

Vậy thì quê hương thật sự của con người không phải chỉ ở địa cầu này, nơi đây chỉ là quán trọ để khách lữ hành dừng chân một thuở trên dòng tấn hóa, một nơi để các đấng chơn linh đến học hỏi những kinh nghiệm sống trong cuộc sống trần tục bên trong thi thể của một phàm nhân. Vậy thì cái tư thế là của một người khách tạm ngụ chớ không phải là một chủ nhân ông vĩnh viễn.

Vậy thì quyền tư hữu của con người đối với vật chất trên mặt địa cầu này là vô nghĩa, vì tính chất vô thường của những cái vật chất ấy. Mọi giá trị của cuộc sống được xây dựng trên sự trải dài của cái trường cửu mà trường cửu lại chính là cái tổng hợp của nhiều giai đoạn. Nhằm lẫn giá trị của trường cửu với những giá trị đoản kỳ của các giai đoạn là xuyên tạc học thuyết Cao Đài... Chẳng hạn, lập luận bảo rằng cuộc đời của một người nào đó có nhiều đau khổ, vậy cứ đem giết phúc y đi là xong chuyện

Đó cũng là một cách giải quyết vấn đề nhưng nó được xây dựng trên biện chứng, phản lại tinh thần trường cửu là sự sống của một cá nhân được tiếp nối qua nhiều thế hệ luân hồi hay ít ra sau khi chết cái phần linh diệu nơi một con người vẫn còn tồn tại và hoạt động. Sự độ rỗi cũng phải được xây dựng trên một lập trường như vậy, người sẽ phải vận dụng tất cả mọi khả năng để làm cho người tiến hóa đạt đến chân, thiện, mỹ trên sự trải dài của đời sống vĩnh cửu.

Cái nhìn ấy khác với cái nhìn của người cho rằng hạnh phúc chỉ có trên đời này ngay trong đời sống hiện tại, và chỉ có trong kiếp sống của xác thân, có khuynh hướng qui tất cả mọi giá trị của cuộc sống vào mấy mươi năm xuất hiện trên mặt đất. Trường cửu sẽ trở thành ảo tưởng nếu nó không được xây dựng trên giai đoạn và giai đoạn sẽ có tánh cách cục đoạn nếu nó không được xây dựng trên trường cửu nên mối tương quan mật thiết giữa hai ý thức về hữu hạn và tuyệt đối là thế quân bình trong sự quyết định cách thức hành động khi phổ độ chúng sanh. Nhà đạo giáo nếu không nắm được mối tương quan này hay là độ tiết chế lẫn nhau thường sẽ phải cuốn theo chiều gió một cách thảm thương và thay vì giữ được vị trí của một trọng tài làm quân bình đời sống nhơn sanh lại lấy sức mạnh của khối tín ngưỡng làm gia tốc những sự va chạm lẫn nhau giữa các khuynh

hướng đối nghịch trong xã hội. Tinh thần hay là tư tưởng tuy chẳng có sức mạnh nào cụ thể như súng đạn nhưng khả năng hoán cải cuộc đời không phải là ít, vì vậy những cuộc xô xát ngày nay tuy mang cái vỏ cơ khí rầm rộ bên ngoài nhưng kỳ thật là những cuộc xung đột tư tưởng phát sinh từ các triết thuyết của tiền nhân. Muốn độ rỗi nhơn sanh phải nhắm vào cái gốc phát sinh những mối bất hòa trong xã hội nên phải giải quyết vấn đề tư tưởng như là căn bản của mọi giải pháp. Tư tưởng sẽ chẳng có giá trị gì nếu nó không biểu lộ ra ngoài một cách cụ thể bằng hành động. Độ rỗi vì vậy mang hai ý nghĩa :

Thứ nhất : Hoán cải tư tưởng.

Thứ hai : Ảnh hưởng đến hành động.

Tư tưởng xây dựng trên ý thức đời sống trường cửu, hành động bị trói buộc vào hoàn cảnh và giai đoạn. Nếu hai lãnh vực này hoàn toàn tách rời nhau, nghĩa là nhơn sanh vẫn ý thức được giá trị của con đường thiêng liêng hằng sống nhưng vẫn hành động theo thế tục, hoàn toàn trái ngược với tư tưởng trên đây thì kẻ có trách nhiệm trong Tam Kỳ đã không tròn câu phổ độ.

Phổ độ là bày ra, hẳn nhiên phải bày ra cái gì hữu hình, hữu tướng, cái lớp vỏ, cái áo ngoài tức là cái giả vậy. Kết quả cuộc phổ độ lại là vấn đề của thế giới nội tâm, nên người đi làm công việc truyền giáo mà không độ được chính mình thì chỉ nắm được cái vỏ chớ chưa hề biết được cái ruột. Nói rộng ra những gì hiện có tại thế gian này thấy được bằng nhục nhãn, nghe được bằng nhục nhĩ liên quan đến sách lược truyền bá giáo lý chỉ nằm trong phạm vi giả tạm, nó có tánh cách tùy thuộc vào môi trường và giai đoạn. Người phải xây dựng được đời sống trường cửu cho nhơn sanh thì mới đạt được kết quả sau cùng của việc phổ độ. Nếu như

Tam Kỳ chỉ làm được việc truyền bá giáo lý mà không tạo được đời sống vĩnh cửu cho chúng sanh thì vấn đề đặt ra là giải quyết cuộc đời chưa đi đến đích.

IV/- TIÊU CHUẨN LẬP PHÁP

Giờ xin sang qua điểm thứ hai là quan niệm về Tam giáo và Ngũ chi trong ý thức hệ Cao Đài. Khuynh hướng tổng hợp nếu chỉ thể hiện trong sự liên kết giữa ba mối Đạo lớn là Nho,

Thích, Đạo thì chỉ có giá trị ở Đông Phương mà thôi. Đó là sự lựa chọn một hình thức nói lên ý nghĩa đồng nguyên tôn giáo dễ hiểu nhất đối với quần chúng Đông phương và sẽ trở nên khó hiểu đối với người Âu, Mỹ vì tư tưởng các Đạo giáo này có phần xa lạ trong đời sống thường nhật của họ. Khi bàn đến danh sách các vị Giáo chủ được nhắc tới nhiều nhất trong các kỳ phổ độ, tôi đã nghĩ rằng cần có nhiều chấm bỏ lửng đằng sau bảng liệt kê ấy, những dấu chấm ấy là điều muốn nói trong tư tưởng, còn các tên đã kể ra là cái hữu hạn của ngôn ngữ trong khả năng diễn tả. Mặc dù nêu lên danh hiệu Tam giáo tức là ba hình thức tôn giáo đồng nguyên thì sự liệt kê danh tánh ba vị Giáo chủ là đủ, nhưng ở đằng trước danh hiệu đó lại có chữ Đại trong tiếng Đại Đạo nên cần hiểu ngôn từ Tam giáo qui nguyên như là một cách diễn tả tư tưởng vạn giáo qui nguyên.

Nói cách khác khi nhìn vào Thánh Tượng của chư vị Lão Tử, Thích Ca, Khổng Tử xếp ngang hàng nhau trên bàn thờ, biểu tượng ấy muốn nói rằng tất cả các hình thức tôn giáo trên hoàn cầu đều có giá trị tương đương với nhau là độ rồi chúng sanh bằng một sách lược phổ truyền nào đó thích hợp với từng trường hợp. Những người quen nhìn sự việc trên đời với con mắt nhị nguyên luôn luôn so sánh, tìm bới những điều dị biệt để xếp loại, phân nhóm chia cách người với người sẽ lấy làm thắc mắc tại sao Đạo Cao Đài lại ngang

nhiên nhìn nhận rằng tất cả mọi hình thức độ rồi non sanh của các vì Giáo chủ hay những người làm cùng công việc ấy mà không xưng danh Giáo chủ đều có giá trị tương đương với nhau. Chúng ta há chẳng biết rằng có những tôn giáo có thể lực mạnh hơn các tôn giáo khác có nhiều tín đồ hơn các tôn giáo khác hay sao? Và do đó tại thế gian con người không ngần ngại phê phán rằng tôn giáo này quan trọng hơn tôn giáo nọ hay sao? Chúng ta há chẳng biết rằng có rất nhiều người đi vào trong tôn giáo và sống một cách thực tình rằng chỉ có họ là chánh đạo còn những gì khác họ đều là mê tín dị đoan hay sao?

Nếu chúng ta trở lại lời dạy :

" Các con là Thầy, Thầy là các con "

" Các con là chư Phật, chư Phật là các con".

Thì sự so sánh hơn thua kia chẳng còn ý nghĩa gì hết vì chẳng có sự cách biệt nào nữa giữa ta và Jésus Christ hay Mohamed, giữa ta và Thích Ca, Khổng Tử hay Lão Tử. Tất cả những con người ấy chỉ là sự thay hình đổi dạng của một nguồn sống mệnh mông chảy dài trên dòng thời gian mà mỗi người đều có phận sự phải hoàn thành là thể hiện sự sống ấy một cách đầy đủ nhất trong những môi trường mà mình đang có mặt. Tính cách trường cửu tìm thấy trong ý nghĩa tất cả các giáo thuyết đều có nguồn gốc từ Thượng Đế, đều có cùng sứ mạng như nhau là phổ độ trong ba kỳ xuất hiện từ trước đến giờ. Tính cách đoản kỳ trôi buộc vào trong giai đoạn và hoàn cảnh là sách lược phổ truyền của tất cả giáo thuyết biến thiên theo thời gian và không gian. Một lần nữa khuyh hướng bao gồm, dung hợp trong ý thức hệ Cao Đài lại mở ra theo chiều dọc trên biểu tượng thờ phượng khi chúng ta quan sát từ Thiên Nhãn trở đi thấy một sự sắp bày như sau :

1/- Thiên nhãn.

- 2/- Ảnh Đức Phật Thích Ca.
- 3/- Ảnh Đức Lý Thái Bạch.
- 4/- Ảnh Đức Chúa Jesus Christ.
- 5/- Ảnh Đức Khương Thái Công.
- 6/- Bảy Ngai dành cho bảy vị chức sắc lớn nhất bên Cửu Trùng Đài trong Hội Thánh Cao Đài.

Tách rời Thiên Nhân ra ngoài như một biểu tượng của cái lý duy nhất hay là lẽ tuyệt đối không so sánh vào đâu được chúng ta thấy còn lại năm biểu tượng: Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn xếp hàng nối đuôi nhau đi về lý duy nhất tượng trưng bằng Thiên Nhân. Nơi đây chúng ta thấy những sách lược hành động xuất hiện trên khắp hoàn cầu rải rác theo khắp dòng thời gian mà mỗi ảnh hay bài vị trên bàn thờ tượng trưng cho một khuynh hướng. Năm lãnh vực hoạt động gọi là Ngũ chi Đại Đạo kể từ dưới lên trên là:

- 1/- Nhơn Đạo.
- 2/- Thần Đạo.
- 3/- Thánh Đạo.
- 4/- Tiên Đạo.
- 5/- Phật Đạo.

Chữ Đạo trong Ngũ chi này nghĩa lý thiên về con đường, cách hành động hơn là hình thức phô diễn của một tôn giáo. Vì vậy ở Đông phương chữ Nhơn đạo đồng nghĩa với đường lối giải quyết các vấn đề Nhơn sinh của Khổng Tử, Mạnh Tử... Ở phương Tây là lối giải quyết của Socrate, Esopé, Platon.... Biểu tượng của Nhơn Đạo là bảy cái ngai đặt ở phía dưới chót bàn thờ theo chiều dọc từ trên Thiên Nhân nhìn xuống, trong khi ảnh tượng của Đức Khổng Phu Tử lại xếp ở hàng ngang tượng trưng cho một tôn giáo. Chiều ngang tượng trưng cho những hình thức tổ chức tôn giáo có giá trị tương đồng trong sứ mạng, kéo dài ra đến vô tận trong ý nghĩa và giới hạn trong số ba tôn giáo lớn ở Đông phương

trong cách sắp bày để nói lên ý nghĩa đó. Như vậy chúng ta có thể tưởng tượng rằng bên cạnh ảnh tượng của các vị Giáo chủ: Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử còn có những vị Giáo chủ khác nữa cũng sắp ngang hàng như vậy và mỗi vị này sẽ phải nhìn thẳng vào thế gian mà giải quyết tất cả những vấn đề sau đây cùng một lúc :

- 1/- Đòi sống cá nhân và gia đình trong xã hội,
- 2/- Đòi sống Quốc gia trong cộng đồng Quốc tế.
- 3/- Sự thánh thiện hóa loài người.
- 4/- Con người và những hoạt động trong cõi hư linh.
- 5/- Sự giác ngộ toàn thể chúng sanh.

Không ít thì nhiều những giáo thuyết đều phải đương đầu với những vấn đề nêu trên và có một giải pháp rõ rệt. Có thể một giải pháp chỉ tập trung nhân lực vào một địa hạt nào đó thôi, và bởi sự liên hệ mật thiết giữa các địa hạt, bằng cách tập trung ấy nó đã giải quyết toàn bộ vấn đề gồm năm lãnh vực. Chẳng hạn giải pháp của Khổng Tử đặt trên căn bản lòng nhơn và khi con người phát triển đến tột đỉnh lòng nhơn thì người đã đạt đến mức có nghĩa, lễ, trí, tín, sẽ biết người biết ta, biết quỷ Thần, biết Trời đất. Hành động cho phù hợp với lòng nhơn tức là hành động theo Thiên lý, là đã giải quyết các vấn đề thuộc năm lãnh vực vừa nêu trên. Sự tu thân cho trở thành một người hiền là chuyện của đời sống cá nhân, nhưng cá nhân là một phần tử trong cộng đồng quốc gia cá nhân cũng là một phần tử trong xã hội bị chính trị chi phối nên sự tu thân nhìn dưới góc cạnh khác lại là một cách giải quyết vấn đề cải thiện đời sống cộng đồng quốc gia. Cá nhân cũng là một phần tử trong xã hội loài người nên nhìn dưới một góc cạnh khác nữa, sự tu thân của cá nhân cũng là một cách giải quyết vấn đề thánh thiện hó loài người. Cá nhân cũng mang nơi mình một Thiên mệnh nên tu thân cũng là cách giải quyết vấn đề đời sống con người trong mỗi

tương quan giữa thế giới hữu hình và vô hình. Với cái nhìn bao la hơn nữa chúng ta sẽ thấy rằng cá nhân con người là một sanh linh như biết bao sanh linh khác giống đang ở lẫn lộn cùng mình cho nên chuyện tu thân cũng là cách giải quyết vấn đề thức tỉnh toàn cả vạn linh. Lòng nhân không chỉ giới hạn trong mối tương quan giữa người và người, nó còn mở rộng đến các loài sanh vật khác. Chúng ta há chẳng từng nghe lời kết án những kẻ bạc đãi, hành hạ thú vật là hạng người vô nhân hay sao?

SƠ ĐỒ AN VỊ THÁNH TƯỢNG

Thiên nhân, Tam giáo, Tam trấn, Ngũ chi
Trong Pháp Chánh Truyền chú giải đoạn nói về quyền hành của Nữ Đầu Sư Đức Chí Tôn có giảng về cách an vị Ngũ Chi như sau:

" Tọa Thánh dạy mặt ngay hướng Tây tức là chánh cung Đoài, ấy là cung Đạo còn bên tay trái Thầy là cung Càn, bên tay mặt Thầy là cung Khôn đáng lẽ Thầy phải để Bảy Cái Ngai của phái nam bên tay trái Thầy, tức bên cung càn mới phải, song chúng nó vì thế Nhơn Đạo cho đủ Ngũ Chi cho nên Thầy buộc phải để vào Cung Đạo là cung Đoài cho đủ số."

THIÊN NHÂN

LÃO TỬ
QUAN ÂM

THÍCH CA
LÝ BẠCH

KHÔNG TỬ
QUAN THÁNH

JESUSCHRIST

KHƯƠNG THÁI CÔNG

GIÁO TÔNG

CHƯỜNG PHÁP

ĐẦU SƯ

Tóm lại, hoạt động của một cá nhân con người có ảnh hưởng

đến tập thể vạn linh, và đời sống của vạn linh chi phối đời sống cá nhân, mà đời sống vạn linh là một phần của đời sống chí linh hay nói cách khác cái sống của vạn linh là cách thể hiện cái sống của chí linh trong vòng sắc giới, cho nên Khổng Giáo khởi đầu giải pháp của mình bằng sự tu thân như là dùng cái chìa khóa mở toan vòng dây xích gồm nhiều mắc nối với nhau.

Có thể bằng cách tập trung hoạt động vào một trong năm lãnh vực vừa nêu trên, các vị Giáo chủ đã thật sự giải quyết toàn bộ vấn đề nhân sinh do tính cách ảnh hưởng dây chuyền giữa các hoạt động của đời sống vạn linh. Đường lối hoạt động của các vị Giáo chủ vì vậy được xây dựng trên cái trường cửu là cuộc sống của con người bất diệt, nhưng lại biến thiên với thời gian và không gian. Vậy thì Thần, Thánh, Tiên, Phật là cái danh hiệu của người đã thành công theo đường lối tu hành do các vị Giáo chủ bày ra. Nói khác đi, bởi hành động như vậy nên mới có tên như thế. Chẳng hạn người vẫn xưng tụng Đức Khổng là Thánh trong danh hiệu Khổng Thánh Tiên Sư thì Đức Khổng lại dạy về Nhơn đạo là cái lối làm người phải ra sao, phải hành động như thế nào khi làm vua, làm quan, làm dân cùng với những đức tính tốt: Nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín, công, dung, ngôn, hạnh.... kẻ chấp nhận theo học thuyết của Đức Khổng và thành công trong cuộc sống theo lời dạy này có nghĩa là kẻ đã tròn câu nhơn đạo. Ngũ chi phục nhứt là năm lối giải quyết của tất cả các vị Giáo chủ xưa nay đều hội ngộ với nhau trong giáo thuyết của kỳ ba phổ độ là giáo thuyết Cao Đài. Tất cả giải pháp ấy đều nhằm hướng dẫn con người sống cho phù hợp với cái sống của Trời đất đang diễn biến không ngừng. Sự trở về nguồn hay hợp cùng đại ngã hay là đắc nhứt, được cứu rỗi hay là được trở về cùng Chúa, đạt đến Chơn Như cũng chỉ là những danh từ diễn tả khác nhau ý nghĩa đặt mình vào

trong cái sống của Tạo Hóa. Nhận định như vậy mới tránh khỏi sự nhầm lẫn rằng học thuyết Cao Đài có tính cách độc tôn không thừa nhận các giáo thuyết khác. Tóm lại, xin phân biệt khác nhau về ý nghĩa giữa Tam giáo và Ngũ chi như sau

- Nhơn đạo: là lối sống theo thuyết của Khổng Tử, Socrate, Platon, Esope....
- Thần đạo: là lối sống theo Khương Thái Công, những nhân vật mô tả trong Hy Lạp Phong thần, Ai Cập Phong thần.
- Thánh đạo: là lối sống theo Jesus Christ, Mohamed.
- Tiên đạo: là lối sống theo Lão Tử, Dương Châu, Mặc Định những nhân vật gọi là bàn môn, Thầy phù, bóng chàng, đồng cốt...
- Phật đạo: là lối sống theo Thích Ca Mâu Ni, Pythagore.

Đó không phải là năm tôn giáo mang danh hiệu "Tôn giáo Nhơn" "Tôn giáo Thần" "Tôn giáo Thánh" "Tôn giáo Tiên" "Tôn giáo Phật" giống như tôn giáo Cao Đài, tôn giáo Hòa Hảo, tôn giáo Bahai..v.v.. mà là năm lối giải quyết vấn đề nhân sinh của nhiều tôn giáo. Như vậy chữ Phật giáo trong Tam giáo (Nho, Thích, Đạo) khác với Phật đạo trong Ngũ chi (Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo) cũng giống như chiếc thuyền Bát Nhã khác với ý nghĩa một Bát Nhã thuyền.

"Thuyền Bát Nhã" là một chiếc thuyền bằng cây chạm trở hình rồng dùng để chở quan tài người chết đi chôn, còn Bát Nhã thuyền lại chỉ mỗi Đạo dùng để cứu vớt chúng sanh ra khỏi bể khổ đưa họ về bờ ngạn. Một đàng là cái hình tướng, một đàng là cái nội dung. Vậy thì nói Tam giáo qui nguyên là ý muốn tổng hợp tất cả hình thức tôn giáo làm thành một hình thức duy nhất, Ngũ chi phục nhất là muốn thống hợp tất cả nội dung các giáo thuyết làm thành một nội dung duy nhất chớ chẳng chỉ rằng lạ.

Xin trích dẫn một đoạn Thánh giáo trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển của đạo Cao Đài :

" Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ chi Đại Đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây thành chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, khôn vô đức duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng Càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt".

Xem thế, thì triết lý Cao Đài có một điểm nổi bật đặc sắc là tính chất thống hợp và thái độ hòa hoãn. Bởi sứ mạng làm nơi trung gian cho tư tưởng nhơn loại hiệp đồng nó phải mở rộng cửa đón nhận mọi luồng tư tưởng, nghiên cứu trên căn bản hữu thần nghĩa là có một Thượng Đế luôn luôn ở trong tâm trí làm hậu thuẫn để cho sách lược phổ truyền được thích ứng với từng thời đại.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Chương quản cơ quan Hiệp Thiên Đài hay chơn thần của tôn giáo Cao Đài, cơ quan đầu não hữu hình phát sinh ra tư tưởng Cao Đài qua hình thức cơ bút, đã minh xác :

" Đạo Cao Đài là một tôn giáo do Lương tâm vi bản, lấy cả triết lý toàn cầu đặng làm căn bản hầu làm trung gian cho các tư tưởng hiệp đồng đặng dìu dắt nhơn sanh hồi thiện."

Chúng ta lại hiểu rằng tư tưởng vốn vô cùng chịu theo thời thế đặng nâng đỡ trí thức nhơn sanh tạo thời cải thế, thì nay nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức nên triết lý ấy không cho phép nó tự đóng khung hình tư tưởng trên dòng thời gian, bởi tự bản chất nó không có sự cách biệt nào với kẻ khác như là một đơn vị đối đầu cùng những đơn vị. Từ chối

thái độ cởi mở như vậy là chỉ có "sở" mà không có "dung". Có "sở" là vì đang nằm trong một học thuyết tự nó là "đại" lại không dùng tính chất ấy làm cho nó lớn ra cả về phẩm lẫn lượng nên gọi là thiếu "dung". Nói cách khác chẳng phải vì cứ có người nhập môn làm tín đồ, chấp nhận tín điều thì tức khắc có được một Đại Đạo, mà trái lại từ trong lãnh vực tư tưởng của người theo thể hiện ra cho đến bên ngoài cử chỉ, hành động, lời nói, nhứt nhứt chẳng còn dấu vết nào của sự phân cách, cũng không còn thấy mình lớn hơn, vắng bật hết tất cả những thắc mắc phát sinh tự đối tính của thế giới nhị nguyên mới gọi là Đại Đạo. Đó là trạng thái tinh thần và phương cách hành động của những bậc chơn tu đắc đạo dù trước kia họ đi theo hình thức nào cũng vậy.

VI/- KẾT LUẬN

Tổng hợp là điều trong nội tâm, hòa huân là cách biểu hiện bên ngoài, chúng ta đừng nhầm lẫn nội tâm với biểu hiện.

Biểu hiện nào cũng thiếu sót trong khi nội tâm lại chứa đầy không thể nào diễn tả hết được. Biết được khuyết điểm ấy của hiện tượng giới nên Thần học Cao Đài vừa duy lý lại vừa duy linh, sách lược phổ độ của Tam kỳ vừa dựa trên phân tích và luận lý lại vừa dựa trên sự truyền cảm tinh thần, nói tóm tắt là truyền thần. Đặc tính này trong Thần học làm sáng tỏ hơn tính chất dung hợp và thái độ hòa huân của học thuyết Cao Đài khiến cho những ai thường phê phán qua những nhận xét về sự biểu hiện khiêm khuyết của thái độ, của hành động nơi người tín đồ phải đặt ại vấn đề triết lý của học thuyết Tam kỳ. Qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ chi không phải là sự kết nạp ô hợp, trong đó những điểm dị biệt được nối liền nhau bằng những cái móc thô kệch gò bó, không phải là một sự kết nạp trong đó có những dị biệt là những điều căn bản đáng được bàn cãi và phải được đưa lên

hàng đầu của vấn đề. Đặc biệt là những biểu hiện bên ngoài với thời gian và không gian của sự đồng nhất bên trong. Nói rõ hơn chủ trương qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ chi làm cho Đạo Cao Đài trở thành một tôn giáo chứ không phải một hiệp hội của nhiều tôn giáo. Trong tôn giáo ấy người theo sẽ thấy rằng chữ Nhơn đạo không còn là cái gì cách biệt với Thiên Đạo. Thiên đạo là sự trải dài trên trường cửu, nhơn đạo là sự dự phần vào cái vô tận ấy. Đại Đạo là nội dung mà Ngũ chi là cách biểu hiện trong vòng sắc giới nên Đại Đạo hay Ngũ chi vẫn là một tuy rằng học thuyết ấy có đặt thành hai danh từ như vậy.

Kiểm duyệt Kinh Sách
Ngày 22 tháng 02 Giáp Dần.
(DL. 15-03-1974)

HT. Nguyễn Long Thành **(1942-1998)**

- 1*- Con đường của người đệ tử Cao Đài .
The Path of Cao Đài disciple.(bản Anh Ngữ)
- 2*- Danh hiệu & Tiêu chuẩn lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- 3*- Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo Cao Đài.
- 4*- 24 giờ Đạo.
- 5*- Thánh Ngôn Yếu Lược.
- 6*- Đời sống người tín đồ Cao Đài.
- 7*- Quan niệm tu chơn.
- 8*- Luận Đạo sưu tập.
- 9*- Thánh Ngôn tuyển tập
- 10*- Đường vào cõi tục.
- 11*- Đời người.
- 12*- Bí pháp.



Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp

(năm 1946-1947)

(Tiếp theo từ TSTĐ số 64-số 69)

48*- DÂNG TAM BỬU

**Đền Thánh đêm, Mừng một tháng Chạp, năm Đinh Hợi
(Đl. 11-01-1948)**

Bản Đạo xin nhắc lại một phen nữa, khi nào hành lễ lúc dâng Tam Bửu. Hễ dâng Bông lên là dâng cái Thể Hình của chúng ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Khi dâng Rượu cầu nguyện: “Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Khi dâng Trà cầu nguyện: “Con xin dâng cả Linh Hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Câu chót nếu ta khôn ngoan nguyện như vậy: “Cả Linh Hồn, cả Trí Não, Cả Hình Hài con, Thầy đào tạo đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”. Đó ta cầu nguyện như vậy với Chí Tôn.

Bản Đạo đã giảng Tam Bửu, tại sao Chí Tôn lấy Bông tượng trưng Hình Hài, Ngài muốn nhìn con cái của Ngài bằng cái giá trị tốt đẹp như con mắt ngó thấy cái bông.

Ngài lấy rượu là muốn tinh thần của loài người cường liệt như rượu mạnh vậy.

Ngài lấy trà là muốn chơn linh ra điều hòa như trà vậy. Ngài

lựa 3 món đó cốt yếu là vậy.

Ngày nay Bàn Đạo giảng 3 Ngôi hiệp nhứt của Đức Chí Tôn, cả thả mỗi phen vào Đền Thánh năm sanh khí tạo cả Cơ Quan hữu hình này, dầu sắt đá cỏ cây, cả thú vật vạn linh hữu tướng, thuộc về Tăng.

Đứng đầu tiên là Chí Tôn tức là Phật nắm cả Cơ Quan bí mật, tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ.

Đạo này, Luật thế này, Đạo kia, Luật thế khác, nhưng không khác hơn Phật Giáo.

Giả như Thánh Giáo Gia Tô cũng có 3 Ngôi (La trinité): Le Père, Le Fils et Le Saint Esprit (Đức Chúa Cha, Đức Con và Đức Chúa Thánh Thần). Đức Chúa Cha là Phật, Đức Chúa Con là Pháp, Đức Chúa Thánh Thần là Tăng.

Không Đạo giáo nào thuyết minh rõ ràng Cơ Tạo Đoan, lấy thuyết Hỗn Độn Sơ Khai phân chia: Khí chi khinh thanh thượng phù giả vi Thiên, khí chi trọng trực hạ ngưng giả vi Địa. (Hễ khí thanh thì lên Trời, khí trọng thì hạ xuống đất).

Cả vật loại hữu tướng này có 2 quyền năng sản xuất:

1 – NGÔI CHÍ TÔN.

2 – ĐỨC MẸ.

Cả quyền năng ông cha chúng ta, đào tạo thế nào, ngày nay quyền năng Chí Tôn cũng đào tạo thế ấy, mà bà Mẹ chúng ta thế nào thì mặt luật ấy không khác nào quyền năng vô tận của Phật Mẫu dùng đặng đào tạo Càn Khôn Thế Giới, chúng ta không biết, không thể đoán được, luật ấy không xa.

Chí Tôn là Phật, Phật Mẫu là Pháp, Càn Khôn là Tăng, mặt địa cầu này đến 3,000.00 (Ba ngàn) Thế giới cũng là Tăng.

Nắm quyền trị thế là Hạo Nhiên Pháp Thiên, chính quyền năng Chí Tôn định, địa cầu này không định khác, chỉ có một mặt Trời này, không có mặt Trời khác, trong 24 giờ có một ngày, Đấng cầm quyền trong Pháp Giới là Hư Vô Cao Thiên, vâng mạng lệnh Hạo Nhiên Pháp Thiên làm cho Vũ Trụ khỏi tương tàn với nhau. Địa cầu này nếu không mặt luật đạo đức thì sanh ra loạn xôn con người không chắc sống.

Bây giờ chúng ta quan sát Hồn Nguơn Thượng Thiên, ngày nay Đức Phật Di Lạc ở nơi Hồn Nguơn Thiên cầm cả hành tàng Càn Khôn Vũ Trụ, giờ Ngài đương cầm quyền cả vật loại.

Trước khi nguyện lấy dẫu và niệm: Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng, dám chắc thật đích xác 3 ngôi ấy chưa ai biết rõ.

Ngày nay Bản Đạo giảng: Phật là gì? Phật là một Đấng toàn tri, toàn năng, người ta lầm lạc tưởng không thấy hình dạng là không có người, thế gian lầm lạc nhiều lắm. Họ quả nhiên là người sống hiện tại, chỉ khác hơn chúng ta, là không có thi hài mà thôi. Đấng toàn tri, toàn năng ấy là Đấng đầu tiên hiệp lại với Chí Tôn.

Bản Đạo đã giải nơi Phật có ba cảnh đặc biệt:

1 – Hạo Nhiên Pháp Thiên tương liên hiệp một cùng Đức Chí Tôn.

2 – Hư Vô Cao Thiên thuộc về Pháp giới cầm cả luật Thiên Điều.

3 - Hồn Nguơn Thượng Thiên thuộc Tạo Hóa thuộc Tăng. Phật vị có 3 đẳng cấp ấy đương nắm cả quyền năng Càn Khôn Thế Giới.

Phi Tướng Diệu Thiên nắm quyền hành tạo đoan loài người thuộc Phật, đồng thể với Phật.

Tạo Hóa Huyền Thiên thuộc Pháp và có 3 quyền tạo đoan thể giải hữu hình này vô cùng tận. Tạo Hóa cầm sanh khí để tạo sanh vật.

Phi Tướng Diệu Thiên, Tạo Hóa Huyền Thiên. Bây giờ tới Phi Tướng Diệu Thiên lãnh phận sự nơi Đức Chí Tôn cầm nguơn khí của con người, giữ sanh mạng vạn vật kêu là vạn linh.

Tới Tạo Hóa Huyền Thiên, Phật Mẫu cầm Pháp chuyển cơ sanh hóa không cùng tận, cả loài người, cây, cỏ, sắt, đá, cũng tấn lên phẩm người nữa, là nhờ tay của Đức Phật Mẫu nắm Pháp biến xuất. Cả thi hài chơn linh, trí não, pháp thân, luân chuyển, sanh sanh, tử tử. Nợ sanh tử ấy là bài học của Tạo Hóa trong các cơ thể ấy, loài người học làm đặng biết, đặng chi? Đặng tạo Pháp thân huyền diệu được toàn thiện, toàn mỹ, toàn tri, toàn năng như Phật Mẫu đã làm, ta làm đặng học hỏi tạo Pháp thân do quyền lực thuộc Pháp, hình hài xác thịt thuộc Tăng thấy chúng ta thay đổi lẩn lóc trên đường sanh sanh tử tử cũng như Phật ở tối cao tối trọng, gần Chí Tôn là Hạo Nhiên Pháp Thiên. Các Đấng ấy hữu sanh hữu tử tri khổ nghiệp chướng vạn linh năng du ta bà thể giải độ tận vạn linh đắc qui Phật vị.

Các Đấng đó, đã chịu như chúng ta ngày nay đặng đi đến toàn thiện, đặng toàn tri, toàn năng, họ đi trước, mình đi sau, họ cao mình thấp thôi, con đường họ đi mình cũng sẽ tới. Một điều ta nên để ý hơn hết, là chúng ta phải hiểu rằng: mặt thể này chưa biết ai cao ai thấp. Nơi Hạo Nhiên Pháp Thiên một vị Phật Cao Trọng Toàn Tri Toàn Năng gần như Đức Chí Tôn nữa mà xuống tại thể này đặng học, bài học khổ

dám làm kẻ ngu dốt lắm.

Chúng ta thấy hình thể một vị Phật Mahasarouth là một vị Chí Phật như Đức Cakya Mouni đến thế gian bưng bình Bát Du để xin cơm đặng nuôi kẻ khổ. Một người ăn mày ở thế gian như vậy mà nơi cửa Hư Không lại có quyền năng vô tận vô đối đến Đức Chúa Jésus Christ là một vị Christna Vichnou đệ nhị kiếp Chí Tôn Giáng Linh xuống làm một vị bần hàn khổ não để đi xin từ chén cơm, từ miếng bánh mì đặng nuôi kẻ đói khó. Đó là bài học trước mắt phàm chúng ta đã thấy.

Đấng Tạo Đao đưa tay xin cho loài người ăn, đó là Người cầm quyền năng nuôi khắp vạn vật Càn Khôn Vũ Trụ. Thế gian chưa hề thấy và chưa hề biết.

*- Kỳ sau Bản Đạo sẽ giảng tiếp.

* * *

49*- LỄ KHÁNH THÀNH VĂN PHÒNG HIỆP THIÊN ĐÀI

Đức Hộ Pháp ban huấn từ nhân ngày Lễ Khánh Thành Văn Phòng Hiệp Thiên Đài

Ngày mồng 8 tháng Chạp đing Hợi (DL. 18-01-1948)

Các bạn Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện Nam, Nữ.

Tương từ khi tôi đã phé đời, hiến mảnh thân phàm này cho Đức Chí Tôn làm khí cụ tạo cho nước nhà Việt Nam một nền Tôn Giáo này, không ngày nào được phần thưởng vô giá như ngày hôm nay, mà chỉ có một ly rượu. Theo sự hưởng ứng của các bạn biết, nếu con người ta lấy cái sức lực phàm làm môi giới cho cái sở hành riêng, thì hẳn không ai can

dảm chịu. Có những người đã thả mình vô cảnh thảm khổ, với một sự vui tươi, thì từ xưa đến giờ chưa có. Tại sao vậy? Tôi đã hiểu bí mật ấy, tôi hiểu cả, nên cho các bạn hiểu.

Các Đấng tự hữu, hằng hữu, thiên hạ tưởng không có, họ làm từ trước, người ta tưởng Đấng ấy không có, Đấng ấy đã có từ tạo thiên lập địa, tôi biết tôi hiểu, tôi đã chịu khổ não để thay thế hạnh phúc cho đời là do nơi đâu? Không phải tại nhà tôi hay tại tôi, chưa chắc do nước Việt Nam chăng? Đó là do toàn Nhơn loại. Đấng Cha lành ấy dầu thấy con bạc bẽo thế nào, Đấng ấy cũng còn thương yêu. Sự thương yêu của ông Cha lành, nó truyền nhiễm tôi, do nơi chỗ tôi nghe được, tôi hiểu được, biết rõ đấng Người.

Đấng ấy có mơ mộng gì vô hạn? Nhứt là Ngự Mã Quân của Chí Tôn biết trước hơn ai hết, bởi vì Ngài có dạy, trước hết là Ngài bỏ Huỳnh Kim Khuyết, bỏ Thiên Cung đòi xuống trần dạy con cái của Ngài lập phương giải khổ. Nếu tôi không lầm, cơ bút đã cho tôi biết các bạn Hiệp Thiên do nơi đâu sản xuất? Do để giữ quyền Thiêng Liêng nên mới có 12 vị Thời Quân, Thập Nhị Địa Chi, tức là cảnh Thiêng Liêng vô hình của chúng ta. Tôi tưởng tấn tuồng tôi đã làm trọn và làm nơi cõi vô hình. Ngày kia về Thiêng Liêng các bạn sẽ thấy hình tối đại tối thiểu. Phận sự tôi đối với các bạn nó có thâm tình vô hạn, vì đồng tâm, đồng chí, một mục đề xướng cả thầy đều nghe chịu một hoàn cảnh, Bản Đạo làm không hết, số là tại Bản Đạo và các Bạn Hiệp Thiên Đài đã hứa với Chí Tôn.

Bản Đạo lo cho toàn cả Nhơn loại hoàn cầu, chớ không phải thương một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, một quốc gia nào, không phải làm tôi mọi cho Đời, làm tôi mọi cho Đạo, nhưng vì cái năng lực vô hình kia mà thôi.

Trước khi lãnh lĩnh trên Bạch Ngọc Kinh tạo nên Chơn Giáo, Chí Tôn quyết định có chính Ngài giáng thể mới được, Ngự Mã Quân không cho, bắt buộc phải có người thay thế cho Ngài tức là Thánh Thể của Ngài tại đây.

Ngài đi mà không cho thì phải có hình ảnh thế cho Ngài mới được. Hình ảnh của Ngài là Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên. Hộ Pháp có khôn ngoan nào hơn là cầu khẩn cho có người đến với mình dựng tạo Thánh Thể đó, chớ một mình Hộ Pháp xuống không thể được, nên phải cảm dỗ Cung này Điện kia, đến Cửu Thiên Khai Hóa, biết chắc làm được mới đi.

Các bạn cứ làm đi, vì cái phận sự đối với thế gian, đối với lời hứa ở trên kia, mặt cân không biết đồng chưa? Lời hứa trước kia, sự làm bây giờ, biết hai cái đó có đúng không? Bần Đạo làm mãi không biết làm sao cho rồi, nào lo cho Cửu Trùng, rồi đến Phước Thiện, đầu óc của Hộ Pháp đã chịu thâm giao cùng các bạn, cứ làm mãi thôi, sống giờ nào làm giờ nấy. Không phải kiếp này tại đây có Thánh Thể, không phải tại xứ Việt Nam ta mới có, chúng ta chỉ là người cặm bông tiêu thôi, chớ không phải người tạo, chúng ta sáng lập là để cho đoàn hậu tấn, vì chúng nó đứng chàng ràng, không biết đưa nào gánh vác đảm đương.

Bần phận làm anh phải tạo nghiệp cho em, mở đường trước cho con cháu đi, sau nhờ có chúng nó Thánh Thể của Chí Tôn mới tồn tại. Thầy không phải đến một kiếp này thôi, mà đến phải ở đời đời, không phải Thánh Thể đương nhiên họ sẽ đến nữa hay đã đến rồi, nó còn lộn xộn không biết đưa nào.

Biết còn nữa thì tức nhiên phải mở con đường cho chúng nó đi vào tạo nghiệp cho chúng nó. Tôi là đầy tớ của Đức Chí

Tôn, biết có bao nhiêu đó cứ đảm nhiệm cương quyết nâng đỡ Đạo và Đời thôi.

May một điều là tôi còn thiếu với Đức Chí Tôn, tôi xin đầu kiếp, thiếu hay không mà kiếp này tôi đã là tên dân nô lệ cho nước Việt Nam, đã chịu thống khổ tâm hồn lẫn hình thể trên 35 năm.

Tôi không xin, tôi biết tại sao tôi đầu kiếp xuống dân Việt Nam, tôi cảm kích vô hạn, nào chịu khổ, nào chịu bạc nhược và yếu hèn. Tại thấy như loại đau đớn Chí Tôn mới đến mở một nền Tôn Giáo, làm một khối sanh quang cho toàn nhưn loại, đó là cái danh dự của nước Việt Nam đã chịu khổ.

Vì cái tình của Chí Tôn đối với dân tộc Việt Nam nên tôi thì thân phải chết mới đền bồi xứng đáng.

Còn một việc khác nữa là Ngài tạo đầu óc, từ ngày mở Đạo Cao Đài đến giờ, Ngài tạo đầu óc nòi giống Việt Nam để vẫn hồi quốc vận, như thế cũng đủ cho mình đưa sanh mạng mà đổi.

Vậy sự làm của chúng ta phải cương quyết và nhẫn nại đủ điều, không nhút nhác, vui chịu, bởi đã hiểu giá trị ân đức của Đức Chí Tôn như thế nào rồi, muốn trả được hết phải học sách làm đầy tớ của những đầy tớ của Đức Chí Tôn, làm được vậy chừng đó mới trả nợ tình của Đức Chí Tôn đặng./.

50*- LỄ MÃN KHÓA HẠNH ĐƯỜNG

Trường Hành Chánh, lúc 4 giờ ngày 10-12-năm Đinh Hợi (DL. 20-01-1948)

Đề trả lời Bài Diễn Văn của Nguyễn Hữu Lương thay mặt

các vị Lễ Sanh tân phong cảm tạ Đức Hộ Pháp và các vị Giáo Sư.

Đó là áng văn đầy chơn lý đi thẳng vào tâm hồn của Bản Đạo nó có mãnh lực mạnh mẽ lạ thường. Bản Đạo tưởng, nếu cả thầy đồng thật hành đúng theo lời thuyết văn mới vừa đọc đây thì mỗi đạo sẽ lan tràn tốt tươi vô đối. Bản Đạo lấy làm cảm tình, tuy nhiên, mấy em nói bữa tiệc thô sơ, nhưng bữa tiệc này xem lịch sử Đạo trong các bậc Thánh Hiền nước Việt Nam từ xưa nay chưa từng có. Lịch sử của Đức Không Phu Tử từ nhà Châu đến giờ, nay mới sống lại, nó sống với bữa tiệc này thôi.

Quả nhiên từ ngày mở Đạo thì đã tạo Hạnh Đường, nhưng nó chưa có sanh hồn, nay nhờ bữa tiệc này mà nó có sanh hồn hiển nhiên quý báu vô giá vậy. Tuy vậy, không có gì xứng đáng, nhưng Bản Đạo hưởng được một vật quý giá mà từ trước đến giờ chưa hưởng được.

Trước hết Bản Đạo giải nghĩa cái quyền đương nhiên, quyền chánh trị đương nhiên là quyền đời và quyền đương nhiên của Đạo trong thế kỷ 20 này, nền văn minh của Thiên Chúa Giáo truyền khắp cả nhân gian cùng vạn quốc trong hai ngàn năm trước, Đạo Thánh Gia Tô lập quyền Đạo hồi xưa có cảnh tượng như thế nào thì ngày nay nền Đạo Cao Đài của chúng ta cũng thế.

Hiện tượng nền Tôn Giáo của Chí Tôn bây giờ nó giống theo khuôn khổ và cảnh tượng của Thánh Giáo Gia Tô đã truyền, dầu cho ai cũng phải nhìn rằng: cái công trình của Thiên Chúa Giáo với nhơn loại là vĩ đại. Có thể chia ra 2 quyền:

1 – Là quyền đời đương nhiên (Pouvoir temporel).

2 – Là quyền năng của tinh thần (Pouvoir spirituel).

Cái quyền tinh thần ấy biến ra một nền chánh trị đặc biệt riêng của nó như Đền Thánh Vatican ở La Mã là nước trong vạn quốc, một nước về tinh thần. Cái tương lai của Đạo Cao Đài cũng sẽ đi đến đó, không phải mơ hồ mà tin chắc quả quyết như vậy.

Lập quyền Chánh Trị Đạo Cao Đài cũng như nền Chánh Trị Thánh Giáo Gia Tô nơi Đền Vatican 2 ngàn năm về trước. Lúc ấy quyền Đời và quyền Đạo Thánh Giáo Gia Tô chiến đấu và phản khắc nhau trong lúc mà Đạo Thánh Giáo Gia Tô đang tạo quyền hành tinh thần đạo đức. Cái chánh trị của Thánh Giáo Gia Tô lập thành được là nhờ lấy từ mảnh mún tinh thần mà tạo nên khối đó vậy.

Cái chánh trị của Đạo Cao Đài cũng thế, nhưng chỉ có một điều khác là người ta làm trước mình làm sau. Đường đi chúng ta kỹ lưỡng hơn, trước kia tôi tưởng nó phải gặp nhiều trở ngại nguy hiểm như Thánh Giáo Gia Tô đã đi trong 2 ngàn năm mới lập quyền vững chắc và mạnh mẽ đặng.

Còn nền Chánh Giáo của Chí Tôn mới 23 năm mà đã nên hình mạnh mẽ, đó là Đức Chí Tôn ban ân huệ cho nước Việt Nam đặc biệt, từ xưa các vị Giáo Chủ trên mặt địa cầu này chưa đạt được như chúng ta bao giờ. Tuy vậy, chúng ta đã chịu nhiều phen khảo đảo ấy, ngổ lộn lại đối với các nền Tôn Giáo, các vị Giáo Chủ, muôn phần không có một.

Nền móng của Thiên Chúa Giáo tạo ra khó khăn thế nào, chúng ta noi theo sự sáng tạo ấy đặng tạo nên một nền móng nữa, phận sự rất dễ dàng. Nền chánh trị ấy là một nền chánh trị để phân quyền với quyền đời, quyền đời Bàn Đạo chẳng cần luận vì nó là oai quyền như trước mắt mà chúng ta đã

thấy. Bàn Đạo chỉ luận về quyền Đạo của chúng ta mới vừa đạt đặng.

Nó cũng quyền hành như ai, nhưng có một điều trọng yếu khác hẳn là quyền đời và quyền Đạo cách nhau một trời một vực, như bên này và bên kia, mặc dầu không có mức chính giữa đã ấn định, nhưng bên kia xâm lãng qua bên này một chút thì người ta đã thấy. Hai quyền đều đặc sắc không giống nhau đặng. Cây Huệ Kiếm của chúng ta không phải là thiết kiếm của thế gian hữu hình mà là Huệ Kiếm vô hình, tức là tinh thần và đạo đức của chúng ta.

Bàn Đạo đã nhiều dịp nói rằng: Cả Thánh Thể của Chí Tôn là trường quan lại, nếu quan lại của Đạo mà bắt chước đồ theo thể pháp và hình thể của quyền đời, thì xem nó dị kỳ hi hợm lắm. Quyền Đạo nó có hình tướng khác, nó không quái gở và dị hợm như trường đời mà chúng ta xem thấy hiển nhiên đó vậy.

Nếu anh họa sĩ đủ tài, đủ năng lực cầm cây bút họa cho nó nên hình tướng, tướng không có vật báu chi ở thế gian này so sánh được, vì nó có Tiên căn Phật cốt hiện trong đó, để tạo ra hình tướng. Cái hình tướng và tinh thần của Tiên Phật tốt đẹp thế nào không nói ra ai ai cũng biết. Cái hình nó phải muông tượng như thế đó, phải làm cho nó ra hình Tiên, cốt Phật các bạn thử xem Tiên, Phật tốt đẹp thế nào, thì trường quan lại của Đạo phải cầm cây viết Thiêng Liêng vẽ nên hình tốt đẹp như Tiên như Phật vậy.

Nếu rui có một bệt lọ, hay một chút bợn như dính vào thì nó dị hình dị dạng và ô trọc lắm. Nó phải cho đẹp để khô ngô thanh lịch mới đặng. Tỷ như hạng gái kia đi ra đường mà có một bệt lọ lắm trên mặt thì nó đã dị hợm khó coi rồi. Tóm lại là nó phải tinh túy, nếu dính một chút bợn như thì nó sẽ

gớm ghê hình dạng mà chớ.

Tôi nói quyết một điều là Chánh Trị Đạo mà có dính một chút của quyền Đời thì dị hợm xấu xa lắm vậy. Bởi tinh thần không chịu vật chất, vật chất không hề hòa thuận với tinh thần. Trường quan lại của nền Chánh Giáo Chí Tôn khác hơn đời, chúng ta chỉ lấy đạo đức nhơn nghĩa làm quyền, còn ngoài kia họ lấy quyền lực cưỡng bức, hai cái so nhau khác hẳn.

Trong cửa Đạo nếu chẳng biết quyền mình là gì, lại bắt chước đồ theo tâm lý thiên hạ, cưỡng bức vô đạo đức, vô nhơn tình thì quả nhiên sai hẳn. Quyền chúng ta là chỉ lấy đạo đức tinh thần của Tổ Phụ ta để lại trong 4 ngàn năm làm huệ kiếm để bảo trọng quốc hồn của nòi giống thì mới trúng, còn ngoài ra dùng phương pháp khác là sai lầm.

Tôi nói ít mà các bạn Nam Nữ hiểu nhiều, tôi chỉ trông cậy các bạn. Vậy tôi xin để cả sự trông cậy của tôi trong tâm của các bạn, là hình thể của Đức Chí Tôn, thực hành giùm nhơn nghĩa của Chí Tôn đã để trước Đền Thánh cho đời ngó thấy, đặng hưởng lấy hạnh phúc thiên nhiên ngàn xưa để lại là may mắn cho tương lai Con Hồng Cháu Lạc.

Chúng ta hãy lấy Nho Phong làm căn bản, phục sanh Hồn Nước đã điêu tàn, sau 80 năm nô lệ, cho nó phục sanh với cái năng lực làm sống Quốc Hồn của mình trong 4 ngàn năm về trước. Như, thảng ta vẽ được khéo, được đẹp thì người ta đương trông mong cho nó thành tướng. Chừng đó, chúng ta không muốn bán cũng có kẻ mua, chẳng phải một nước Việt Nam này mà thôi, mà toàn cầu vạn quốc nài mua mà chớ.

Nhưng phải làm sao cho nên hình tướng, ĐỀ CỐ ĐỦ QUYỀN NĂNG, BẢO TRỌNG CẢ TOÀN CẦU NHƠN

LOẠI, ĐẶNG TỒN TẠI, sống trong tinh thần đạo đức, trong sự công bình yêu ái của Chí Tôn gieo trồng nơi cửa Đạo. Đến chùng đó, chúng ta có thể trưng tấm bảng lên rằng: NỀN ĐẠO CAO ĐÀI LÀM MÔI GIỚI, CĂN BẢN CHO NỀN ĐẠI ĐỒNG THỂ GIỚI ĐÓ VẬY.

Bần Đạo tưởng ly rượu nồng ngày hôm nay, là ly rượu trường sanh bất tử, bởi đây là nơi sản xuất hột giống trường sanh bất tử. Ly rượu trường sanh này, các bạn đừng khinh rẻ nó.

Trước khi tạm biệt, cảm ơn các vị Giáo Viên và chư vị Tân Phong Nam Nữ đã cho Bần Đạo hưởng được mùi ngon, vị ngọt rất hay ho.

Bần Đạo đề lời cảm ơn./.

51*- LỄ BẾ MẠC ĐẠI HỘI HỘI THÁNH

**Đền Thánh, ngày 13 tháng chạp năm Đinh Hợi
(DL. ngày 23-1-1948) 4 giờ chiều.**

Bần Đạo hân hạnh tỏ lời cảm ơn Chư Thánh Nhị Hữu Hình Đài. Tuy vậy, Bần Đạo không ra tay giúp Hội Thánh vì Chơn Pháp buộc phải như vậy, nhưng cả đôi tháng nay Bần Đạo để tâm theo dõi Hội Thánh từ bước, có nhiều vấn đề không giải quyết được, muốn Bần Đạo đến giải quyết giùm, nhưng Pháp Chánh không cho Bần Đạo định đoạt. Hội Nhơn Sanh có quyền Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh có quyền Hội Thánh, Thượng Hội có quyền Thượng Hội. Cũng như Hội Thánh không được phạm quyền Hội Nhơn Sanh, Thượng Hội không được phạm quyền Hội Thánh. Nghiêm luật ấy đã định chơn chánh mục thước không ai có quyền cải qua đặng, Bần Đạo chỉ giúp về phương diện ngoài mà thôi. Nếu có điều chi trọng yếu giải quyết không đặng, Bần Đạo giúp

chút ý kiến, chớ không dựa vào để hiểu biết gì, trong quyền lực đặc biệt của Hội Thánh.

Trong 2 tháng Bàn Đạo nói thật tình thấy Hội Thánh tấn bộ khá nhiều rồi. Hội Thánh năm nay đã đem ra mặt luật lưu lại cho hậu tấn một khuôn khổ chuẩn đích từ thử chưa xuất hiện.

Một nền Chánh Trị Đạo, không khác gì chánh trị đương nhiên ở các nước Âu Châu. Ở Á Đông này có nhiều nước phát triển như: Nhật, Tàu, Miến, Xiêm cũng có một khuôn khổ nhất định như vậy. Dầu Quân Chủ Lập Hiến hay Dân Chủ Pháp Chánh cũng một mực như nhau, đều chia ra 2 phần:

* Phòng Dân Chủ.

* Phòng Định Luật.

Phòng Định Luật là phòng bảo thủ, Phòng Dân Chủ là phòng tấn bộ. Phòng Dân Chủ của Pháp dưới thời Dân Quyền “La Chambre des Députés”, còn phòng định luật hay Quân Luật nói thật ra họ không có Chúa, nhưng muốn biết phòng quân luật hẳn hoi, xem như nước Anh có “Chambre des Lords”, tức là Sénat của Pháp vậy.

Chánh trị của Pháp thấy hai phần: “Chambre des Députés” và Sénat không dung hòa được, nếu chúng ta chẳng nói nghịch hẳn, họ dung hòa khó khăn lắm. Chánh Pháp muốn dung hòa đặng chi? Đặng diu dắt chánh trị đến con đường tận thiện tận mỹ, mực thước chơn chánh, nếu không vậy không tấn bộ được. Chánh trị chia ra 2 phòng riêng biệt, biết rằng khó dung hòa được, mà khó dung hòa được, thì 2 khối ấy phải đảo lộn.

Chánh Phủ Pháp phải đảo lộn, tương đối sụp đổ biết bao

nhiều lần, chúng ta đều thấy. Thấy các nước Dân Chủ chia ra 2 Phòng, mỗi khi Sénat tức phòng dân chủ bác không tín nhiệm, thì phòng dân chủ phải đổ, tức Nội Các đổ, mà Nội Các đổ tức là Chánh Phủ đổ. Đòi chia ra 2 phòng đặc biệt, Đạo lại khác hẳn. Chơn Pháp của Chí Tôn để hai phòng hiệp một là Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Hiệp Thiên Đài là phòng quân luật, còn Cửu Trùng Đài là phòng Dân Chủ, biểu sao khỏi xích mích nhau. Một đảng bảo thủ, một đảng giục tấn, nếu hai đảng không hòa nhau, đem chơn lý hiển nhiên thì hòa được, còn không lấy chơn lý thì đụng lại chỗ phản khắc, không thể đệ lên thượng quyền mà còn như bọn được. Đó là cái bàn sàng, sàng mãi cũng phải lọt xuống.

Tại Chơn Pháp như vậy, nên Bàn Đạo biết trước cái ngày đôi bên chạm nhau, ngày ấy Bàn Đạo tự nhiên lắm, còn ngoài này toàn Đạo náo động. Bàn Đạo chỉ kêu: “Coi chừng hễ giữa Hội Thánh 2 quyền tương khắc nhau đem lên tới trên, gặp quyền độc tôn thì chịu lấy”. Nên 2 bên hoảng mới tìm phương dung hòa nhau. Đó chỉ nghĩa Bàn Đạo duy mới cầm cây Phướn Thượng Hội rung rinh chớ không có dùng đến quyền gì hết.

Hội Thánh hôm nay đã thành tựu trong thời gian ngắn ngủi sợ e ngày kia Chư Thánh nhiều, quyền hành Hội Thánh lớn thì sự bàn cãi kịch liệt nữa kia. Tương lai đó tưởng chúng ta sẽ ngó thấy.

Từ việc định công nghiệp đến quyền hành, thì Bàn Đạo thấy trong thâm tâm, riêng tưởng cầm cân công bình thay thế Chí Tôn không được chính lịch, hoặc nói được hay không nói được, đừng nói hay là sẽ nói mà thôi, câu này không chính lịch với Bàn Đạo được.

Kẻ nào có dày công cùng Đạo, Bàn Đạo xin bảo lãnh không

có điều chi bất công qua mắt Bàn Đạo được, nhưng thời cuộc chưa đến mức ấy. Ai có dày công cùng Đạo, đừng tưởng Hội Thánh quên công.

Ngày nay không nói đặng có ngày sẽ nói đặng. Hội Thánh không quên được một ai, ắt sẽ quyết định cho.

Ngày nào Bàn Đạo còn đây, không có một điểm gì bất công qua mắt Bàn Đạo được và Bàn Đạo quyết chắc như vậy.

Bàn Đạo xin bẻ mặt Hội Thánh và để lời cảm ơn.

(Đọc Kinh Bải Hội xong, lúc trong Đền Thánh bước ra, Ngài nói: *“Có một điều đáng để ý, tại đây có một vị Đại Thiên Phong Đường Nhon làm đầu Hội Thánh. Ngày sau người ta sẽ lấy làm lạ lắm.”*)/.

52*- GIẢNG 2 CÂU KINH TRONG BÀI KINH ĐẠI TƯỜNG

Đền Thánh, đêm 22 tháng chạp, năm Đinh Hợi (DL.01-02-1948)

Giảng 2 câu kinh trong Bài Kinh Đại Tường:

“Thâu các Đạo hữu hình làm một,
Trường thi Tiên Phật dượt kiếp khiên.”

Lời hứa đặc sắc của Chí Tôn, nó sản phát ra hình dạng của nó, nếu chẳng vậy thì Đạo Cao Đài không ý vị gì cả. Tại sao Chí Tôn quyết định thâu các Đạo hữu hình làm một? Chẳng lạ chi, xác thịt chỉ chia phân tâm lý vạn loại mà thôi, nguyên do ấy vô đối và hại ấy vô trị. Ông Descartes đã nói: ‘Tư tưởng tất nhiên thâu đến mỗi huyền vi dưới thế này,

con người tạo thời cải thế, trước nhứt phải suy đoán, có suy đoán mới hiểu phát hình. Một khi suy đoán định chí hướng đến đâu, thân đến hành tàng nào, không một sự vật gì mà con người không tính trước. Các bậc vĩ nhân cố tâm cần cù học đặng quyết định vận mạng trị dân an bang tế thế. Học đặng suy đoán về tình thế tâm lý của đời. Ví dụ: Như người ăn trộm không phải khi không mà phát hiện tâm lý ấy. Nó có tính ‘ăn trộm’ trước rồi mới làm. Sau mỗi hành tàng thi thố, tức chúng ta đã quyết tâm đem tâm lý tính toán trước, rồi mới làm. Hại thay! Thế gian, nói chung tâm lý của loài người, đặc triết lý chơn thật thì ít, mà trí chí con người không thể đi con đường nào khác hơn sở hướng của chính mình.

Các vị Giáo Chủ đã tiếm tàng đi cho đến con đường ngay chánh. Mấy vị Giáo Chủ đi quá sức tưởng tượng, lập một khuôn khổ không ai theo đặng, nên trong mọi sự việc khó tránh đặng mưu người tìm phương đánh đổ, tìm phương sửa cải. Nếu có nền Tôn Giáo nào, ở thế gian này bị tâm lý nhơn sanh đánh đổ, phải biến thành Tà giáo, tức nhiên là phương phân chia tâm lý, nhiều phe, nhiều phái mới nhiều tâm lý tương đương, thì chúng ta thấy giặc giã chiến tranh vì đó mà khởi hấn, toàn địa cầu tàn sát, tự diệt lẫn nhau bốc khởi. Hại thay! Sự tàn sát mạng sống của cá nhân là diệt bửu vô giá của đời. Chí Tôn là Cha mạng sanh ấy đối với Ngài giá trị thế nào không cần luận giải. Ngài là Cha Thiêng Liêng, ta không thể nói cha mẹ ta tại thế này, sánh với Chí Tôn thế nào cho đặng.

Đau đớn biết bao nhiêu! Nhơn loại không biết nhìn nhau đồng căn bản, đồng cốt nhục và tương tàn với nhau, biểu Chí Tôn khoan tay ngồi ngó cho đặng, nên Người sai người thừa mạng lệnh của Ngài, đến qui con cái của Ngài làm một, đặng tránh nạn tương tàn tương sát, bảo trọng sanh mạng

cho nhau.

Đáng lẽ Ngài phải đến, bắt buộc phải đến, nhưng đến chẳng được, nên con thương yêu của Ngài đến thế cho Ngài, đừng làm trọn vẹn phận sự của Ngài. Nếu đến chẳng đủ điều huyền, ắt vô giá trị và sở hành sẽ vô hiệu lực../

53*- LỄ BÃI TRƯỜNG TẠI ĐẠO ĐỨC HỌC ĐƯỜNG

Ngày 22 tháng Chạp năm Đinh Hợi (DL.01-02-1948)

Mấy vị Giáo Viên như là Lương, mỗi phen có lễ nơi Học Đường, mỗi phen đến dự, nó làm cho Bàn Đạo cảm xúc, đến hề thấy mây nhỏ trước mắt, rồi thấy tình cảnh khổ não đương thời, tấn tuồng khổ sở ấy nó phô diễn cùng các sắc dân và cả toàn quốc của chúng ta. Ngày nay Đạo Đức Học Đường biết đảm nhiệm thì Thầy biết giá trị của mấy con chịu khổ não nhọc nhằn dường nào! Hiện chúng ta có 3 mặt trận Đạo:

Thứ nhất: Mặt trận hình thức, là để chiến đấu với quân tàn bạo sát hại nòi giống quốc dân ta, có chiến tướng, binh sĩ dưới cây cờ Nhơn Nghĩa của Đạo binh Cao Đài về phần xác, phần hữu hình ta thấy để bảo mạng Tín Đồ đạo giáo, để bảo thủ thân sống con người.

Mặt trận thứ nhì: Để chiến đấu về tinh thần trí thức mấy con là chiến tướng, thắng tới, tiến tới và cố gắng hy sinh thắng đảng trận cũng như

Mặt trận thứ ba: Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là Chức Sắc Thiên Phong đã làm chiến tướng thắng cả tâm hồn, bảo thủ nền Quốc Đạo từ mây mù và tô điểm thêm xinh, không có lực lượng nào đến phá hoại nó đặng.

Ba mặt trận ấy thấy hiển nhiên trước mắt cả tương lai rực rỡ sẽ có lời hứa tốt đẹp, trước qua sau tới, giữ nền Quốc Đạo. Nếu mấy em, mấy con không bảo thủ vững vàng, thì sẽ bị phản động lực ngoại xâm hung hiệp, cái tương lai ấy trong tay các em, các con, Thầy có lời yếu thiết gởi gắm cả tương lai rực rỡ đó cho mấy em, mấy con, nghe à..?

54*- LÒNG THƯƠNG CỦA PHẬT MẪU

Tòa Thánh, đêm 24 tháng Chạp, năm Đinh Hợi (DL. 03-02-1948)

Phàm như hễ làm nghề nào, nghề nữ hay nghề nam cũng vậy, nghề nghiệp muốn được sở trường, hay chưa biết làm đặng, thường phải kiếm nhà nghề, nhờ chỉ biểu mới làm đặng.

Mấy chị, mấy em đã thấy tấn tuồng thiên hạ tàn sát tiêu diệt lẫn nhau quá lẽ. Phụ nữ vạn quốc hiệp chủng phản kháng sự chiến tranh và nhứt định không cho đem con cái của họ ra làm bia cho súng đạn.

Tương các chị em, biết mình là nhơn viên cơ Tạo Đoan, nhưt là Phật Mẫu là nhà nghề Tạo Đoan. Mỗi cái gì mình làm được dầu nó là vật vô tri vô giác, nếu có ai đập bể hoặc hư hao mình còn giận, còn đau đớn thay..! Huống chi với tình mẹ con biết bao nhiêu giá trị..! Không ai có quyền nào giết một đứa con của người mẹ, cũng như Phật Mẫu hiện giờ này, trên Ngọc Hư Cung có lẽ Phật Mẫu phản kháng cái nạn tiêu diệt nhơn loại mãnh liệt hơn Bần Đạo tượng tượng nữa mà chớ. Ở dưới thế, đương thấy cái tình cảnh trước mắt, các chị em phải làm chứng cứ cho Phật Mẫu, nạy cả hồ sơ cho Phật Mẫu, để phản kháng cơ tự diệt thiêng liêng trong bảy ngày, làm cho thiên hạ đem cả thống khổ, đau đớn của các bà Mẹ, đưa trong tay cho Bà Mẹ linh hồn là Phật Mẫu, để

Ngài đủ quyền năng, phản kháng giữa Ngọc Hư Cung, hầu giảm bớt cái nạn chiến tranh tàn khốc..! Làm được không? Có lẽ cả thầy đều làm được chứ./.

55*- LỄ ĐƯA CHƯ THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT “ TRIỀU THIÊN”

Đền Thánh, đêm 24 tháng Chạp, năm Đinh Hợi (DL.03-02-1948)

Thôn mỏn mà ngày nay là ngày 23 tháng Chạp năm Đinh Hợi, đây tính lại từ ngày Bàn Đạo về nước đến nay được 17 tháng, được ăn hai cái Tết của quê hương sau 5 năm bị đờ lưu nơi hải ngoại.

Bàn Đạo đã ngộ thấy toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn nam nữ cũng thế, từ nhỏ tới lớn, đã trụ cả đức tin, làm cho Thánh Thể của Đức Chí Tôn ngày thêm đẹp đẽ. Riêng về Bàn Đạo, để lời cảm ơn các Cơ Quan đương nhiên trong nền Chánh Trị Đạo, đã giúp hay cho Đạo trong thời gian ngắn ngủi, đã phục hồi được cái khuôn khổ chơn truyền. Tưởng thật ra từ 17 tháng nay, Hội Thánh làm việc nhiều lắm, cả con cái của Chí Tôn hao biết bao nhiêu tâm não, thi hài, để tô điểm nền chơn giáo của Chí Tôn thêm cao trọng, Bàn Đạo xin cúi đầu để lời cảm ơn toàn cả con cái của Đức Chí Tôn.

Luôn dịp Bàn Đạo cầu chúc tân niên này, cả con cái của Chí Tôn nam nữ, Thánh Thể của Người được tráng kiện tinh thần và hình thể, hưởng được hạnh phúc đặc biệt của Chí Tôn chan rưới và lướt qua hồi khảo đảo truân chuyên, có lẽ buổi hạnh phúc của cả quốc dân chỉ sẽ đến trong chốc lát đây mà thôi, vì dân tộc Việt Nam phải còn truân chuyên nhiều nữa..!

Bảy ngày nghỉ cúng, chúng ta thành tâm cầu nguyện Chí

Tôn cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Bản Đạo quả quyết trong năm này, nếu như tinh thần Bản Đạo không lâm thì nòi giống Việt Nam chúng ta sẽ được đặc ân là độc lập tự do cho Tổ Quốc, độc lập trên pháp lý quốc tế đó vậy. Nhưng muốn cho thực hiện được thực tế, có lẽ cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam còn dài.

Luôn dịp Bản Đạo giải nghĩa tại sao phong tục nhà Nam gọi theo Đạo Phật là đưa Ông Táo về Trời, chớ thật sự là đưa chur Thần, Thánh, Tiên, Phật về triều thiên, tinh thần từ trước vẫn vậy.

Chon truyền buổi Đức Chí Tôn tạo Càn Khôn Thế Giới, Ngài nắm Thập Thiên Can, Thập Nhị Địa Chi trong tay, để định Pháp Chánh Càn Khôn Vũ trụ. Trong thời buổi định Pháp Chánh, ấn định vào khoảng từ ngày 23 đến 30 sáng mùng 1, họp tại Ngọc Hư Cung, đăng định luật giới hạn vi diệu trái địa cầu, chạy theo khuôn khổ hữu định trong năm, cho chí Tân niên là 12 giờ đêm 30, khởi điểm 1 giờ sáng ngày 1 tháng Giêng năm sau.

Luật Thiên Điều trị thế, trị nơi địa cầu này là hình luật Thiên Liêng và ngày giờ này nơi Ngọc Hư Cung kiểm soát định tội phước đó vậy. Càn Khôn Vũ Trụ, đều có Đại Hội lập Luật, trong một năm giáp vòng bửu giới. Nếu trái địa cầu nào chưa được êm đềm, luật Thiên Điều thay đổi khác mỗi năm, chiếu theo tân hóa và tâm lý của nhơn sanh. Nơi Ngọc Hư Cung định Pháp Chánh cũng như trong Càn Khôn Vũ Trụ là: 12 tháng một năm, 12 năm một Giáp, 120 năm một thế kỷ (Nhưng tất cả đều cho rằng 100 năm là một thế kỷ, như vậy không đúng). 1,200 năm là một Giáp, 12 ngàn năm là một Nguơn, 36 ngàn năm là một chuyển. Mỗi phen đáo đến sở hành ngày giờ ấy, có Hội Giác Tiên là thường tại, từ thử đến giờ chúng ta chưa nghe nói, vì 1,200 năm có một

Giáo Chủ giảng thể chính Đạo, bảo thủ tinh thần đạo đức của loài người. Cứ độ 1,200 năm có xuất hiện một nền Tôn Giáo để tiến hóa chuyển thay đời, tính lại địa cầu chúng ta từ buổi phôi thai, có vạn linh nơi mặt thể đến nay được ba chuyển. Nay qua Hạ Nguơn Tam Chuyển, khởi đầu Thượng Nguơn Tứ Chuyển, chẳng khác gì đêm 30 sáng mừng 1 Tết của chúng ta vậy.

Tới mức giữa không gian thì nhọn loại tới hồi khổ não đủ điều, người ta nói là tân thế giới, cái thuyết đó không có đâu, nếu chúng ta dùng lời đặng nói, chẳng qua là 1 Giáp đó thôi, tức nhiên là một nền văn minh Tôn Giáo chớ không phải tận thế.

Kiếp số địa cầu này còn vĩnh cửu, chỉ thay đổi hình thể, vạn loại mà thôi, nó vẫn còn tăng tiến mãi. Chúng ta đã ngó thấy qua chừng một trăm năm trước, văn minh con người không đạt đến mức hiện tượng như bây giờ. Cơ bản bộ tinh thần vật chất dữ dội nhất là trong vòng 50 năm sau. Theo đó mà tính toán lại coi, trong 500 năm nữa, nhọn loại sẽ ra sao?

Phật Giáo nói: Qua sắc dân da trắng, tinh thần vi chủ tới sắc dân Thần Thông Nhọn, qua khỏi dân Thần Thông thì có sắc dân Chí Linh, lúc đó người là Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế. Như vậy còn 2 Sắc Dân nữa cho 500 năm sau.

Mỗi sắc dân vi chủ một nguơn niên, kể 2 sắc dân nữa chưa xuất hiện, ta cũng kể là 30.000 năm nữa đời sẽ thay đổi khác hơn. Nhọn vật và địa cầu cứ tăng tiến mãi, trên con đường tận thiện, tận mỹ, vật xinh, người đẹp, vật bỏ ngu đến khôn, người khôn đến Chí Linh, đến ngày cùng chót toàn là Thần, Thánh, Tiên, Phật xuống ở cõi trần này. Lời Chí Tôn tiên tri và quyết định hẳn hoi:

“Chùng nào đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.”

Ta lấy lớn suy nhỏ, lấy nhỏ so lớn, Càn Khôn tấn triển như thế nào? Bàn Đạo ước mong Càn Khôn Vũ Trụ phát triển cách nào trong mỗi Nguơn niên, Thánh Thể của Đức Chí Tôn tăng tiến theo luật định Thiên Điều, phải đi theo y khuôn luật của con đường Chí Tôn định, tấn triển tới trong năm khai nguơn này vậy.

Bàn Đạo ước mơ sự tăng tiến của Chí Tôn được gia bội, gấp đôi, ba bây giờ mà chớ. Muốn đạt kỳ vọng ấy, Bàn Đạo để cả tín nhiệm nơi tâm lý của toàn cả con cái của Chí Tôn. Tưởng cả thấy đều mơ ước mà làm đặng chẳng là nhờ huyền năng vô tận của Đại Từ Phụ mà thoát đặng.

Chúng ta hãy cầu nguyện, để trọn tâm đức chắc chắn nơi Đức Chí Tôn thì Chí Tôn chẳng hề khi nào hẹp lượng. Chúng ta quyết định xin mà làm nên cho toàn cả con cái của Người, thì Người cho, chắc hẳn vậy./.

C H U N G

DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



SMOG
CHECK



\$33.75

+ Cert.

ĐẶC BIỆT

Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đèn bị
vàng và scratch làm ra
như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt & Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm.

**TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC
ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM**

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy, hộp số. Thay thăng tiện đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.
- *- Scanner set up Check engine light.

**REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT**

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

Để biết thêm xin Liên Lạc:

NHỰT TƯỜNG & THÙY TRANG



LISA'S FLORIST

2424 Quimby Rd
San Jose, CA 95148

ĐT: (408)528-7675 Cell: (408)828-5833

Đảm trách mọi dịch vụ về:

- *- Hoa Tươi,
- *- Hoa Đám cưới,
- *- Đám hỏi,
- *- Đám hỏi,
- *- Sinh Nhật,
- *- Thăm viếng,
- *- Ra Trường
- *- Đeo Cổ
- *- Đeo Tay
- *- Chúc Thọ
- *- Tân Gia
- v . . v . .
- *- Free Delivery



- *- Hoa Đám
- *- Hoa phủ
trên Quan tài
- *- Hoa Phúng
Điếu
- *- Trang hoàng
Thánh Đường
- *- Bàn Thờ
Gia Tiên
- *- Đặc biệt
Có nhận may
tang phục
miễn phí.

ĐẶC BIỆT

*- Vòng hoa Phúng Điếu \$89.00

Nhận ORDER 24/24

*- Bớt 15% cho các gia đình H.O
& các Hội Đoàn

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN
***- Trong năm 2013**

- 1- * **Bí pháp dâng Tam Bửu - Bí pháp giải thoát**
(Soạn giả: HT Lê Văn Thêm) phát hành tháng 4-2013.
- 2-* **Chân dung Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung**
(Soạn giả: HT Trần Văn Rạng)
* **Phương châm Hành Đạo**
(Thượng Đâu sư Lê Văn Trung) phát hành tháng 10-2013
- 3-* **Lược sử Khai Đạo**
(HT Nguyễn Trung Đạo) phát hành tháng 12-2013.

***- Trong năm 2014 - 2016**

Tháng 6- 2014

- 1-* **Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo Cao Đài.**
(HT Nguyễn Long Thành).
* **40 năm lịch sử Đạo Cao Đài** (Hoài Nhân)
- 2-* **A brief introduction to Caodaism**
(HTDP Túy Nguyễn).

Tháng 3-2015

- * **Luật Tam Thể** (Đức Cao Thượng Phẩm & Bát Nương Diêu Trì Cung). * **Tiểu sử Đức Cao Thượng Phẩm** (HT. Trần Văn Rạng)

Tháng 5-2016

- *- **Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948.**

Tháng 8-2016

- *- **Thiên Nhân Hiệp Nhứt (Quyển I)**
(HT. Lê Văn Thêm).

MỤC LỤC

01-	Chúc Xuân Đinh Dậu (2017) của Cao Đài Hải Ngoại.	3
02-	Tâm Thư ngày 5-11-2016 của Cao Đài Hải Ngoại.	5
03-	Thánh Lệnh số 257/HP-HN ngày 10-3-1957 của Đức Hộ Pháp, Chương Quản Nhị Hữu hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng.	10
04-	Trích đoạn thư ngày 23-2-2000 của Giáo hữu Thượng Màng Thanh gửi Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	13
05-	Bạch thư năm 2004 và bạch thư năm 2013 của HTDP Dương Văn Ngừa.	15
06	Thư số 116/QCQ/HTĐ ngày 14-4-1980 và Thư số 132/QCQ/HTĐ ngày 2-5-1980 của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa.	31
07-	“Nguồn gốc cao cả của con người theo giáo lý Đạo Cao Đài” (QS. Lê Văn Thêm). ...	35
08-	“Một nền giáo dục nhân bản - Nhân bản Thầy giáo” (Nguyễn Văn Trường).	55
09-	“Nho Giáo” (Nguyễn Hoài Vân).	76
10-	“Suy nghĩ về một chánh sách giáo dục mới: Giáo dục nhị thể” (Mai Thanh Truyết).	90
11-	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	101
12-	Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài - Phân ưu.	103

13-	Tổng kết tiền yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại năm 2016	106
14-	Đức Hộ Pháp thuyết Đạo “ Khai Mạc Đại hội Phước Thiện”	113
15-	“ Đại gia giàu có bị chửi rửa” (Ngọc Thi, Phụ Nữ sức khỏe)	116
16-	“Mười điều tâm niệm” (Luận Bảo Vương Tam Muội)	122
17-	“Roi lệ vì hơn 2000 người đến tiễn biệt người phụ nữ”	123
18-	“Danh hiệu và tiêu chuẩn lập pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Hiền Tài Nguyễn Long Thành).	136
19-	Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1946- 1947) (tiếp theo).	163
20-	Mục lục	190

**ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG
TẬP SAN THẾ ĐẠO**



KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr.
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại: (408) 238-6547